

Số 234

VĂN HÒA

PHẬT GIÁO

**Vì một cộng đồng
hạnh phúc**

Tr. 4

Lăng Thiên Thọ

Tr. 7

Phật giáo

Tr. 30



BAN TỔ CHỨC



HOA SEN GROUP



Đêm hội Trăng Rằm 2015



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



TÔN HOA SEN

Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



• www.facebook.com/maimamgiadinhviet

Chương trình được truyền hình trực tiếp trên kênh **HTV9**

Thời gian: 17g10 - 18g30

Ngày: 26 tháng 09 năm 2015

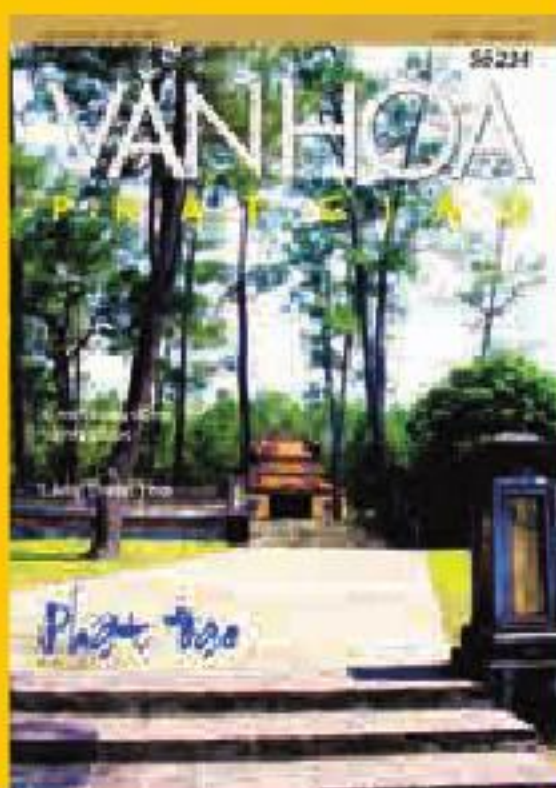
Địa điểm tổ chức: Trung tâm ca nhạc Lan Anh.

291 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Đối tượng: 1500 em nhỏ đến từ các mái ấm, nhà mồ, trường giáo dưỡng.

ĐƠN VỊ HỖ TRỢ





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUÂN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Tri sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Ngô Văn Thông, ĐĐT: 0906 934 252

Quảng cáo
Pháp Tuê, ĐĐT: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanhpg@gmail.com

Tên tài khoản:
Tap chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Vì một cộng đồng hạnh phúc (Nguyễn Cẩn)	4
Lăng Thiên Thọ (Cao Huy Hóa)	7
Lịch sử cần trung thực (Tôn Thất Thọ)	10
Giật mình, mình lại thương mình... (Nguyễn Minh)	12
Tính viên mãn vốn sẵn trong kinh Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	16
Đạo đức Phật giáo, sự hoàn thiện về đạo đức và xã hội hiện đại (P.D. Premasiri, Nguyễn Văn Nhật dịch)	18
Tư tưởng Bồ-tát đạo của Phật giáo Đại thừa (Niệm Huệ)	20
Vũ điệu ý niệm trong cơn đau bản thể (Nhụy Nguyên)	24
Nổi chìm lẫn lộn trong ba cõi (Diệu Ngộ)	28
Phật đạo (Đỗ Hồng Ngọc)	30
Điệu, màu mè (Hồ Anh Thái)	33
Thấy gì trong các khu phố văn hóa (Lê Hải Đăng)	34
Nẻo vào thiền môn (Hoàng Tá Thích)	36
Những câu chuyện không đoạn kết (Nguyễn Hữu Thông)	39
Rùa Hồ Gươm là "bảo vật quốc gia"? (Nguyễn Văn Toàn)	42
Giá như! (Hoàng Thị Như Huy)	45
Vỡ kịch (Lê Hứa Huyền Trân)	46
Anh cần một lời khen, bà xã ơi! (Đặng Trung Thành)	49
Thơ (Trường Khánh, Lý Thị Minh Châu, Sơn Thị Hoàng Sa, Trần Ngọc Mỹ, Sông Hương)	50
Chuyện trẻ con thôi mà (Trần Kiêm Hạ)	52
Mùa thu hoa cúc (Nguyễn Thánh Ngã)	55
Nhớ hồn sách cũ (Như Đại)	56
Hỏi đáp (Bàng Ấn)	58

Bìa 1: Lăng Thiên Thọ. Ảnh: Nguyễn Đình Niêm.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Vừa qua, có bạn đọc đến thăm tòa soạn và cho biết có vài người cho rằng tạp chí Văn Hóa Phật Giáo là tờ báo của người Huế, chuyên đăng bài của các tác giả Huế với nội dung nói về xứ Huế.

Chúng tôi xin khẳng định cùng quý độc giả rằng VHPG không hề có chủ trương đặc biệt nào về xứ Huế. Tuy vậy, gần đây, phong trào tìm hiểu văn hóa và lịch sử vùng đất Thừa Thiên - Huế thu hút được nhiều nhà nghiên cứu tham gia, nhiều người có những bài viết súc tích, cho nên chúng tôi cũng đã đăng tải một số bài trong rất nhiều bài viết gửi về. Mặt khác, không ít những tác giả thường xuyên cộng tác với VHPG không phải là người Huế và cũng không cư ngụ ở Huế. Đa số các tác giả này sống rải rác trên khắp nước và có cả những vị vẫn định cư ở hải ngoại. Cụ thể, có thể nói đến các vị như Nguyễn Thế Đăng, Nguyễn Cẩn, Đỗ Hồng Ngọc, Hồ Anh Thái, Nguyễn Hữu Đức, Lê Hải Đăng, Trần Văn Chánh, Nguyễn Mạnh Hùng, Huệ Viên, Vĩnh Hạnh Thái Chí Bình, Trương Văn Dân và Elena Pucillo Trương, Mang Viên Long, Nguyễn Đông Nhật, Hoang Phong, Thị Giới, Vũ Thế Ngọc, Diệu Ngộ...

Về thực tế, hiện nay, tỷ lệ độc giả của VHPG so với dân số địa phương thì số độc giả ở Huế là cao nhất trong cả nước. Sự việc một tạp chí được một địa phương nào ưa chuộng một cách đặc biệt thực ra chỉ là một điều bình thường, và do quan niệm cùng tính cách của địa phương ấy, chứ không phải do tờ báo cố tình có khuynh hướng thiên về một địa phương.

Từ khi phục hồi trang Hỏi & Đáp, có một số độc giả gửi về tòa soạn các thắc mắc về Phật giáo, sau đó lại nêu rằng vì sao những thắc mắc của các vị đó không được đăng tải trên mặt báo. Chúng tôi xin nhắc lại rằng với những thắc mắc quá đơn giản, không đủ nội dung để trình bày thành một bài viết, chúng tôi luôn luôn trả lời ngay qua điện thư. Trang Hỏi & Đáp chỉ trả lời những thắc mắc có nội dung không quá phức tạp mà cũng không quá đơn giản. Trong Thư tòa soạn số 230 ra ngày 1-8-2015, chúng tôi cũng đã nêu rõ những tiêu chí để trả lời trên trang Hỏi & Đáp, mong quý độc giả tham khảo và đồng tình với chủ trương của chúng tôi.

Kính chúc quý độc giả thân tâm an lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



**Dục hỷ là căn bản của đau khổ, từ hữu, sanh khởi lên,
và già và chết đến với loài sinh vật.**

(Trung Bộ kinh, số 1, kinh Pháp môn căn bản)

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



Vì một cộng đồng hạnh phúc

NGUYỄN CẦN

Quản lý để làm gì?

Vụ cháy chợ Tứ Hạ, chợ trung tâm của thị xã Hương Trà (Thừa Thiên-Huế), vào trung tuần tháng 9-2015 đã thiêu rụi 66 ki-ốt, gây thiệt hại nặng cho 113 tiểu thương. Họ bức xúc phản ánh là Ban Quản lý chợ không có người canh trực nên việc phát hiện và báo tin cháy muộn; khi người dân có mặt tại hiện trường tìm cầu dao tổng để cắt điện và tìm bình xịt để chữa cháy thì phòng của Ban Quản lý chợ khóa cửa; hệ thống nước chữa cháy của chợ không thể kích hoạt vì không có máy nổ. Một vị có trách nhiệm quản lý, ông Hoàng Thắng giải thích: *"Theo quy định của Ủy ban Nhân dân phường, mỗi đêm có một người trực ở chợ. Về thông tin khi xảy ra cháy không có người trực, chúng tôi sẽ kiểm tra lại. Lúc xây dựng, chợ Tứ Hạ cũng đã đảm bảo về phòng cháy chữa cháy, nhưng có thể trong quá trình để lâu không sử dụng hoặc trong thời gian mưa gió, thiết bị rỉ sét nên không đảm bảo được"* (Trích dẫn theo báo Thanh Niên).

Chúng ta có ngạc nhiên không khi theo quy định PCCC, hàng năm – thậm chí hàng quý – phải kiểm tra thiết bị và phương tiện, chứ sao lại trả lời *"có thể thiết bị rỉ sét"* được? Như vậy trách nhiệm của Ban Quản lý chợ là gì? Chỉ thu thuế hoa chi hay sao? Còn những lời hứa: *"Về lâu dài, sẽ kiến nghị tình đầu tư để xây dựng lại chợ mới"* chỉ là chuyện xa vời. Trước mắt, ai đền bù những tổn thất cơ nghiệp của người dân khi không hề có chế độ bảo hiểm về vật chất nào ở đây, lại càng không có bảo hiểm về trách nhiệm. Liệu có ai từ chức không hay chỉ rút kinh nghiệm; sợi dây kinh nghiệm mà có lần ông Nguyễn Bá Thanh, lúc còn sinh tiền, gọi là sợi dây dài nhất thế giới vì rút hoài không hết.

Mấy ngày gần đây, do ảnh hưởng bão, những cơn mưa kéo dài nhấn chìm rất nhiều thành phố, trong đó nghiêm trọng nhất phải kể đến TP.HCM. Theo ông Đỗ Tấn Long, Trưởng phòng Quản lý Hệ thống Thoát nước thuộc Trung tâm Điều hành Chương trình Chống ngập TP.HCM thì nguyên nhân nước ngập ngày 15-9-2015

"là do lượng mưa quá lớn khiến hệ thống cống hiện nay không thể thoát nước kịp nên dẫn đến tình trạng ngập". Nói thế là chưa hình dung hết tình cảnh mà nhiều tờ báo mô tả "Ngập lụt kinh hoàng tại TP.HCM" (báo *Tiến Phong*); "Chèo xuồng ở khu dân cư ốc đảo giữa Sài Gòn" (*Vietnam Net*)... Nhiều hình ảnh trên các trang báo mạng cho thấy rất nhiều tuyến đường, con hẻm ở TP.HCM nước chưa rút nên trẻ em cầm rổ ra đường bắt cá, một số khác lấy bẻ xốp ra bơi... Báo cáo nói "ngập sâu nhất 50cm" nhưng thực tế một số tuyến đường ở Bình Thạnh hay quận 8, nước lên đến cả mét. Hàng triệu người vật lộn với nước gây ra cảnh kẹt xe chưa từng thấy. Theo đánh giá chung, đây là lần đầu tiên mức độ ngập sâu như vậy và nó kéo dài quá lâu, ảnh hưởng không chỉ giao thông mà còn trực tiếp đến đời sống kinh tế của người dân. Khi bị chất vấn về hàng chục nghìn tỷ đồng dành cho cấp thoát nước đã được sử dụng ra sao, làm được những gì, có quan chức trả lời rằng số tiền ấy không đủ đáp ứng cho những quận ngoại thành. Nhưng nội thành cũng ngập thì sao? Có người đưa ra con số mà không hiểu tính toán tự bao giờ rằng "Để giải quyết ngập, có xét đến yếu tố biến đổi khí hậu, tổng kinh phí chưa có nguồn mà TP.HCM cần huy động cho giai đoạn 2016-2020 là 66.820 tỉ đồng". Báo cáo với Chính phủ trong tháng 7 vừa qua, UBND TP cho biết TP đã cố gắng huy động hết toàn bộ các nguồn lực nhưng vẫn còn thiếu 43.435 tỉ đồng. Trước dự báo thần cơ diệu toán của quan chức ấy, Tiến sĩ Phạm Sanh, một chuyên gia giao thông, bình luận: "Đừng có sa đà vào những con số nữa, những công trình lớn nữa. Những công trình này chủ yếu về thủy lợi thôi. Ở đây tôi muốn nói là những công trình bên trong đô thị. Tức là những cống trong nhà, trong hẻm, trên đường, cống xuống kênh thì giải quyết bao nhiêu tiền. Chứ đừng có nói con số 66.820 tỉ để xây dựng những công trình khổng lồ. Theo tôi, bây giờ nếu có thêm 166.000 tỉ đồng đi nữa mà cách đặt vấn đề về những giải pháp như Trung tâm chống ngập thì TP.HCM vẫn còn tiếp tục ngập thôi...". Ông nhận định rằng "... Những trận mưa kỷ lục gây ngập ở nhiều nước chỉ là thiếu số, riêng ở TP.HCM chỉ cần một hay hai lần mưa là đã ngập. Riêng triều cường ngày 15-9 tại trạm Nhà Bè, Phú An dao động 1,3 – 1,4 m, rất thấp so với đỉnh triều những lần trước. Cho nên phía đơn vị thoát nước cứ đổ lỗi do mưa lớn và triều cường là không đúng...". Nghĩa là việc xác định trời mưa, triều cường gây ngập lụt ở TP.HCM hiện nay chỉ là hiện tượng chứ không phải nguyên nhân. Theo đó cơ quan chức năng chưa đưa ra được những nguyên nhân chủ quan, chỉ tập trung vào những nguyên nhân khách quan. Ông cho biết: "Thật ra có bài toán ngập nước nào mà không giải quyết được. Ngay cả trên thế giới người ta vẫn tìm được cách giải quyết. Quan trọng là những người thuộc lĩnh vực đó phải biết cách làm và làm với cái tâm, chứ có thành phố nào ngập mà người ta 'bỏ tay' đâu!". Vì sao lại phải có cái

tâm ở đây? Vì thiếu cái tâm, tức là "lương tâm chức nghiệp" hay xa hơn là sự đồng cảm, tương tức với đồng bào, đặt mình vào hoàn cảnh của họ thì mới làm triệt để, mà không nghĩ đến tư túi, tư lợi...

Cái tâm và cái tầm của người lãnh đạo

Trước hết nói về cái tầm, hay đúng hơn là tầm nhìn, người ta phải dự báo rằng chợ có thể cháy vì nhiều lý do, gần nhất là vì bất cẩn như đun nấu hay để chập điện còn xa hơn là do sét đánh, cũng như thành phố có thể ngập vì nhiều lý do, gần nhất là do mưa, xa hơn là do biến đổi khí hậu... Người lãnh đạo phải thấy trách nhiệm của mình trong việc dự báo và chuẩn bị trù liệu kế hoạch. Với TP.HCM, nếu cho rằng chiếc áo "cơ chế" của TP.HCM quá chật chội cho sự phát triển một đô thị lớn nhất Việt Nam thì phải để đạt thay đổi cơ chế ấy.

Mà cơ chế hay thể chế của đất nước ta hiện nay, nếu có thời gian nhìn lại sẽ thấy không ít bất cập. Một vài ví dụ về cái tầm của người "quản lý" nhà nước khi không lường hết những rắc rối sinh ra do chính mình. Chuyện ông Trương Đình Tuyển kể rằng ông cảm thấy day dứt khi nhớ về quyết định thành lập Cục Quản lý Cạnh tranh nằm dưới ô của Bộ Thương mại, khi ông còn làm bộ trưởng bộ này. Cơ chế đó vô hình trung đã vô hiệu hóa vai trò và hoạt động của cơ quan vốn rất quan trọng để đảm bảo cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đeo đuổi. Có lần, lãnh đạo Cục Quản lý Cạnh tranh muốn điều tra Tổng Công ty Thép do nghi ngờ doanh nghiệp nhà nước này vi phạm Luật Cạnh tranh. Khi việc điều tra còn chưa bắt đầu, thì họ đã bị một lãnh đạo bộ "tuýt còi". "Có thứ trưởng không cho điều tra... cơ chế nhà nước như vậy thì làm sao thị trường tốt được", ông Tuyển nói tại hội thảo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cuối tháng trước.

Cũng ông Tuyển, nói tại Diễn đàn Kinh tế Mùa Thu được tổ chức liền trước hội thảo trên, khẳng định: "Nhà nước phải thay đổi chức năng, từ Nhà nước chỉ huy, sở hữu sang Nhà nước kiến tạo phát triển để phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nếu chúng ta không làm được điều này, thì đất nước sẽ còn tụt hậu xa hơn". Nhận xét của ông Tuyển không bị bất kỳ ai trong giới quan chức chính phủ, đại biểu Quốc hội, và học giả phản bác trong hai hội thảo về thể chế rất được chú ý cuối tuần trước. Người ta đều thống nhất một điểm chung: Nhà nước phình to, ôm đồm, trùng lặp, thiếu giải trình... đang trở thành lực cản cho thị trường phát triển. Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương Nguyễn Đình Cung chỉ vào một hình, trong đó, một người è cổ, còng lưng vác bao tải nặng, cầm mặt dò dẫm bước đi trên một cây gỗ; ông Cung ví von đó là tình trạng của doanh nghiệp tư nhân. Bao tải nặng là chi phí, cầu khỉ là nền tảng thể chế.

Không chỉ doanh nghiệp tư nhân, chi phí đang là gánh nặng cho mọi người dân hiện nay. Tình hình



tháng 9 rộ lên những bức xúc trong dư luận dù lãnh đạo ngành giáo dục các cấp luôn khẳng định không cho phép các trường thực hiện những khoản thu ngoài quy định, thế nhưng cứ khi năm học mới bắt đầu phụ huynh lại tiếp tục khổ sở vì các khoản thu. Theo một vài tờ báo thì mỗi học sinh “gánh” 22 khoản thu. Cụ thể, một bức ảnh chụp lại danh mục 22 khoản thu đầu năm học được cho là của Trường Tiểu học Nghi Trung (huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An) lan truyền trên Facebook gây sốc nhiều người, gồm 3 khoản thu bắt buộc, 5 khoản theo thỏa thuận và 14 khoản thu tự nguyện với tổng số tiền là 5.214.000 đồng/học sinh. Hiệu phó của một trường mầm non ở TP.HCM cho biết với khoản thu mà phụ huynh đóng hằng năm, lẽ ra sau mỗi năm học nhà trường phải trả lại đồ dùng của trẻ cho phụ huynh. Sang năm học mới, với kinh phí phụ huynh đóng, các trường phải mua sắm đồ dùng mới. Tuy nhiên, hầu như các trường đều giữ lại, tiếp tục sử dụng và chỉ thay khi vật dụng quá cũ, không thể dùng được nữa. Thế thì thu làm gì, ai quản lý những khoản thu này nếu sờ, phòng không biết vì không có chủ trương? Nhưng ai ngăn chặn việc lạm thu này? Không có ai!

Tương tự như giá cước taxi hay vận tải mà công luận đang phê phán: trong khi xăng xuống giá 30% (cũng chưa phải là con số minh bạch nhưng tạm chấp nhận) thì cước taxi hay vận tải “tự nguyện” giảm theo kiểu ban phát ân huệ 5% (!) mà không thấy Bộ Giao thông Vận tải hay Ban Quản lý Giá và cả Bộ Tài chính nữa, lên tiếng; trong khi ai cũng muốn “quản lý” tất cả các mặt hàng hóa và cả dịch vụ, nghe đâu sắp tới mua gì cũng có hóa đơn.

Vậy là do tâm hay tâm?

Cả hai, chắc thế! Vì sao? Người ta đang đánh giá các quốc gia hiện nay không chỉ bằng GDP hay GNP mà bằng GNH (Gross National Happiness) để xem người dân có hạnh phúc không. Chúng ta từng xác nhận “mưu cầu hạnh phúc” là một trong những quyền căn bản như đã nêu trong Tuyên ngôn Độc lập. GNP phải tương thích với GNH, nếu không thì những của cải vật

chất mà một quốc gia tích lũy có ý nghĩa gì khi tình trạng hạ tầng cơ sở xuống cấp, thiếu cầu đường, sự ô nhiễm môi sinh không được khắc phục, tệ nạn hàng gian hàng giả gây hại cho sức khỏe cộng đồng không được ngăn chặn, tình trạng văn hóa quần chúng xuống cấp, hành xử bạo lực giữa người với người hết sức phổ biến, và đất nước trở thành một quốc gia bị ghét bỏ và nghi kị trên thế giới? Một xã hội mà như thế thì thực sự không đáng sống! Hạnh phúc được định nghĩa theo một cách nói trong nhà Phật là sự có mặt của tình thương, của sự thanh thản, của trí tuệ. Theo Thiền sư Nhất Hạnh, sự nghiệp của Đức Thế Tôn suốt đời cũng chỉ làm một việc quan trọng là xây dựng Tăng thân. “*He is an excellent sangha builder*”. Làm sao cho Tăng chúng luôn biết sống trong an lạc hạnh phúc chính là đạo quả lớn lao nhất. Tương tự, làm cho muôn dân ai cũng ấm no hạnh phúc là hạnh phúc hay cứu cánh của bất cứ người lãnh đạo hay quản lý nào, làm sao để người dân không còn băn khoăn về hàng trăm thứ phí phải đóng mà không biết để làm gì vì không thấy thành quả nào thể hiện nếu như con họ vẫn phải học trong những ngôi trường chật chội, vẫn phải bơi qua suối đến trường, và nếu là thị dân thì họ cứ phải sợ mưa xuống làm ngập đường kẹt phố, là doanh nhân thì cứ ề đầu công phí rồi mất dần sức cạnh tranh, ế ẩm hàng hóa hay khi xảy ra sự cố như cháy nổ, thiên tai chẳng biết trông chờ vào ai? Người lãnh đạo hay quản lý phải biết sống trong tương tức tương sinh với đồng bào, quần chúng. Nói như người xưa là “vui sau thiên hạ và lo trước thiên hạ”. Thấy người cũng là mình, thấy khó khăn của người khác cũng là của mình, nhìn con người khác như con mình, nghĩ xem đóng mức phí đó thì có hợp lý không? Cháy sập chợ người khác như cháy sập nhà mình, có đau xót không, có cần phải lo toan PCCC cẩn thận không? Có phải mua bảo hiểm không?... Chúng ta chưa cần những nhà quản lý mang chất “thánh” mà chỉ cần họ mang chất “người” đúng nghĩa thôi. Nói theo ngôn ngữ văn chương một chút là “Lắng nghe để hiểu; nhìn lại để thương”, sau cùng là để chia sẻ và... quản lý. Nếu như câu hỏi “Tôi nên đầu tư cuộc đời tôi vào đâu?”. Thì câu trả lời của Đức Thế Tôn là Tăng thân, vì Tăng thân là phước điển, chính Tăng thân nở ra đóa hoa của Phật thân, Pháp thân. Chính sự đầu tư con tim và khối óc của nhà quản trị vào cộng đồng, vào nhân dân sẽ đưa lại những chính sách, những phương pháp quản lý đúng đắn, qua đó cuộc đời họ sẽ nhận được hoa trái của tình thương, sự kính trọng của cộng đồng và nhất là hạnh phúc chung và riêng đan xen chặt chẽ. Hãy luôn nhớ GNH là thước đo tối hậu hiệu quả thể chế của chúng ta, là dấu chuẩn cho việc thực thi chính sách. Quản lý phải đi kèm với trách nhiệm và lương tâm chức nghiệp.

Chúng ta đang cần lắm những con người có tâm và có tầm như thế! ■

Lăng Thiên Thọ

Bài & ảnh: CAO HUY HÓA

Lăng tẩm triều Nguyễn là di sản vô cùng quý giá của tổ tiên để lại cho Huế, cho dân tộc, và cho thế giới. Nghĩ đến các vua triều Nguyễn là trước hết nghĩ đến vua Gia Long (1762-1820), người khởi đầu vương triều, nhưng vì lăng vua Gia Long, tức lăng Thiên Thọ, thì ở xa, trước đây đi lại khó khăn, cách đồ trở giang, nên ít người đến chiêm bái hoặc tham quan. Phần đông du khách chỉ đến viếng các lăng vua Minh Mạng, vua Tự Đức vì cảnh quan và kiến trúc đẹp, trầm mặc, nên thơ, và lăng vua Khải Định vì kiến trúc độc đáo, cách tân, pha phong cách châu Âu.

Từ thời còn học trung học, khoảng trước năm 1960, tôi đã có dịp viếng lăng Thiên Thọ, và ấn tượng để lại không nhiều. Thời đó phải đi đò ngược dòng sông Hương, lên núi, đường đi khó, dân cư vắng vẻ, thôn xóm điêu hiu. Tuổi trẻ lại không ham nơi chốn đồi núi bao la, đơn sơ, lại thấy lăng mộ không hoành tráng, cứ cho là các lăng vua khác đẹp hơn, thích hơn. Rồi chiến tranh dồn dập, ai cũng nghĩ vùng đồi núi xa xôi hứng chịu nhiều bom đạn thì còn gì là di tích, cho nên lăng vua Gia Long chỉ còn trong tiềm thức, qua một thời gian dài.

Nhưng ngày nay, điều kiện đã quá thuận lợi cho mọi người, trước hết là người Huế, để tìm đến nơi mà mình cần phải đến, để tưởng nhớ vị vua của đất nước thống nhất như ngày nay, vị vua đã đặt kinh đô tại Huế để sau này Huế được UNESCO vinh danh, và cũng để trầm tư về cuộc đời bôn ba và sự nghiệp to lớn mà mình chỉ học chút ít trong sách sử. Chỉ cần chưa đến một giờ nếu bạn đi xe máy để đến nơi. Con đường trải nhựa càng đi xa thì đường hẹp và xấu hơn, một vài đoạn nhựa bong tróc, đây đó nhiều ổ gà, nhưng nói chung chẳng có gì gọi là cách núi, mà sông thì chẳng còn e vì đã có cây cầu mới tinh bắc qua sông Hữu Trạch¹, nối từ lăng vua Minh Mạng lên lăng vua Gia Long. Ngoài con đường đó, lại có con đường qua cầu phao bắc qua sông Tả Trạch, thuận lợi cho người và xe máy.

Trái với ấn tượng hồi trai trẻ, ngày nay, suốt đường đi lên lăng, hai bên đường thôn xóm đông vui, cảnh vật xanh tươi với cây cao bóng mát, trong đó có nhiều cây thanh trà. Chỉ cần giao thông cải thiện là sức sống vùng đồi núi trỗi dậy. Bạn lưu ý các bảng chỉ đường: các lăng Trường Thanh (chúa Nguyễn Phúc Chu), lăng Trường Cơ (chúa Nguyễn Hoàng), cuối cùng là lăng



vua Gia Long. Rẽ vào phía núi, đi trên con đường hẹp không dài lắm, bạn nhận thấy phía trước sáng lên, con đường mở ra phong quang, và từ xa, hai hàng thông cổ thụ hiện ngang, đưa ta vào một cõi tĩnh lặng mênh mông, nơi yên nghỉ của vua Gia Long. Bạn ngạc nhiên vì cảnh quan hùng vĩ và nên thơ dần hiển lộ, mà không thấy cổng lăng và la thành, cho đến khi xuất hiện từ xa hai trụ biểu, thì chắc bạn sẽ so sánh với các lăng khác: ô hay! ở đây sao mà thanh thản thế!

Lăng Gia Long là một quần thể nhiều lăng tẩm, trong đó khu lăng mộ trung tâm là lăng mộ của vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu trên quả đồi bằng phẳng rộng lớn.

Vua Gia Long, húy là Nguyễn Phúc Ánh, sinh năm 1762, là con thứ ba của Nguyễn Phúc Luân. Vương tử Nguyễn Phúc Luân là con của chúa Nguyễn Phúc Khoát, được di chiếu lên ngôi chúa nhưng không thành, vì bị Trương Phúc Loan và các gian thần phế bỏ và sát hại, để đưa Nguyễn Phúc Thuần còn nhỏ lên ngôi chúa. Năm 1777, khi chúa Nguyễn Phúc Thuần và vương gia bị quân Tây Sơn bắt và giết ở Long Xuyên thì Nguyễn Phúc Ánh thoát nạn, và từ đó nối nghiệp chúa theo con đường chinh chiến gian nguy, cuối cùng đã đánh bại Tây Sơn, thống nhất nước nhà và khai sáng triều Nguyễn năm 1802. Ngài mất năm 1820.

Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu, húy là Tống Phúc Thị Lan, sinh năm 1761, được Nguyễn Phúc Ánh cưới năm bà 18 tuổi, cùng trải qua gian nguy chinh chiến với nhà vua, được vua rất quý mến. Bà là mẹ của Hoàng tử Cảnh. Bà mất năm 1814. Hoàng tử Cảnh sinh năm 1780, khi 3 tuổi đã theo Giám mục Pigneau de Béhaine (Bá Đa Lộc) với tư cách con tin để sang Pháp cầu viện. Hoàng tử Cảnh mất năm 1801, khi đó mới 21 tuổi, vì bị bệnh đậu mùa.

Hoàng hậu thứ hai là Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, húy là Trần Thị Đang, sinh năm 1767, theo hầu chúa những ngày ông còn long đong phiêu bạt nên cũng rất được ông quý mến. Bà chính là mẹ vua Minh Mạng. Bà qua đời năm 1846. Lăng của bà là Thiên Thọ Hữu, trong

khu vực Thiên Thọ lăng. Hai bà Hoàng hậu trên đều được thờ tại Ân Chánh Miếu ở Thế Miếu trong Đại Nội kinh thành Huế.

Bên phải khu lăng là điện Minh Thành thờ vua Gia Long và Thừa Thiên Cao Hoàng Hậu. Bên trái khu lăng là Bi Đình, nay chỉ còn một tấm bia lớn ghi bài văn bia Thánh đức thần công của vua Minh Mạng ca ngợi vua cha, được chạm khắc tinh tế và sắc sảo.

Ngoài ra còn có các lăng phụ cận trong khu vực này như lăng Quang Hưng (bà vợ thứ hai của chúa Hiền vương Nguyễn Phúc Tần), lăng Vĩnh Mậu (vợ chúa Ngãi vương Nguyễn Phúc Trăn), lăng Toại Thánh (vợ thứ hai của Nguyễn Phúc Luân và là thân mẫu của vua Gia Long), lăng Thiên Thọ Hữu của Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, bên cạnh có điện Gia Thành dùng để thờ. Toàn cảnh lăng là một vùng bao la, với 42 núi đồi lớn nhỏ, và ngọn cao nhất là Đại Thiên Thọ, xem như là tiền án của lăng.

Con đường nhỏ giữa hai hàng thông cổ thụ dẫn vào lăng từ ngoài xa, và khi vào lăng thì uốn lượn duyên dáng hết chiều dài của lăng, men theo hồ sen trải dài và uốn quanh, và bên kia là đồi núi nối tiếp nhau rợp bóng thông già, mà mỗi cây thông là một tác phẩm nghệ thuật đa dạng của đất trời, hiện ngang và nên thơ. Rẽ giữa con đường đó là những đường dốc đi lên các lăng mộ trong quần thể.

Chúng tôi mãi mê say cảnh mà chưa vội vào viếng lăng. Trong không khí mát lành của buổi sáng mùa xuân, chúng tôi là những kẻ lãng du hiếm hoi đi trên con đường thông reo rì rào, tiếng chim hót đầu đây, nghe rõ mồn một "cơm còn cho cục", xa xa đàn cò trắng bay la đà trong nắng sớm, để lại vài con còn thần thơ trên đám cỏ ven hồ, đàn bò phân tán rải rác, mỗi nơi vài con, thông thả gặm cỏ. Một bức tranh của thiên nhiên xa vắng con người! Thật ra, người vẫn có đó, với gánh củi dài được buộc với dây chạc chiu; vẫn có đó, một người đi câu ếch lằm lúi ven hồ; và vẫn có đó, chiếc ghe nhỏ lẻ loi neo bên bờ. Những hình ảnh người đó làm cho thời gian chậm chậm trôi, và như đưa ta vào một cõi xa vắng mơ hồ.

Tất nhiên, ngoài đời sống hoang sơ đó, còn có đời sống của những người quản lý và công nhân phục vụ lăng, mặc đồng phục và phù hiệu hằn hoi, mà công việc chính là bảo vệ, chăm sóc, làm trang nghiêm điện thờ, và quét dọn lăng. Dĩ nhiên, họ có lương để làm việc, nhưng tâm thành của họ là đáng quý, thể hiện cụ thể là niềm hương, cúng hoa trái tươi, dầu là ngày hôm đó không có gì đặc biệt, và quét dọn sạch sẽ các lăng mộ và điện thờ.

Chuyện đó là nhỏ, quá nhỏ, nhưng phần nào nói lên một chuyển biến nhận thức về công lao của vị vua đầu triều Nguyễn. Trong niềm tưởng nhớ đến anh linh của Người, tôi nhìn kỹ tấm ảnh tại điện thờ - thật quá sức khiêm tốn -, vẫn là ảnh vua Gia Long vẽ hơi nghiêng,

mặt cương nghị, đội mũ cao phía sau, như ảnh trong các sách lịch sử thời chúng tôi còn học bậc tiểu học; bất giác tôi nhớ những gì học được quá đơn giản “cú một” thời nhỏ: Trần Hưng Đạo ba lần đánh thắng quân Nguyên, Lê Lợi mười năm bình định giặc Minh, Quang Trung đại phá quân Thanh, Nguyễn Ánh thống nhất sơn hà... Sau này người học trò nhỏ lớn lên, nâng cao tầm hiểu biết, họ sẽ hiểu thời đại, anh hùng và con người không đơn giản, nhưng nét nổi trội về con người lịch sử vẫn cần ghi đậm trong tâm hồn mỗi người như là cách nhớ ơn tổ tiên.

Ngày nay, cây cầu bắc qua sông Hữu Trạch đã tạo thuận lợi rất nhiều cho mọi người đến viếng lăng, và một ngày không xa, đường sá sẽ tốt hơn để ngành du lịch đưa khách đến thăm lăng. Rất mong những du khách đến từ mọi miền đất nước đừng tự mình xem như khách du lịch bình thường đi thưởng ngoạn, mà hãy lắng lòng tưởng nhớ đến người xưa, nhất là những người tạo dấu son đặc biệt trong lịch sử. Không ở đâu như ở nơi đây, lăng mộ nằm trong thềm thang đồi núi gió ngàn mà gần hai thế kỷ trước là quá xa xôi hoang vắng, gợi nhớ đến vị vua có chí lớn, mở đầu cho một nước Việt Nam thống nhất từải Nam Quan đến mũi Cà Mau, ra đến tận những hải đảo xa xôi, kể cả Hoàng Sa, Trường Sa.

Trong viễn cảnh đó, tôi vẫn băn khoăn về vấn đề chỉnh trang lăng, phục vụ khách du lịch. Làm sao để du

lich không làm biến dạng hoặc khoác thêm màu sắc lòe loẹt lên cảnh quan vốn có, và sự quản lý phải đạt hiệu quả để du khách không để lại cảnh nhếch nhác, rác thải, khắc hình, khắc chữ trên cây, trên di tích? Trước mắt cần làm một việc, cấp thiết mà đơn giản, đó là chỉnh trang hồ sen, không nên để thời gian làm tàn tạ một hồ sen vốn quá đẹp và nên thơ. Một vùng quần thể lăng mộ minh mông, không có la thành, không có cổng vào, để cho ai vào cũng được, kể cả người đi cũi, kể cả đàn bò, một nơi hào phóng như thế thì làm sao dựng cổng để bán vé và soát vé vào lăng? Có lẽ nếu đặt vấn đề bán vé thì nên đặt nơi bán vé tại đầu ngã rẽ vào lăng, và cũng nên quy hoạch nơi để xe khá xa lối vào lăng.

Trong khi ngày đó chưa đến, xin những người muốn xa lánh bụi phồn hoa “tranh thủ” đến viếng lăng, vừa tưởng nhớ đến vua Gia Long, vừa có dịp thả hồn thơ thới, với không khí trong lành tuyệt đối mà mấy khi mình được hưởng. Biết đâu bạn cũng sẽ giống như ông bạn già của tôi, sẽ trở lại lần nữa để đi bộ thong dong một mình trên con đường uốn quanh suốt chiều dài của lăng, và dần dần mất hút như hòa nhập với cỏ cây, đàn bò và những cánh cò chập chờn trên đồi cỏ. ■

Chú thích:

1. Theo “Ước mong đã thỏa”, Bài và ảnh: Lê Thọ, báo *Thừa Thiên Huế* online, 23/1/2015.

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2015

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2015, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,	
Chùa Bảo An	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,	
Q.5, PD: Diệu Đức	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định	: 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết	: 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA	: 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu An	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên,	
Cty TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com	: 2 cuốn/kỳ
Cty Nến Hạnh Phúc, Q.BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6	: 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp	: 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính	: 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan	
(namgiao1942@yahoo.com)	: 1 cuốn/kỳ
Cô Châu	: 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này:	454 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG: (08) 3 8484 335.**

Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập

(118) TONKIN : Haugby. Mines de charbon.
D'une ik fond les rochers de la baie d'Along

Lịch sử cần trưg thực

Bài & ảnh: TÔN THẮT THỌ

Trong cuốn “Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn” của ông Phạm Khắc Hòe, có bài viết “Vũ Duy Thanh một ông quan xưa rất nhạy cảm với khoa học và kỹ thuật hiện đại”. Ở nội dung bài viết này, tác giả có thuật một câu chuyện như sau :

“... Những ưu điểm của Vũ Duy Thanh được thể hiện rất rõ trong mấy câu chuyện sau - Chuyện một khối đá màu đen.

Một hôm quan đầu tỉnh Quảng Yên cho mang về Kinh một khối đá màu đen, kèm theo một tờ trình nói rằng: “Bọn thổ dân trong khi đào một cái mương sâu, thấy có rất nhiều lớp đá màu đen, đua nhau đào lấy, đem về đẽo làm vua bếp để thổi nấu, thì thấy phát lửa cháy thành ngọn rất đượm. Nhiều người cho rằng đó là một thứ đá kỳ quái, có thể báo điềm gì chẳng, nên phải lập tức đệ trình cấp trên xét”.

Vua Tự Đức liền cho họp triều thần hỏi ý kiến thì có mấy vị đại thần tâu đó là quái vật xin cho làm lễ nhượng tử để ngăn trước tai họa cho đất nước.

Hôm đó Vũ Duy Thanh ốm không vào họp được, sau nghe chuyện vội vào chầu, xin cho xem viên đá. Vừa trông thấy đá, ông tâu lên rằng: đá này chỉ là một vật tầm thường, không phải yêu quái gì cả (...). Mỗi cuộc bể dâu, cỏ cây bị vùi theo vạn vật, rồi đời nọ qua đời kia kết lại như thế. Chẳng những đá ấy không phải là quái vật cản trở đi mà còn là một vật hữu ích, nên tìm cách lợi dụng. Đốt cháy được là có thể dùng thay than củi. Nếu miền ấy có nhiều thứ đá này, xin kíp

phái quan đến tận nơi xem xét chớ nên bỏ” (Kể chuyện vua quan..., sđd tr.109).

Ở bài viết trên, không thấy tác giả Phạm Khắc Hòe ghi xuất xứ cũng như thời điểm xảy ra. Ta thử tìm hiểu về tính xác thực của nội dung câu chuyện:

Căn cứ vào sách Quốc Triều Đăng Khoa Lục thì Vũ Duy Thanh (1807-1859) quê xã Kim Bồng, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, thi đỗ Phó bảng trong kỳ thi Điện năm **1851**. Tháng 5 năm đó, vua Tự Đức ban dụ tổ chức kỳ thi Cát sĩ (Chế khoa), với nội dung sau:

“Lần này mở ra Chế khoa, đặc cách lấy học trò. Nếu như khoa thi Hội gọi là Tiến sĩ, chưa đủ rõ phân biệt. Nay chuẩn cho thi Điện, phàm người nào đỗ thì sắc cho làm Bác học hoành từ đệ... giáp cát sĩ cập đệ hay xuất thân có thứ bậc, để tỏ ra tên hay mà nêu rõ điển lệ ít có” (ĐNTL T 7, sđd, tr.202).

Kỳ thi này do đích thân nhà vua ra đề thi. Kết quả, Vũ Duy Thanh được trúng Nhất giáp Cát sĩ cập đệ đệ nhị danh (Bảng nhãn); sau đó được lãnh chức Tư nghiệp (Hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám).

Trở lại với câu chuyện trên, ta có thể xác định thời điểm xảy ra sự kiện là sau năm **1851**. Vậy liệu nội dung câu chuyện đó có chính xác?

Như chúng ta đã biết, dưới thời nhà Nguyễn, với chủ trương “trọng nông” nên các triều đại đều chú trọng việc phát triển nông nghiệp, tiến hành đồng thời rất nhiều biện pháp mở rộng khai hoang, thực hiện nhiều công

trình thủy lợi. Việc khai thác tài nguyên và khoáng sản do trình độ bấy giờ còn thấp, chủ yếu là thủ công nghiệp, nên ít được chú trọng. Các lĩnh vực luyện kim, khai khoáng ít được ghi chép hay chỉ để cập một cách sơ lược, mặc dù kỹ thuật luyện kim (như đúc đồng) bấy giờ cũng đã phát triển khá cao.

Sử chép rằng, dưới thời Gia Long, sau khi thống nhất đất nước và lên ngôi, vào tháng 10 năm 1802, vua đã ban chỉ dụ cho “mở mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kẽm, mỏ đồng ở tỉnh Tuyên Quang và Hưng Hóa; sai thổ mục là Ma Doãn Diên, Hoàng Phong Bút, Cẩm Nhon coi về việc ấy, định sang năm sau sẽ đánh thuế” (Quốc triều Chính biên Toát yếu [QTCBTY], sđd, tr.69).

Đến tháng 12 năm 1819, lại cho khai mỏ kẽm tại xã An Lăng, trấn Hải Dương (QTCBTY, sđd, tr.101). Đến đời Minh Mạng, năm 1821, đã khai thác được 10.000 cân đồng, dâng lên. Vua sai đúc ba khẩu súng lớn, đặt tên “Bảo quốc an dân Đại tướng quân”.

Đến tháng 5 năm 1832, lại mở mỏ vàng ở tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang để thu thuế, trước đây vì thuế cao, không ai dám lãnh trưng, nay giao cho người Trung Quốc lãnh (QTCBTY, sđd, tr.203).

Riêng việc khai thác than ở Đông Triều- Quảng Ninh, đến năm 1839 mới thấy đề cập. Sử Quốc triều chính biên toát yếu chép:

“Năm Kỷ Hợi XX (1839)... Tổng đốc An Hải là Tôn Thất Bật dâng sớ xin thuê dân đào lấy mỏ than (núi Đông Triều và An Lăng có mỏ than, khi trước bộ tư lấy 100.000 cân chở về Kinh). Trong sớ nói: ‘... thiên tai mới rồi, dân không lấy gì mà ăn, đều muốn tới làm công kiếm tiền nuôi miệng. Ngài cho’ (SQTCBTY, sđd, tr.307).

Sách Đại Nam thực lục ghi cụ thể như sau:

“Kỷ Hợi, Minh Mệnh năm thứ 20 (1839), mùa Đông, tháng 12 (...) Tổng đốc Hải Yên là Tôn Thất Bật dâng sớ xin thuê muốn dân đào lấy than mỏ (núi An Lăng ở Đông Triều sản than mỏ. Trước đây, bộ tư đào lấy 10 vạn cân, đến kỳ tải, đưa nộp về Kinh). Vua phê bảo:

“Nhân dân hạt người vừa mới được hồi lại yên vui, sao nỡ đem việc không cần kíp làm mệt nhọc người dân, chằm chằm lại cũng chưa muộn gì”. Tôn Thất Bật tâu nói: ‘Dân hạt ấy sau khi xảy ra, gặp tai hại riêng, lại bị luôn vụ mùa tổn thất, đời sống có điều khó khăn, chúng đều tình nguyện đi làm thuê, trông vào tiền công để nuôi thân. Vua bèn cho làm’ (ĐNTL T5, sđd, tr.623).

Qua đó ta thấy, mỏ than Đông Triều- Quảng Ninh đã được người Việt Nam khai thác từ rất sớm, cụ thể là dưới thời vua Minh Mạng (1820-1840), Bộ Hộ đã cho khai thác được 10 vạn cân, số than trên được chở về Kinh, chủ yếu để phục vụ cho việc luyện kim, đúc tiền, rèn vũ khí... Sau đó, đến năm Kỷ Hợi (1839), theo đề nghị của Tổng đốc Hải - Yên (tức Hải Dương - Quảng Yên) Tôn Thất Bật đã xin vua Minh Mạng cho phép được thuê “nhân công” để khai thác mỏ; ban đầu vua Minh Mạng không đồng tình vì sợ người dân đang khó khăn, nay lại thêm gian lao cực khổ

trong việc khai thác than. Về sau, cũng quan Tổng đốc Tôn Thất Bật trình bày lại nguyện vọng, vua mới đồng ý. Việc nhà vua cho phép khai thác than đã một phần giải quyết những khó khăn cho dân sở tại sau một thời gian giặc giã loạn lạc; bị mất mùa đói kém. Mặt khác, nhà nước cũng có thêm tài nguyên để phục vụ công nghiệp. Có thể nói rằng, chính thời điểm đó (năm 1839) những “nhân công” Việt Nam đầu tiên đã tiến hành khai thác than trên đất Quảng Ninh - Đông Triều, và vì thế sẽ không có gì nhầm lẫn khi cho rằng, Tôn Thất Bật chính là ông tổ của ngành than hiện nay! (Tôn Thất Bật là một đại thần đứng đầu nhiều tỉnh dưới thời Minh Mạng và Thiệu Trị, ông có nhiều thành tích trong thời gian lĩnh chức ở các tỉnh phía Bắc, nên dưới thời vua Thiệu Trị, năm 1845, ông được phong Tiển Quân Đô Thống, quyền Hậu Quân Đô Thống Phủ Chương Phủ Sự).

Tài liệu của Sở Công nghiệp Quảng Ninh (trang Thông tin Công nghiệp, ngày 10/11/2008), cho biết dưới thời vua Tự Đức (1846-1884), công việc khai thác than đã được chú ý hơn, vua Tự Đức đã cho dịch một tài liệu về phương pháp khai thác, tài liệu có tên là “Khai môn yếu pháp” (Phương pháp khai thác than đá) để phổ biến cho những người làm mỏ. Trong thời gian này, đã tiến hành khai thác than ở vùng Mạo Khê - Đông Triều dưới hình thức trưng khai, sản xuất mang tính thủ công là chính. Mỏ than Mạo Khê được giao cho một nhà buôn người Hoa là Vạn Lợi (sau gọi là Văn Lợi) trưng khai.

Như thế ta thấy rằng, vào năm 1839 (hoặc trước đó nữa), tức là trước lúc Vũ Duy Thanh thi đỗ Phó bảng ít nhất 12 năm, triều đình nhà Nguyễn dưới thời vua Minh Mạng đã biết được tầm quan trọng của than đá nên đã cho tiến hành tập trung dân để khai thác. Mặt khác, trước đó, sử không ghi năm nào nhưng cũng đã có khai thác: “khi trước bộ tư lấy 100.000 cân chở về Kinh”. Đến đời Tự Đức (1848-1883), nhà vua đã cho dịch tài liệu “Khai môn yếu pháp” để làm kim chỉ nam, phổ biến phương pháp khoa học cho người làm thợ mỏ biết.

Qua những dẫn chứng đó ta thấy rằng việc khai thác khoáng sản nói chung và khai thác than đá nói riêng, đã được các vua nhà Nguyễn cho tiến hành từ sớm.

Vì thế, câu chuyện *Khối đá màu đen* của ông Phạm Khắc Hòe kể lại nói rằng, mãi đến sau năm 1851, vua Tự Đức và triều thần vẫn không biết gì về than đá cả, cho than đá là **quái vật** (!) chỉ duy nhất một mình Vũ Duy Thanh biết, điều đó khó có thể xảy ra; nói cách khác, về mặt lịch sử, nó hoàn toàn thiếu cơ sở... ■

Tài liệu tham khảo:

Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn, Phạm Khắc Hòe, Nxb Thuận Hóa, 1989.

- Quốc triều đăng khoa lục, Cao Xuân Dục, TTHL Bộ Giáo dục SG, 1974.

- Đại Nam thực lục, T5 & T7, QSQTN, Nxb Giáo Dục, 2007.

- Quốc triều Chính biên Toát yếu, QSQTN, Nxb Thuận Hóa, 1998.

- Trang thông tin Công nghiệp Sở Công nghiệp Quảng Ninh.

Giật mình, mình lại thương mình...

NGUYỄN MINH

Trong văn học Pali Phật giáo Thượng tọa bộ, có một câu nói mang âm hưởng gần giống với tâm sự của Nguyễn Du gói gém trong *Truyện Kiều*:

"Giật mình, mình lại thương mình xót xa",

nhưng hàm ý sâu lắng và rõ ràng hơn tâm sự của Tố Như. Đó là thuật ngữ "ái luyến tự ngã" (*attakāmarūpa*), có nghĩa là yêu quý bản thân, xót thương cho chính mình. Đây là thuật ngữ được dùng để chỉ cho tâm trạng các Tỳ-kheo hiền trí¹ đang ngày đêm nhiệt tâm tinh cần hành sâu giáo pháp giác ngộ của Phật với mục đích đoạn trừ các lậu hoặc, giải thoát hoàn toàn mọi hệ lụy khổ đau của sinh tử luân hồi, sau khi đã nhận ra:

"Ta bị chìm đắm trong sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị chi phối bởi đau khổ. Tuy vậy ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này".

Đó là cảm thức của những người đã ngộ ra sự thật khổ đau của hiện hữu nói chung (*sanhāra-dukkhata*) và quyết tâm thực hành con đường (Bát Thánh đạo) đưa đến chấm dứt khổ đau, những người được gọi là hữu học (*sekha*), đang nỗ lực "cần cầu vô thượng an ổn khỏi các khổ ách - Niết-bàn". Đó không phải là cảm giác đắm mình trong chốn "bồng lai" để cứ tiếp tục kéo dài số kiếp mê lầm ở trong luân hồi khổ đau. Đó cũng không phải là cảm giác than thân trách phận vì cảnh "tài mệnh tương đố" giữa cuộc bể dâu. Nói cách khác, đó không phải là thái độ "thuận ứng" hay "nghịch ứng" của tâm thức đối với những gì diễn ra trên cuộc đời, vốn là hệ quả tất yếu của nghiệp duyên, chuyển biến không dứt trong cái chuỗi hiện hữu mê lầm ở trong vòng luân hồi. Trái lại, đó là cảm thức giật mình xót xa cho số kiếp mê lầm luân quần mà mình đang mắc phải đi đôi với ý chí quyết tâm dứt trừ hoàn toàn mọi mê lầm-khổ đau (vô minh uẩn=khổ uẩn). Đó là tiếng nói của tỉnh thức và trí tuệ tuôn chảy mạnh mẽ trong nội tâm, thể hiện qua nếp sống tinh cần tinh tấn thực hành đạo lý Giới-Định-Tuệ nhằm mục đích giải thoát mê lầm, chấm dứt hoàn toàn mọi hệ lụy khổ đau ở trong sinh tử luân hồi. Trong đạo Phật, những ai bắt đầu nhận ra mình bị chìm đắm trong khổ đau vì mê lầm (tham-sân-si) và quyết tâm sống theo lời Phật dạy để thoát khỏi mê lầm-khổ đau thì được gọi là ái luyến tự ngã hay biết thương mình². Hẳn nhiên, người biết thương mình như thế thì chắc chắn không

bao giờ để cho mình tiếp tục khổ đau vì mê lầm nữa.

Trong lịch sử nhân loại, Đức Phật là người đầu tiên biết thương mình, biết xót xa cho sự mê lầm của bản thân mình và của cuộc đời, bị giam hãm trong cảnh sanh tử luân hồi mà không hay biết, không tỉnh thức, cứ tiếp tục tìm kiếm và mê đắm triển miên trong vòng luân quần khổ đau:

"Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết?"³.

"Này các Tỳ-kheo, trước khi Giác Ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, Ta tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh; tự mình bị già, lại tìm cầu cái bị già; tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm... Này các Tỳ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm?"⁴.

*"Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không tìm ngọn đèn?"⁵*

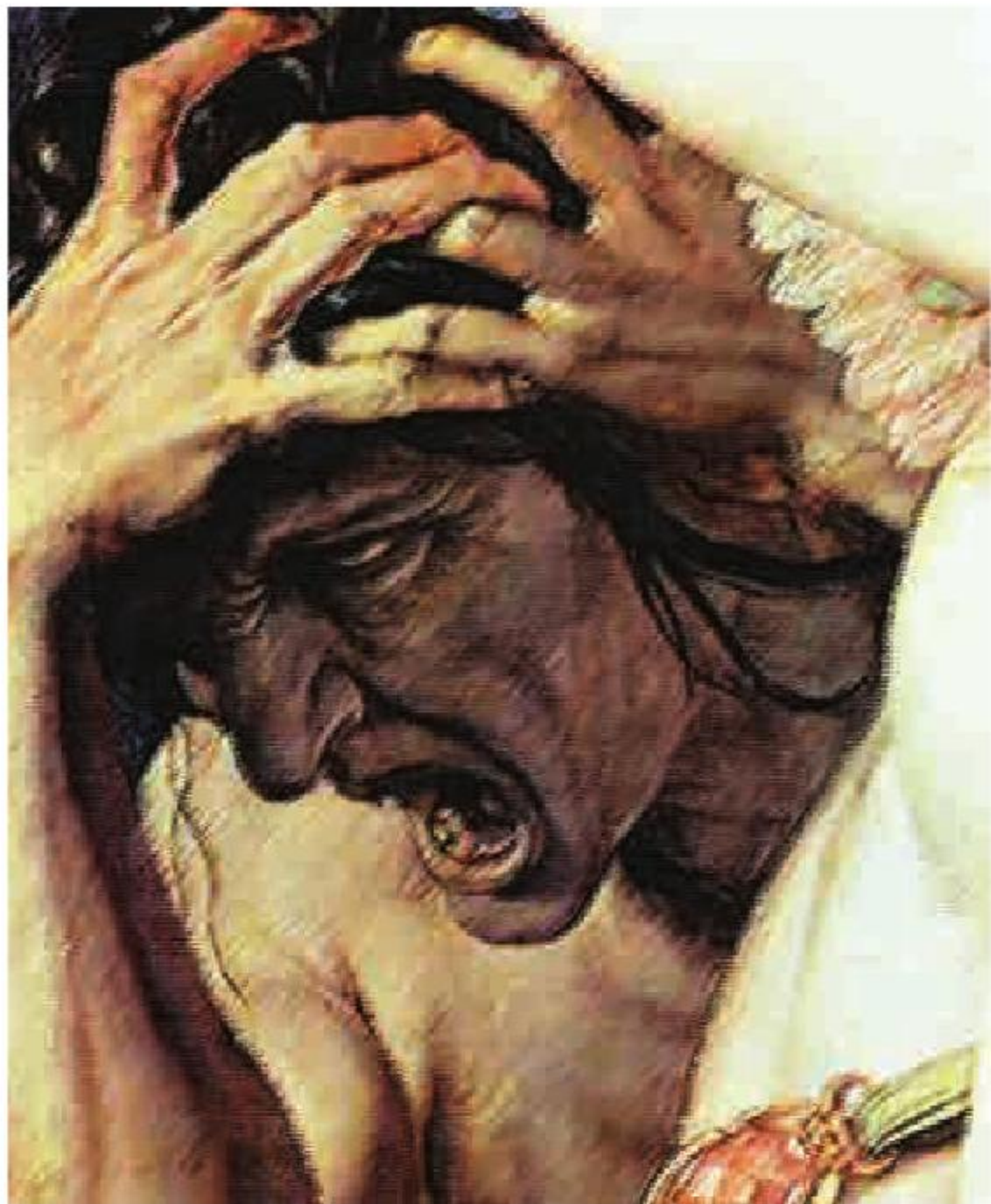
Tài liệu Kinh tạng Pali cho biết chính tiếng nói đầy ray rứt và đầy trí tuệ ấy đã thôi thúc ý chí xuất gia tìm kiếm chân lý thoát khổ của Thái tử Siddhattha và cũng chính tiếng nói ấy tiếp tục gợi mở phương pháp tu chứng đạo quả Niết-bàn của Ngài ở dưới cội bồ-đề. Kinh *Thánh cầu* thuộc tuyển tập *Trung Bộ* mô tả những ưu tư trăn trở của Đức Phật về sự mê muội-khổ đau của nhân thế dẫn đến việc Ngài quyết tâm xuất gia tìm cầu chân lý thoát khổ:

"Này các Tỳ-kheo, có người tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Này các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sanh? Này các Tỳ-kheo, vợ con là bị sanh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sanh; dê và cừu là bị sanh; gà và heo là bị sanh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sanh; vàng và bạc là bị sanh. Này các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy⁶ bị sanh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh. Và này các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị già? Này các

Tỳ-kheo, vợ con là bị già; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị già; dê và cừu là bị già; gà và heo là bị già; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị già; vàng và bạc là bị già. Nay các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị già, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già. Và nay các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị bệnh? Nay các Tỳ-kheo, vợ con là bị bệnh; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị bệnh; dê và cừu là bị bệnh; gà và heo là bị bệnh; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị bệnh. Nay các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị bệnh, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị bệnh lại tìm cầu cái bị bệnh. Và nay các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị chết? Nay các Tỳ-kheo, vợ con là bị chết; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị chết; dê và cừu là bị chết; gà và heo là bị chết; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị chết. Nay các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị chết, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị chết lại tìm cầu cái bị chết. Và nay các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị sầu? Nay các Tỳ-kheo, vợ con là bị sầu; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị sầu; dê và cừu là bị sầu; gà và heo là bị sầu; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị sầu. Nay các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị sầu, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị sầu lại tìm cầu cái bị sầu. Và nay các Tỳ-kheo, cái gì theo các Người gọi là bị ô nhiễm? Nay các Tỳ-kheo, vợ con là bị ô nhiễm; đầy tớ nam, đầy tớ nữ là bị ô nhiễm; dê và cừu là bị ô nhiễm; gà và heo là bị ô nhiễm; voi, bò, ngựa đực, ngựa cái là bị ô nhiễm; vàng và bạc là bị ô nhiễm. Và nay các Tỳ-kheo, những chấp thủ ấy là bị ô nhiễm, và người ấy lại nắm giữ, tham đắm, mê say chúng, tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm...

Nay các Tỳ-kheo, Ta cũng vậy, trước khi Giác ngộ, khi chưa chứng Chánh Đẳng Giác, khi còn là Bồ-tát, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già lại tìm cầu cái bị già, tự mình bị bệnh... tự mình bị chết... tự mình bị sầu... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm. Nay các Tỳ-kheo, rồi Ta suy nghĩ như sau: "Tại sao Ta, tự mình bị sanh lại tìm cầu cái bị sanh, tự mình bị già... tự mình bị ô nhiễm lại tìm cầu cái bị ô nhiễm? Vậy Ta, tự mình bị sanh, sau khi biết rõ sự nguy hại của bị sanh, hãy tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già... hãy tìm cầu cái không già... tự mình bị bệnh... hãy tìm cầu cái không bệnh... tự mình bị chết... hãy tìm cầu cái bất tử... tự mình bị sầu... hãy tìm cầu cái không sầu... tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, hãy tìm cầu cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Rồi nay các Tỳ-kheo, sau một thời gian, khi Ta còn trẻ, niên thiếu, tóc đen nhánh, đầy đủ huyết khí của tuổi thanh xuân, trong thời vàng son cuộc đời, mặc dầu cha mẹ không bằng lòng, nước mắt đầy mặt, than khóc, Ta cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ta xuất gia như vậy, một người đi tìm cái gì chí thiện, tìm cầu vô thượng tối thắng an tịnh đạo lộ..."

Rồi nay các Tỳ-kheo, Ta tự mình bị sanh, sau khi biết



rõ sự nguy hại của cái bị sanh, tìm cầu cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sanh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị già, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị già, tìm cầu cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; và đã chứng được cái không già, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị bệnh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị bệnh, tìm cầu cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không bệnh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị chết, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị chết, tìm cầu cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không chết, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị sầu, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sầu, tìm cầu cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không sầu, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn; tự mình bị ô nhiễm, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị ô nhiễm, tìm cầu cái không bị ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn và đã chứng được cái không ô nhiễm, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết-bàn. Và trí và kiến khởi lên nơi Ta: Sự giải thoát

của Ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của Ta, không còn sự tái sanh nữa”.⁷

Như vậy, ưu tư, thương cảm về số kiếp khổ đau của chính mình cũng như của hết thảy chúng sanh, vì mê lầm mà tự giam mình trong thế giới trầm luân, đã khiến Đức Phật đi đến quyết định rời bỏ ngôi báu, già biệt vợ đẹp con thơ, xuất gia tìm đạo, thực hiện sự từ bỏ vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Ngài là người đầu tiên trong nhân loại trở nên tỉnh thức, quyết tâm rời bỏ mê lầm và cũng là người đầu tiên đạt đến giác ngộ, hết mê lầm. Ngài được tôn xưng là Phật (Buddha), bậc Tỉnh thức, đấng Giác ngộ, và trở thành vĩ nhân trong lịch sử loài người bởi Ngài là người đầu tiên trong nhân loại ra khỏi bến mê nhân thế, vượt qua khổ đau luân hồi và tuyên bố mọi người có thể thành tựu mục đích giác ngộ, đạt đến bất tử (amata) giống như Ngài nếu đi theo con đường do Ngài chỉ dạy⁸. Sự chứng ngộ và tuyên bố này của Ngài đã mở ra một chân trời giải thoát tuyệt đối to lớn trong lịch sử tư tưởng loài người đến độ hơn 25 thế kỷ sau khi Ngài nhập Niết-bàn, George Grimm đã viết:

“Hãy bảo cho tôi tên tuổi của một người khác đã trình bày thông suốt vấn đề lớn lao của loài người, làm sao thoát khỏi khổ đau và sự chết và khiến nó thành luận đề độc nhất của giáo lý và cuộc đời mình, như Đức Phật đã làm! Chắc chắn đã có trong nhân loại những nhân vật tiêu biểu hiểu được khổ đau, nguồn gốc khổ đau, sự đoạn diệt khổ đau và con đường đưa đến sự đoạn diệt khổ đau. Bởi sự kiện khổ đau bao trùm cả vũ trụ cũng như đời sống mỗi cá nhân; vì vậy khổ đau là vấn đề khó lãnh hội, nếu không muốn nói là không thể lãnh hội. Tuy vậy, những hiểu biết này chẳng qua chỉ là những bóng mờ, những hiểu biết phiến diện không đưa đến kết quả chắc chắn. Điều này có thể áp dụng đối với triết học hiện đại của Schopenhauer, là người, không như những người châu Âu khác, đã nêu rõ bản chất của đời sống là khổ đau nhưng đã không tìm thấy con đường hay nhịp cầu vượt qua khổ đau. Còn nói gì đến triết học Upanisads mà tính cách vĩ đại của nó chỉ giáo lý Đức Phật mới vượt trội. Tuy vậy triết lý này cũng không giải quyết được vấn đề vì nó không chú ý nhiều đến nội dung khổ đau, không thấy khổ đau là sự kiện mọi lúc mọi nơi và do đó không biết đích xác con đường đưa đến chấm dứt khổ đau. Không như người khác, Đức Phật chỉ thẳng cho chúng ta vấn đề tuyệt đối căn bản của đời sống chúng ta, làm sao giải thoát khổ đau, và trên hết, khổ đau sinh tử.”⁹

Về phương pháp đi ra khỏi khổ đau sanh tử mà George Grimm đã xem là đóng góp lớn lao của Đức Phật cho thế giới loài người, bản kinh Mahà Sakyamuni Gotama lưu ở Tương Ưng Bộ nói rõ chính nỗi niềm ưu tư trần trụi không dứt về bản chất khổ đau của hiện hữu tiếp tục là tiền đề cho sự nỗ lực tư duy Thiền quán và phát hiện ra chân lý giải thoát của Ngài:

“Thuở xưa, này các Tỳ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa

chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, tư tưởng sau đây được khởi lên: Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết sự xuất ly, thoát khỏi già chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến sự xuất ly già chết”.

Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Cái gì có mặt, già chết có mặt? Do duyên gì, già chết sanh khởi?” Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi như lý tư duy, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: “Do sanh có mặt nên già chết có mặt. Do duyên sanh nên già chết sanh khởi”.

Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Cái gì có mặt, sanh có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... do duyên gì, hành sanh khởi?”

Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: “Do vô minh có mặt nên hành có mặt. Do duyên vô minh nên hành sanh khởi”.

Như vậy vô minh duyên hành, hành duyên thức... hữu duyên sanh, sanh duyên già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này.

“Tập khởi, tập khởi”, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta, nhân khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.

Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Cái gì không có mặt, già chết không có mặt? Do cái gì diệt nên già chết diệt?”. Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: “Do sanh không có mặt nên già chết không có mặt. Do sanh diệt nên già chết diệt”.

Rồi này các Tỳ-kheo, Ta lại suy nghĩ như sau: “Cái gì không có mặt, sanh không có mặt... hữu... thủ... ái... thọ... xúc... sáu xứ... danh sắc... thức... hành... Do cái gì diệt, hành diệt?”

Rồi này các Tỳ-kheo, sau khi như lý tư duy về vấn đề này, nhờ trí tuệ, Ta phát sanh minh kiến như sau: “Do vô minh không có mặt nên hành không có mặt. Do vô minh diệt nên hành diệt”.

Như vậy, vô minh diệt hành diệt; hành diệt thức diệt... Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này.

“Đoạn diệt, đoạn diệt”, này các Tỳ-kheo, đối với các pháp từ trước chưa từng được nghe, chính nơi Ta nhân khởi lên, trí khởi lên, tuệ khởi lên, minh khởi lên, quang khởi lên.”¹⁰

Vậy là nhờ công phu tư duy quán sát sâu xa về nguồn gốc của khổ đau, tuệ giác giải thoát - nhân sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh - đã đến với Đức Phật, xua tan mọi mê lầm, mọi ưu tư trần trụi của Ngài về nỗi khổ trầm luân. Từ đây mọi bí mật về hiện hữu đã được giải đáp. Kinh Pháp Cú lưu hai bài kệ mô tả hai tâm trạng khác nhau của bậc Giác ngộ, một là tâm sự xót xa của Ngài khi còn chìm đắm trong sanh tử luân hồi và hai là tâm lý sung sướng hân hoan sau khi phát hiện và đoạn trừ được nguyên nhân gốc rễ của khổ đau:

Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.
Ôi! Người làm nhà kia,
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan,
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong.¹¹

Nhìn chung, với sự chứng ngộ nguyên lý Duyên sinh (*Paticcasamupàda*) dựa trên cơ sở suy tư quán sát thực tại sanh diệt của hiện hữu, Đức Phật đã tự giải thoát mình khỏi mọi mê lầm (*vô minh uẩn: avijjàkkhandha*) khổ đau (*khổ uẩn: dukkhakkhandha*) và mở ra cho nhân loại một nhận thức và quan niệm sống hoàn toàn mới mẻ. Đó hết thảy hiện hữu đều do duyên sinh và do duyên diệt, vô thường, khổ, vô ngã, không do ai tạo ra, không ai làm chủ được. Khổ đau, một thuộc tính của hiện hữu, cũng là hiện tượng do duyên sinh và do duyên diệt, không do ai tạo ra, vô thường, vô ngã. Không có đấng Tạo hóa hay Thượng đế ban phúc hay giáng họa cho con người. Chỉ có con người tự chuốc lấy khổ đau cho chính mình vì mê lầm hoặc tự tạo an lạc cho mình nhờ giác ngộ. Nói rõ hơn, mọi khổ đau mà con người phải đối diện và có thể sẽ tiếp tục đối diện là hoàn toàn do sự si mê lầm lạc của con người. Hết thảy mọi thứ hiện hữu trên cuộc đời - vợ con, gia nhân, gia súc, vàng bạc - kể cả bản thân mỗi người đều chịu sự khổ đau bởi quy luật vô thường: già, bệnh, chết...; đã là vô thường khổ đau mà cứ thích thú, ôm ấp, ái luyến chúng, khao khát chúng, mong muốn nắm giữ chúng mãi mãi tức là cứ tiếp tục mời gọi khổ đau. Kinh *Pháp Cú* lưu nhắc như vậy:

Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não;
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu?¹²

Đó là lý do bậc Giác ngộ khuyên dạy mọi người phải biết thương mình, phải biết xót xa cho số kiếp mê lầm của chính mình, phải thức tỉnh về khổ đau, phải thấy rõ mê lầm (*avijjà*) là gốc của khổ đau (*dukkha*), đừng để cho mình tiếp tục rơi vào khổ đau vì mê lầm nữa. Đó cũng là lý do vì sao các bậc hiền trí chọn con đường xuất ly, buông bỏ danh lợi trần thế, thực thi nếp sống tri túc, chuyên tâm hành sâu Thiền định với mục đích tuệ tri gốc rễ khổ đau, giải phóng tâm thức khỏi mê lầm để đi đến tự do, giải thoát, dứt lăm lăm, hết khổ đau. Họ được gọi là những người biết thương mình, những con người tỉnh thức, ngày đêm tha thiết với lẽ sống minh triết do bậc Giác ngộ giảng dạy:



Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy, nên tu tập.
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết,
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.¹³ ■

Chú thích:

1. Tiểu kinh Rừng sừng bò, Kinh Tùy phiền não, *Trung Bộ*.
2. Kinh Thân ái, *Tương Ưng Bộ*.
3. Kinh Thành ấp, *Tương Ưng Bộ*.
4. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
5. *Pháp Cú*, kệ số 146.
6. Chỉ cho các pháp hữu vi, những thứ do duyên vô minh và tham ái mà sanh, chịu sự thay đổi, biến diệt, không ai nắm bắt hay làm chủ được.
7. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
8. Kinh Thánh cầu, *Trung Bộ*.
9. G. Grimm, *The Doctrine of the Buddha*, tr.43-48.
10. Kinh Mahà Sakyàmini Gotama, *Tương Ưng Bộ*.
11. *Pháp Cú*, kệ số 153-154.
12. *Pháp Cú*, kệ số 62.
13. Kinh Nhứt dạ hiền giả, *Trung Bộ*.

Tính viên mãn vốn sẵn trong kinh *Hoa Nghiêm*

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Tính viên mãn vốn sẵn là một chủ đề chính trong kinh *Hoa Nghiêm*. Sự viên mãn vốn sẵn có này biểu hiện khắp cả vũ trụ, trong thế giới vĩ mô và thế giới vi mô.

1. Viên mãn vốn sẵn của thế giới vĩ mô

Thế giới là sự biểu hiện, thị hiện sự viên mãn vốn sẵn cùng khắp:

*Như Lai cảnh giới không ngăn mé
Thế gian niệm niệm đều hiện khắp
Tất cả sắc hình đều hóa hiện
Mười phương pháp giới đều đầy khắp.*

(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Bản chất của thế giới là thân Phật, sự viên mãn vốn sẵn khắp cả:

*Thấy thân chân thật của Như Lai
Cũng thấy tất cả những thân biến
Hoặc người thấy được Phật pháp thân
Vô đẳng vô ngại đều cùng khắp
Bản tánh tất cả vô biên pháp
Đều trong thân ấy không thừa sót.
Hoặc người thấy Phật diệu sắc thân
Quang minh sắc tướng đều vô biên
Tùy các chúng sanh hiểu chẳng đồng
Trong mười phương đều hiện biến khắp
Công đức Như Lai chẳng thể lường
Đầy khắp pháp giới không ngăn mé.*

(Phẩm Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Với người tâm thanh tịnh thì thấy thân Phật sung mãn khắp thế giới vĩ mô. Tâm thanh tịnh tới đâu thì thực tại viên mãn vốn sẵn hiện ra đến đó.

"Thân Phật sung mãn tất cả thế giới... Tất cả chư Phật đồng một pháp thân, thân cảnh giới vô lượng, thân công đức vô biên, thân thế gian vô tận, thân tam giới bất nhiễm, thân tự tánh các pháp một tướng vô tướng... thân phổ biến pháp giới, thân tất cả công đức, thân Chân Như chứa tất cả Phật pháp, thân trụ khắp tất cả pháp giới thanh tịnh" (Phẩm Phật bất tư nghì pháp, thứ 33).

Trước một pháp giới viên mãn vốn sẵn như vậy, các căn được chuyển hóa thành thanh tịnh, không còn làm

nô lệ cho các tướng sanh tử mà là để thấy, nghe, nếm, ngửi, xúc chạm, và nghĩ pháp giới Phật đang hiện tiền trước mắt.

2. Sự viên mãn trong thế giới vi mô

Một hạt bụi bao hàm thế giới mà không lớn thêm, vì một hạt bụi không có trung tâm và biên bờ.

*Trong một vi trần nhiều biển cõi
Chỗ nơi riêng khác đều nghiêm tịnh
Vô lượng như vậy vào một cõi
Mỗi mỗi phân biệt không xen tạp...
Trong mỗi trần có vô lượng quang
Chiếu khắp mười phương các cõi nước
Đều hiện chư Phật hạnh giác ngộ
Tất cả biển cõi vô sai biệt...
Trong mỗi vi trần tam thế Phật
Tùy chỗ sở thích đều khiến thấy
Thể tánh không đến cũng không đi
Khắp cả thế gian do nguyện lực.*

(Phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4)

Một vi trần có đủ pháp giới, như vậy toàn thiện viên mãn như chính pháp giới.

*Thấy trong mỗi vi trần
Tất cả cõi tam thế
Cũng thấy biến chư Phật
Và tạng trí các ngài.*

(Phẩm Thập địa, thứ 26)

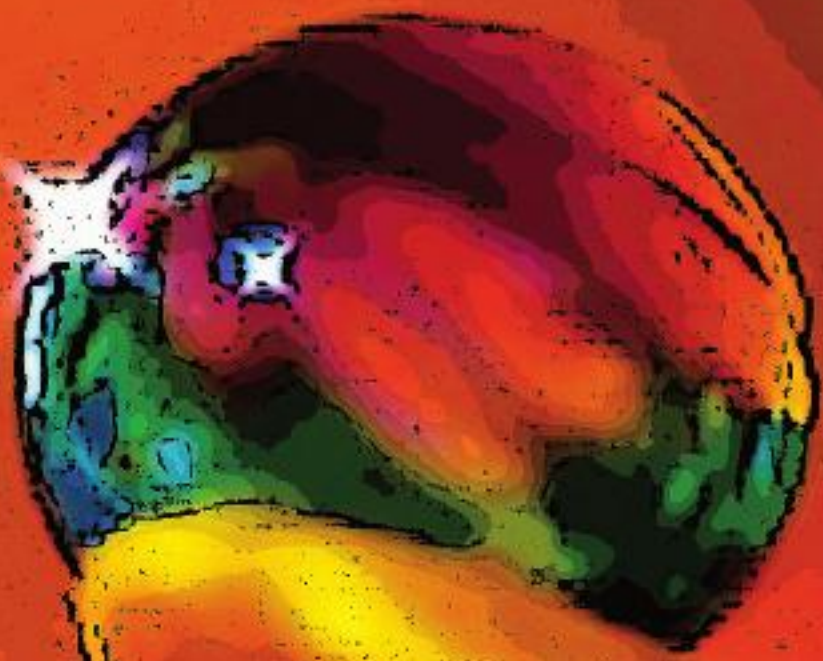
Pháp giới đầy đặc chư Phật, trong tất cả hiện hữu, thậm chí nhỏ nhất như đầu lông:

*Nơi một đầu lông thấy chư Phật
Tất cả pháp giới cũng đều vậy.*

(Phẩm Thập hạnh, thứ 21)

Một không gian nhỏ nhất, một đầu lông, chứa tất cả thời gian, vô lượng kiếp. Và một thời gian nhỏ nhất, một niệm, chứa tất cả không gian, vô biên cõi nước, chư Phật và chúng sanh:

*Nơi một đầu lông vô lượng cõi
Phật, chúng sanh, kiếp, bất khả thuyết
Thấy rõ như vậy đều cùng khắp
Lâu này của bậc Vô Ngại Nhân.
Một niệm nhiếp khắp vô biên kiếp*



*Cõi nước, chư Phật và chúng sanh
Trí huệ vô ngại đều chánh biết
Lầu này của bậc Đủ Đức ở.*

(Phẩm Nhập pháp giới, thứ 39)

Một vi trần chứa tất cả không gian và thời gian, một khoảnh khắc hay một niệm nhiếp tất cả thời gian và không gian. Đây là sự viên mãn vốn sẵn của vi trần và khoảnh khắc.

3. Tu hành là thấy cái viên mãn có sẵn

Trước “Như Lai cảnh giới” vốn viên mãn và sẵn có như vậy, tu hành không phải là tạo tác ra một cái gì, mà là tùy thuận theo để thấy thực tại ấy. Trong ý nghĩa này mà kinh nói “không chỗ tu hành”:

“Vi Bồ-tát biết rõ các pháp ba thời bình đẳng, như như bất động, thật tế vô trụ. Cũng tự biết rõ không chỗ tu hành, không có chút pháp gì hoặc sanh hoặc diệt mà có thể được” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Các pháp ba thời bình đẳng, như như bất động, nên kinh nói “tất cả các pháp tánh tướng thanh tịnh”:

“Vi tất cả pháp bản tánh thanh tịnh, gọi đó là Niết-bàn, thì đâu có sự chán mỏi trong ấy... Biết tất cả pháp đều là Phật pháp, biết tất cả pháp đều là pháp xuất thế gian, xa lìa tất cả vọng tưởng điên đảo. Dùng sự trang nghiêm của nhất thể để tự trang nghiêm mà không chỗ trang nghiêm” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

“Tất cả đều là Giác” (Kinh Viên Giác, chương Bồ-tát Phổ Nhân), tất cả thế giới, chúng sanh, các pháp đều là Phật pháp. Đây là điều mà Mật giáo vẽ sau biểu trưng trong một Mạn-đà-la.

“Nơi tất cả chúng sanh tưởng là căn khí giác ngộ, nơi tất cả pháp tướng là Phật pháp” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Những câu kinh được trích ở trên lấy từ phẩm Ly thế gian, cho chúng ta thấy lìa thế gian không phải là từ bỏ thế gian, mà Bồ-tát lìa thế gian bằng cách nhìn thấy thực tướng của thế gian bằng cái thấy biết của Phật:

“Biết tất cả cõi, tất cả pháp, tất cả chúng sanh, tất cả thời, là cảnh giới của Phật trí, được pháp nhiếp trì” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Trí huệ ba-la-mật là nhìn thấy cảnh giới Phật nhưng không phải do lìa sắc thanh:

*Trí huệ đến bờ kia
Mới thấy cảnh giới Phật
Sắc thân chẳng phải Phật
Âm thanh cũng chẳng phải
Nhưng chẳng lìa sắc thanh
Mà thấy thần lực Phật.*

(Phẩm Đâu-suất kệ tán, thứ 24)

Tất cả pháp tánh tướng thanh tịnh:

“Đại Bồ-tát nói pháp: tất cả pháp giống như kim cương, tất cả pháp thấy đều như như, tất cả pháp đều trụ một nghĩa vốn toàn thiện viên mãn” (Phẩm Ly thế gian, thứ 38).

Chính vì nghĩa này mà kinh nói, “Có quyển sách lớn bằng Đại thiên thế giới ghi chép hết tất cả mọi sự trong Đại thiên thế giới mà hoàn toàn ở trong một vi trần. Như một vi trần, tất cả các vi trần cũng đều như vậy” (Phẩm Như Lai xuất hiện, thứ 37).

Tu hành là thấy và đọc được quyển sách đó. Tu hành là thấy nội dung, ý nghĩa của mỗi vi trần và mỗi khoảnh khắc. Tu hành là như Đồng tử Thiện Tài, đi trong thế gian để thấy pháp giới:

*Tâm đó thanh tịnh không chỗ nương
Dầu quán pháp sâu mà chẳng chấp
Tư duy như vậy vô lượng kiếp
Ở trong ba thời không bám trước.
Tâm đó kiên cố khó cản ngăn
Đến giác ngộ Phật không chướng ngại
Chỉ cầu diệu đạo trừ lamm mê
Đi khắp pháp giới không khổ nhọc.
Biết pháp ngữ ngôn đều tịch diệt
Chỉ nhập Chân Như tuyệt dị giải
Cảnh giới chư Phật đều thuận quán
Đạt nơi ba thời tâm vô ngại.
Bồ-tát mới phát tâm rộng lớn
Có thể qua khắp mười phương cõi
Pháp môn vô lượng không thể nói
Trí quang chiếu khắp đều sáng tỏ.
Đại bi rộng độ rất không sánh
Từ tâm cùng khắp đồng hư không
Mà với chúng sanh chẳng phân biệt
Thanh tịnh như vậy đi thế gian.*

(Phẩm Sơ phát tâm công đức, thứ 17) ■

Đạo đức Phật giáo,

sự hoàn thiện về đạo đức và xã hội hiện đại

P.D. PREMASIRI
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Tiêu chuẩn về sự hợp lý – được thừa nhận trong các phương pháp của khoa học hiện đại – và quan điểm duy vật liên kết với nền khoa học ấy, là những thể lực thống trị mạnh mẽ nhất trong đời sống tinh thần của con người hiện đại. Một bộ phận lớn giới trí thức hiện đại vốn khuất phục những thể lực ấy đã mạnh mẽ bác bỏ nền siêu hình học và đức tin tôn giáo cùng với một loạt những giá trị đạo đức truyền thống. Rõ ràng là tính hợp lý khoa học đã mang lại những tiến bộ vật chất vô cùng lớn lao. Tuy nhiên, không thể quả quyết được rằng loài người trong thế giới hiện đại được sống cuộc sống trọn vẹn hơn, có được cảm giác an toàn và yên tâm hơn, và những quyền lợi của họ sẽ không bị xâm hại một cách bất công bởi đồng loại. Những cuộc tranh chấp có vũ trang vẫn đầy dẫy. Những hành động khủng bố, sự xúc phạm đến quyền con người, tình trạng phân biệt đối xử vì chủng tộc và các lý do khác, hoạt động bạo lực chống lại những kẻ vô tội... chỉ là một ít trong số những tội phạm khủng khiếp mà chúng ta thường xuyên chứng kiến ở hầu như khắp nơi trên thế giới. Nghèo đói và tuyệt vọng chẳng phải là điều hiếm thấy.

Theo Phật giáo, tiến bộ kỹ thuật và khoa học chẳng có cách nào làm giảm bớt những gốc rễ xấu xa nơi hành vi của con người, cụ thể là lòng tham, sự hận thù và những ảo tưởng về cuộc đời. Bao lâu mà những gốc rễ xấu xa ấy trong hành vi của con người chưa được khắc phục một cách triệt để hoặc được kiềm hãm trong những giới hạn có thể chấp nhận, sẽ khó có thể nghĩ đến việc xã hội loài người có được thanh bình, hòa hợp, hạnh phúc và con người có được sự mãn nguyện. Sự thích đáng của đạo Phật đối với hoàn cảnh thế giới hiện đại nằm ở chỗ hệ thống tư tưởng này mang lại một con đường trung dung về phương diện triết lý; một mặt, công nhận về nguyên tắc những tiêu chuẩn của tính hợp lý khoa học; mặt khác, cùng lúc bác bỏ cả quan điểm duy vật cực đoan của nền khoa học hiện đại lẫn chủ trương chính thống mang tính tín điều và siêu hình của các tôn giáo truyền thống.

Khoa học hiện đại không mang lại cho con người

những kiến thức về việc điều gì đúng điều gì sai hay điều gì tốt điều gì xấu trên phương diện đạo đức. Khi con người không quan tâm đến những kiến thức như vậy và không thêm biết đến việc theo đuổi một đời sống tốt đẹp về mặt đạo đức, sự tương tác xã hội giữa người và người sẽ chẳng có khả năng trở nên khác biệt với những tương tác giữa các loài thú. Một trong những đặc điểm quan trọng để phân biệt đời sống giữa loài người với đời sống của thú vật là con người chẳng những muốn sống mà còn mong mỏi được sống một cuộc sống tốt đẹp. Con người truy tầm ý nghĩa của sự sống, tìm kiếm việc đạt tới những mục tiêu và lý tưởng có tính cách đạo đức được biện minh một cách hợp lý. Về mặt này, Phật giáo có nhiều điều để đóng góp cho loài người hiện đại.

Phật giáo có thể được coi là một con đường hoàn thiện đạo đức. Toàn bộ con đường này bao gồm những giai đoạn tuần tự của việc thanh tịnh hóa về mặt luân lý. Đó là lý do khiến, theo truyền thống, Phật giáo vẫn được gọi là *Thanh tịnh đạo*, con đường dẫn đến sự trong sạch. Mục tiêu của Phật giáo là sự cải biến hành vi của từng con người đồng thời là sự chuyển hóa những cấu trúc tình cảm và nhận thức của những con người ấy. Kết quả của sự cải biến và chuyển hóa ấy là con người quan tâm đến việc vượt qua những điều xấu ác của cuộc sinh tồn, đồng thời chấm dứt việc gây nên họa hoải cho người khác. Mục tiêu của Phật giáo được xác định thuần túy trên phương diện tâm lý. Mục tiêu ấy không phải là việc hòa nhập với Thượng đế hay Phạm thiên, hoặc việc tồn tại mãi mãi trong cảnh giới của một Cõi Hữu Hình nào đó không thể tưởng tượng được, mà chỉ là trở nên tự tại trước sự tham lam, hận thù và mọi ảo tưởng của cuộc đời. Giáo lý mang tính đạo đức của Phật giáo cổ võ một lý tưởng về sự hoàn thiện trên phương diện đạo đức, coi đó là mục tiêu tối hậu. Sự hoàn thiện về phương diện đạo đức ấy đạt được khi những gốc rễ xấu xa về mặt tâm lý của con người – nghĩa là tham, sân và si – bị tiêu diệt. Tham sân si được mô tả là những gốc rễ xấu xa, bởi vì thông qua ảnh hưởng của chúng mà con người bị thúc đẩy phải thực hiện những hành động phi đạo đức như giết hại, trộm cắp, sống trụy lạc chạy theo vật dục,

nói những lời mang tính cách đối trá phỉ báng hay phù phiếm... Phật giáo thừa nhận một nền tảng có giá trị cho việc phân biệt những điều đúng hay sai hoặc tốt hay xấu về mặt đạo đức mà con người thực hiện. Theo giáo lý của đạo Phật, một nền tảng có giá trị cho việc đưa ra những phán đoán về đạo đức phải được phát hiện dựa trên sự liên hệ đến những kinh nghiệm của con người chứ không dính líu đến những thực tại siêu hình. Những điều kiện theo đó con người cảm thấy hạnh phúc và mãn nguyện, cũng như hoàn cảnh khiến con người cảm thấy cuộc sống là khổ đau, nói chung đều giống nhau. Thông tin thật sự về những điều kiện hay hoàn cảnh đó trực tiếp liên quan đến đời sống đạo đức của chúng ta. Chúng phải được phát hiện bởi sự quan sát và trải nghiệm. Sống một cách có đạo đức nghĩa là sống mà có tôn trọng đúng mức đối với quan điểm đạo đức, liên quan đến việc không tạo nên sự bất hạnh cho chính mình cũng như cho những người khác, đồng thời xoa dịu những đau khổ cho tha nhân. Bao lâu mà con người biết chú ý đến những trải nghiệm của con người, họ cần không được đánh mất niềm tin vào mức độ quan trọng của đạo đức. Quan tâm đến đạo đức có nghĩa là quan tâm đến những điều tốt hay xấu, những điều sung sướng hay bất hạnh, những điều an lạc hay lo lắng... của con người.

Ý nghĩa của Phật giáo đối với xã hội hiện đại là học thuyết này không tìm cách xác định những vấn đề đúng sai bằng cách cột chặt đời sống đạo đức vào một tập hợp những tín điều siêu hình, để từ đó rút ra những điều răn hay những giới cấm của một vị Thượng đế mang tính cách phe phái. Những người phủ nhận siêu hình học và các tín điều tôn giáo để thiên về quan điểm mang tính cách khoa học, quyết định luận và duy vật luận, thường có khuynh hướng chọn một lập trường hoài nghi đối với bản chất của các giá trị đạo đức. Họ cố tình gán vấn đề đạo đức vào tôn giáo và siêu hình học. Hậu quả của thái độ đó là việc tạo ra một khoảng trống về đạo đức trong lối sống của họ. Trong những điều kiện như vậy, lòng tham, sự hận thù và những ảo tưởng đối với cuộc sống trở thành những động lực cho mọi hành vi của họ. Ý thức hệ duy vật luận và quyết định luận kết hợp với khoa học hiện đại, vốn tìm cách thay thế siêu hình học và tín điều tôn giáo, cố gắng cải biến xã hội bằng cách thực hiện những thay đổi các điều kiện vật chất của đời sống. Thế giới quan khoa học ấy không liên kết với một ý nghĩa nào về tầm quan trọng của vấn đề đạo đức. Đạo đức chỉ được coi là vấn đề của cảm xúc và thái độ. Các giá trị đạo đức được coi là tương đối và có tính cách chủ quan. Theo quan điểm này thì chỉ có những sự kiện thực tiễn mới có tính cách khách quan. Con người chỉ được coi là một bộ máy phản ứng lại với những kích thích. Khả năng của con người trong việc hiểu biết và kiểm soát những gốc rễ mang tính cách động cơ nội tại đối với hành vi



của mình xem ra chỉ giành được một sự công nhận ít ỏi trong cái thế giới quan cơ giới của nền khoa học vật chất ấy. Hành vi của con người được giải thích theo những điều kiện ngoại giới quyết định. Nhưng nếu chỉ có những điều kiện ngoại giới mới quyết định hành vi của con người thì quả tình con người chẳng thể chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết đạo đức của mình. Con người không thể bị lên án về những gì họ làm. Một quan điểm như vậy về bản chất hành động của con người dễ dàng khuyến khích sự từ bỏ trách nhiệm cá nhân trước mọi hành động.

Những vấn đề của xã hội hiện đại có thể được giải thích theo lập trường Phật giáo như một hệ quả của sự cách ly kiến thức khoa học và tài năng kỹ nghệ khỏi sự sáng suốt về phương diện đạo đức. Có quá nhiều bằng chứng về sự phổ biến lòng tham và sự hận thù ở mọi cấp độ của sự tương tác xã hội trong thế giới hiện đại. Chính điều đó đã tạo ra sự cách biệt, tình trạng nghèo khó và nỗi tuyệt vọng. Sự thiếu quan tâm đến việc nuôi dưỡng lòng cảm thông trước nỗi đau khổ của người khác đang làm tăng những mâu thuẫn và căng thẳng trong xã hội. Mục tiêu tối hậu của lối sống theo đạo Phật là triệt tiêu lòng tham, sự hận thù và những ảo tưởng trong cuộc sống. Nếu hầu hết những điều điên rồ về phương diện tâm lý tạo ra sự khủng hoảng đạo đức trong xã hội hiện tại là hậu quả của sự phổ biến lòng tham, sự hận thù và những ảo tưởng về cuộc sống, thì lý tưởng hoàn thiện đạo đức của Phật giáo có thể được nói là trực tiếp liên quan đến đời sống xã hội của con người hiện đại. ■

Nguồn: *Buddhist Ethics, Moral Perfection and Modern Society*, P.D. Premasiri, Buddhist Publication Society, Newsletter No. 49, 2002, Sri Lanka.

P.D. Premasiri là học giả người Sri Lanka chuyên về Đạo đức Phật giáo, Chủ tịch Buddhist Publication Society, Giáo sư danh dự về Nghiên cứu Phật học tại Đại học Peradeniya, hậu thân của University of Ceylon, một trong những đại học danh tiếng ở Sri Lanka. Ông có nhiều đóng góp cho chủ đề Đạo đức học Phật giáo, tác phẩm nổi tiếng là *Buddhism in a Value-Changing Society*.

Tư tưởng Bồ-tát đạo của Phật giáo Đại thừa

NIỆM HUỆ

Khi nghiên cứu về hệ thống tư tưởng Phật giáo, chúng ta thấy Bồ-tát đạo là một trong những tư tưởng chủ đạo của Phật giáo Đại thừa. Theo Narada, trong giáo lý của Đức Phật, có ba phương cách hay ba con đường để thành đạt tuệ giác (bodhi). Người có chí nguyện đạt cho kỳ được mục tiêu phải tùy bản tánh mình, chọn một trong ba đường ấy là: Thanh văn giác (Sāvaka-bodhi), Độc giác (Pacceka-bodhi) và Toàn giác (Samma-sambodhi). Bậc đã chứng được quả vị tối thượng Toàn giác gọi là Toàn giác Phật hay Chánh đẳng Chánh giác. Ai cố gắng tu dưỡng tâm tính với chí nguyện đạt cho kỳ được đạo quả Chánh giác, người ấy được gọi là Bồ-tát, do đó, Bồ-tát đạo chính là “lý tưởng của Bồ-tát”¹.

Paul Williams cho rằng: “Bồ-tát là Phật tánh bình đẳng trong tất cả mọi chúng sanh hữu tình”². Như vậy, cũng có nghĩa là tất cả chúng sanh ai cũng tiềm ẩn khả năng làm một vị Bồ-tát. Theo Edward Conze, “Một người bình thường có thể trở thành một vị Bồ-tát khi người ấy lần đầu tiên phát nguyện sẽ đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn vì lợi ích của tất cả chúng sanh”³.

Hành giả phát nguyện đạt đến sự giác ngộ đó chính là phát Bồ-đề tâm. Có rất nhiều cách phát Bồ-đề tâm và thực hành Bồ-đề tâm theo nhiều phương diện và cấp độ khác nhau⁴, chúng ta có thể tùy theo tâm nguyện và khả năng của mình mà phát tâm Bồ-đề từ nguyện nhỏ đến nguyện lớn, từ thấp đến cao, từ phạm vi nhỏ hẹp đến phạm vi rộng lớn. Nói chung, tất cả tâm nguyện ấy đều nhằm mục đích hướng thiện, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn.

Nhưng tâm nguyện có nhiều tướng trạng khác nhau, nên trong *Khuyến phát Bồ-đề tâm văn*, Đại sư Tịnh Am có nêu ra tám tướng trạng tâm nguyện, đó là: Tà, Chánh, Chân, Ngụy, Đại, Tiểu, Thiên, Viên.

1. Có người tu, sau khi vào chùa chẳng xét tâm mình, hoặc ham nổi tiếng, hoặc ưa thích dục lạc thế gian, hoặc cầu mong quả vui mai hậu, phát tâm như thế gọi là Tà.

2. Danh lợi không ham, quả vui chẳng thiết, chỉ mong giải thoát, đạt đạo Bồ-đề, phát tâm như thế được gọi là Chánh.

3. Niệm niệm liên tục, trên cầu Phật đạo, dưới cứu độ chúng sanh, nghe Phật đạo cao siêu, không sanh sầu lo thoái chí, thấy chúng sanh khổ độ không sanh mệt mỏi sồn lòng, như trèo núi cao muôn trượng, quyết lên thấu đỉnh như leo tháp lớn chín tầng phải leo tận chóp, phát tâm như thế được gọi là Chân.

4. Có tội không sám hối, có lỗi không dứt trừ, ngoài sạch trong dơ, trước siêng sau nhác, tâm tuy tốt nhưng phần lớn bị danh lợi giao xen, pháp tuy hay nhưng oan uổng vì vọng nghiệp che lấp, phát tâm như thế được là Ngụy.

5. Cõi chúng sanh hết, nguyện ta mới hết, đạo Bồ-đề thành, phát tâm như thế được gọi là Đại.

6. Xem ba cõi như lao ngục, nhìn sanh tử như oan gia, chỉ mong tự độ, không muốn độ người, phát tâm như thế gọi là Tiểu.

7. Ngoài tâm nếu thấy có chúng sanh cần độ, cần có Phật đạo mau thành, công phu không xả, thấy biết không tan, phát tâm như thế gọi là Thiên.

8. Nếu biết tự tánh là chúng sanh, nên nguyện độ thoát, tự tánh là Phật đạo, nên nguyện tu hành, không thấy pháp nào ngoài tâm riêng có, đem tâm hư không phát nguyện hư không, tu hạnh hư không, chứng quả hư không, cũng không có tướng hư không, có thể chứng đắc, phát tâm như thế được gọi là Viên.

Trong đó, những tâm Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên là những tâm niệm hẹp hòi, ích kỷ, đồng nghĩa với bất thiện tâm, vọng tâm nên cần phải loại bỏ. Còn những tâm Chánh, Chơn, Đại, Viên là những tâm vị tha, khoan dung rộng lượng, đồng nghĩa với thiện tâm, Phật tâm nên cần phải duy trì, phát triển. Trong *Khuyến phát Bồ-đề tâm văn*, ngài Tịnh Am nói rằng: “Bồ-đề tâm này là vua của các pháp thiện, ắt phải có nhân duyên mới phát khởi, nay tóm lược có 10 nhân duyên”. Ngài liệt kê 10 nhân duyên đó là: Nghĩ đến trọng ân của Phật, nhớ nghĩ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ, nhớ nghĩ đến ân giáo dưỡng của Sư trưởng, nhớ nghĩ đến ân thí chủ đàn-na, nhớ nghĩ đến ân nghĩa của chúng sanh, nhớ nghĩ khổ đau sinh tử, tôn trọng tánh linh của mình, sám hối nghiệp chướng, cầu sanh Tịnh độ, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.

Hành giả cảm bội Phật pháp, khởi lòng Từ bi, cầu nhất thiết trí, muốn phát tâm Bồ-đề thì không thể bỏ qua mười ngưỡng cửa này. Ba đời chư Phật đều bắt đầu từ đây mà khởi phát tâm cầu đạo vô thượng, chư vị Bồ-tát phát đại nguyện hành lục độ cũng không vượt qua mười điều kể trên. Nay, chúng ta là những người sơ cơ học đạo, tâm Bồ-đề chưa phát khởi, nếu không nương nơi những điều kiện này thì không biết khi nào thành tựu được chút thiện pháp. Mười điều trên tuy nhiều nhưng không ngoài kinh tâm, hiếu thuận tâm, báo ân tâm và cầu tịch tịnh tâm. Cho thấy, người muốn cầu Thánh đạo trước tiên phải xây dựng bằng chữ Hiếu, chữ Kính; mà để biểu hiện chữ Hiếu, chữ

Kính ấy thì phải có chữ Ân. Đây là chuẩn mực tối thiểu để hình thành một con người đúng nghĩa. Khi đã hoàn thiện nhân cách thì hành giả mới tiến thêm bước nữa là cầu tịch tịnh tâm trí, khởi tâm Từ bi, tâm Trí huệ để dẫn thân vào lộ trình đạt đến quả vị Vô thượng giác.

Trước hết nói về tâm Từ bi, đây là điều kiện tất yếu cần phải có trước tiên với bất cứ ai tu theo Bồ-tát hạnh. Trong Tứ Vô Lượng Tâm, hai chữ Từ bi đứng đầu. Thông thường chúng ta hiểu một cách đơn giản Từ bi là lòng thương người. Nhưng thật ra, Từ bi vốn do hai chữ 'Từ' (Maitrya) và 'Bi' (Karuna) ghép chung lại và được định nghĩa như sau:

*Từ năng dữ nhất thiết chúng sanh chi lạc
Bi năng bạt nhất thiết chúng sanh chi khổ.*

Nghĩa là: Từ là mang niềm vui đến cho tất cả chúng sanh, Bi là thường dứt trừ đau khổ cho tất cả chúng sanh. Như vậy, lòng Từ bi của Bồ-tát cần phải được hiểu là: "Lòng Từ bi của Bồ-tát không chỉ giới hạn trong phạm vi bà con quyến thuộc, bạn bè, mà còn trải rộng khắp tất cả chúng sanh trong mười phương thế giới"⁵. Với tâm Từ bi rộng lớn vô biên, các Ngài ban bố tình thương cho tất cả chúng sanh bằng những giọt nước cam lồ diệu pháp. Những tâm hồn khổ đau phiền não luôn được xoa dịu trong dòng suối mát lành tràn đầy hạnh phúc và yêu thương. Vậy nên biết, chính tâm Từ bi dẫn dắt chúng ta trên lộ trình hành Bồ-tát đạo, đi vào cuộc đời để hóa độ chúng sanh. Thực tế nhất là trải lòng Từ bi yêu thương, quan tâm, giúp đỡ những người chung quanh cũng như bất cứ sinh linh nào cần sự cứu giúp của các vị Bồ-tát hóa thân đang hiện hữu trên cuộc đời này. Xưa kia, Đức Bổn Sư chúng ta đã vì lòng Từ bi rộng lớn, Ngài đã bỏ tình thương nhỏ hẹp của gia đình, lia bỏ cung vàng điện ngọc, lia bỏ danh vọng cao sang, chính vì lòng Từ bi mà Ngài đã nằm sương gối tuyết, không quản ngại gian nguy ra đi tìm đạo cứu đời. Chính vì lòng Từ bi mà 49 năm Ngài thuyết pháp không ngừng nghỉ. Nếu chúng ta chưa có được lòng Từ bi bao la cao thượng như Đức Phật, thì chúng ta nên thể hiện lòng Từ bi trước hết là đối với con người và các loài động vật. Đối với con người, không chỉ những người trong lục thân quyến thuộc như cha mẹ, thầy bạn, anh em v.v... mà ngay cả những người xung quanh, chúng ta đều nên thể hiện lòng thương yêu họ. Còn đối với các loài động vật, chúng cũng ham sống sợ chết như loài người chúng ta, do đó, chúng ta không nên nhẫn tâm giết hại chúng. Cho đến cỏ cây người cũng không nên tàn phá một cách vô ích, vì cỏ cây nó cũng có sự sống, và đã có sự sống tức nhiên phải bảo tồn sự sống. Lòng thương yêu cây cỏ, giúp cho ta nhận thấy được lẽ huyền vi của sự sống, thông cảm với cái chung cùng của muôn vật và trực nhận được bản thể của vũ trụ.

Như vậy, Từ bi trong Phật giáo không phải là những tình cảm luyến ái phạm tục của thế gian mà nó luôn vượt qua giới hạn của tình cảm riêng tư, xóa tan mọi rào chắn của đẳng cấp, giới tính, địa vị, chủng tộc... Mặt khác, khi một người thật sự có tâm Từ bi thì người ấy không những mang tình thương bao la của mình đến cho thân quyến của mình



mà người ấy còn mang tình thương đến cho cả kẻ thù của chính mình. Với giáo lý Từ bi, Phật giáo đã khẳng định rằng hận thù hay bạo lực không thể dập tắt mọi xung đột hay mâu thuẫn trong cuộc sống, chỉ có tình thương mới có thể xoa dịu những trái tim thù hận và tàn bạo.

Trên đây đã trình bày qua yếu tố Từ bi, kể đến chúng ta bàn về Trí huệ. Trí huệ là ngọn đuốc sáng soi đưa đường chỉ lối cho hành giả đi vào cuộc đời để hoằng pháp lợi sanh. Trí huệ của Bồ-tát chính là Trí huệ Ba-la-mật, hay còn gọi là Bát-nhã Ba-la-mật, tức là chỉ cho Bát-nhã trí, là trí quán sát tánh Không của các pháp. Trí ấy phát sinh nhờ Định, chính ngay khi chúng ta định tĩnh, sáng suốt thì mọi việc xung quanh được thấy biết rõ ràng. Tất cả vạn pháp thế gian không vượt ngoài trí thấy biết như thật này. Muôn ngàn Phật sự nương nơi Trí huệ mà thành. Trăm thứ phiền não khổ đau đều nhờ Bát-nhã mới được đoạn diệt. Thế nên biết, mọi vấn đề cần giải quyết không thể nào thiếu yếu tố Trí huệ chỉ đạo. Phật giáo lấy phương châm "duy Tuệ thị nghiệp" làm lẽ sống cũng không ngoài mục đích này. Do vậy, hàng Tăng sĩ đi vào đời độ sanh phải không ngừng phát huy Trí huệ để hoàn thành mọi Phật sự một cách tốt đẹp, hợp đạo lý.

Nhờ Trí huệ Ba-la-mật, Bồ-tát có thể thiết lập nhiều phương tiện, tùy căn cơ trình độ và sở thích của chúng sanh mà ứng hiện vô số thân hình như Diệu Âm hay Quan

Thế Âm Bồ-tát để giáo hóa chúng sanh một cách hiệu quả. Trong sáu Ba-la-mật, Bát-nhã Ba-la-mật được xem là chỗ y cứ của năm chi phần trước và cũng là cứu cánh của pháp tu Lục độ Ba-la-mật, như lời Paul Williams đã nhận định: *"Khi đã thành tựu địa thứ sáu (Hiện tiền địa), vị Bồ-tát với trí huệ lâu thông, nếu muốn, ngài có thể từ bỏ thế gian và nhập Niết-bàn như một vị A-la-hán. Có Trí huệ, ngài không còn bị ràng buộc gì nữa. Không còn bị ràng buộc gì cả thì tham ái, nhiên liệu của luân hồi, sẽ khô cạn. Nhưng vị Bồ-tát là vị Bồ-tát, ngài đã mở rộng lòng đại từ bi và tâm Bồ-đề. Ngài không hành động vì lợi ích của chính ngài, mà vì nghĩa vụ của ngài đối với các chúng sanh hữu tình"*⁶.

Tóm lại, Từ bi và Trí huệ là cặp phạm trù không thể thiếu để hình thành nên đặc tính của một vị Bồ-tát. Khi hành đạo, Bồ-tát dùng Trí huệ quán chiếu rõ vạn pháp, quán sát mọi căn cơ trình độ của chúng sanh để tùy theo đó mà trải lòng Từ bi thương yêu, cứu giúp tất cả mọi loài mọi vật không phân biệt thân sơ, đẳng cấp, giống loài. Các Ngài đem ánh sáng Từ bi và Trí huệ hòa cùng cuộc thế trần tục nên khắp nhân gian mãi rạng ngời chân lý nhiệm mầu, an bình và hạnh phúc.

Khi đã có đủ hai yếu tố Từ Bi và Trí Tuệ, Bồ-tát cần phát khởi Tứ hoằng thệ nguyện:

*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Bốn lời phát nguyện rộng lớn này là phương tiện mà người tu hành có thể đọc tụng, hành trì mỗi ngày, lấy đó làm chuẩn mực cho Bồ-đề tâm ngày mỗi được tưới tắm, vun xới và nở hoa cho đời. Khi Bồ-đề tâm tăng trưởng, Bồ-tát cần phải thực hành Tứ nhiếp pháp để hóa độ chúng sanh.

(1) Bố thí (Dāna): Ban bố, chia sẻ, dâng tặng, cống hiến cho người khác về tài thí, pháp thí và vô úy thí, giúp cho mọi người được sống an lành, hạnh phúc; xã hội, quốc gia được an cư, thịnh vượng.

(2) Ái ngữ (Piyavācā): Nói lời dịu dàng, tao nhã, thương yêu, hòa hợp khi giao tiếp với người. Nói lời ôn hòa, nhã nhặn, làm vừa lòng người để cảm hóa người đi theo con đường Bát chánh.

(3) Lợi hành (Atthacariyā): Làm lợi ích cho người qua thân khẩu ý, bất luận việc lớn hay nhỏ. Nói chung là biết giúp đỡ và phục vụ người một cách tận tình, chu đáo trong mọi trường hợp.

(4) Đồng sự (Samānattatā): Là cách giúp đỡ thiết thực nhất, đạt hiệu quả đối với những người cùng sống trong hoàn cảnh, môi trường, nghề nghiệp trên tinh thần lục hòa: thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, lợi hòa đồng quân; không phân biệt giai cấp, sắc tộc, tín ngưỡng, văn hoá, trình độ, thế hệ.

Ngoài ra, khi hành đạo Bồ-tát cần phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật, gồm có:

(1) Bố thí (Dāna): Bồ-tát chia sẻ, ban bố cho chúng sanh cả tài thí, pháp thí và vô úy thí. Tài thí là bố thí tài sản vật chất (ngoại tài) hoặc công lao, thân mạng của chính mình (nội tài). Pháp thí là dùng lời khuyên răn về đạo đức làm người, khiến người bỏ ác hướng thiện, hoặc dùng Chánh pháp hướng dẫn người tu hành để được giác ngộ giải thoát. Vô úy thí là giúp người bớt sợ hãi bằng lời nói hay việc làm. Từ những điều sợ hãi nhỏ nhặt như sợ côn trùng, sợ bóng đen... đến những nỗi khiếp đảm đối với thiên tai, chiến tranh, bệnh tật, chết chóc... những lời an ủi động viên hoặc hành động bảo bọc vỗ về sẽ làm con người cảm thấy bình an hơn. Thậm chí lúc sắp lâm chung, nếu được nghe kinh kệ, nghe niệm Hồng danh chư Phật hoặc được hướng dẫn về những điều cần làm khi bước qua bên kia cửa tử, người sắp mất có thể yên tâm ra đi với một tâm tử nghiệp thiện lành.

(2) Trì giới (Śīla): Theo tinh thần Bồ-tát Đại thừa, trì giới có ba trình độ: Nhiếp luật nghi giới, Nhiếp thiện pháp giới và Nhiều ích hữu tình giới. Nhiếp luật nghi giới là nghiêm trì giới luật, gìn giữ oai nghi, thu nhiếp thân tâm thì người khác dễ sinh lòng quý kính, từ đó dễ cảm hoá thu phục họ. Đây là các Bồ-tát thuận hạnh, dùng thân giáo làm lợi ích cho người; đồng thời, nhờ giữ oai nghi tịnh hạnh mà chính mình cũng dễ thăng tiến trên đường tu. Nhiếp thiện pháp giới là vận dụng nhiều phương tiện giúp đỡ người khốn khó nhằm chinh phục tâm người, sau đó giáo hoá giúp người tu hành. Việc làm này chủ yếu là tha lợi, đòi hỏi Bồ-tát phải có nhiều khả năng và kiến thức trên nhiều phương diện. Đỉnh cao của hạnh Trì giới là Nhiều ích hữu tình giới, Bồ-tát nguyện dùng Chánh pháp hoá độ tất cả chúng sinh cùng khắp pháp giới. Bằng Trí huệ, Bồ-tát biết rõ mọi hàm linh đều có chủng tử giác ngộ. Đây là hạt giống có sẵn, nếu gặp điều kiện thuận lợi, hạt giống sẽ nảy mầm thành cây, đơm hoa kết quả. Nếu chưa đủ điều kiện, hạt giống ở dạng tiềm ẩn, nhưng chưa bao giờ mất. Để mang đầy đủ ý nghĩa Ba-la-mật, ba hình thức trì giới nói trên phải phù hợp tinh thần tam luân không tịch; Bồ-tát làm lợi ích cho người nhưng không chấp ngã và chấp các pháp là thật có, nên không thấy thật có mình là người làm, thật có việc đang làm và thật có chúng sinh là đối tượng của việc làm ấy.

(3) Nhẫn nhục (Kṣānti): Theo nghĩa hẹp, nhẫn nhục là nhịn chịu mọi nhục nhã và mọi khó khăn trở ngại, và vượt qua chúng một cách bình ổn. Theo nghĩa rộng, nhẫn nhục là không sanh tâm khởi niệm khi tiếp duyên xúc cảm, mà đỉnh cao là Vô sanh nhẫn hay Vô sanh pháp nhẫn. Trước tất cả pháp, dù thấy nghe hiểu biết mọi sự nhưng tâm Bồ-tát không xao động, không chấp trước. Do tâm không nên các pháp đều không, dù là pháp thế gian hay pháp xuất thế. Cuộc đời là một tổng thể xã hội đủ mọi mặt thuận - nghịch, phải - trái, tốt - xấu, vui - buồn, hạnh phúc - khổ đau v.v... Thế nên, sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của Bồ-tát không phải lúc nào cũng thành công mỹ mãn. Gặp những chúng sanh hay những cảnh duyên trái ý nghịch lòng trong cuộc đời là lẽ thường tình. Do đó, hàng Tăng

Ni phải trang bị cho mình chiếc giáp nhảu, luôn ghi nhớ lời Phật dạy: “*Nhẫn nhục đệ nhất đạo*”. Tuy nhiên, thực tế mà nói, phẩm hạnh này có được không phải dễ dàng đối với ai chưa đủ sức định tĩnh, sáng suốt. Chỉ cần một việc làm trái tai gai mắt cũng đủ khiến cho ta nổi sân, bực bội trong lòng. Thậm chí còn thể hiện ra những thái độ, cử chỉ, hành động thô tháo, tệ hại, bởi lẽ “*nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai*”, nghĩa là khi một niệm sân hận khởi lên nếu chúng ta không kiềm chế được thì trăm vạn điều chướng ngại, tai hại liền sanh khởi. Vì vậy, người tu sĩ đi vào đời hóa độ chúng sanh cần phải có đức tính nhu hòa nhẫn nhục, lấy nhu để thắng cương, dùng nhẫn nhục để đối trị sân hận. Được như thế thì mọi Phật sự sẽ xuôi chèo mát mái, cuộc sống sẽ an lành, hạnh phúc và mọi người chung sống một cách êm đẹp, thuận hòa.

(4) Tinh tấn (Vīrya): Tinh là chuyên ròng, không xen tạp, tấn là siêng năng tiến tới. Việc học và hành đạo của Bồ-tát phải tinh chuyên và cần mẫn theo tinh thần Ba-la-mật xuyên suốt mãi cho đến ngày thành tựu Phật quả. Tinh tấn thường xuyên liên tục cần có sự hỗ trợ của ý chí và nghị lực mạnh mẽ. Trên đường tu, không phải lúc nào mọi người cũng cư xử tốt đẹp, mọi việc cũng êm xuôi như ý, thế nên chư Tổ thường dạy rằng: “*Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng*”. Khi mới sơ phát tâm, nội lực còn kém thì ít bị ma chướng. Chúng ta tu càng tiến thì ngũ dục lục trần càng công phá mãnh liệt, nghịch duyên càng kéo đến liên miên. Nếu không có ý chí kim cương và nghị lực vững mạnh, người tu khó có thể vượt qua những chướng ngại trùng điệp ấy. Đối với Bồ-tát, chướng duyên là thắng duyên, vì chúng củng cố và phát triển nghị lực, hùng lực cho các Ngài, giúp các Ngài tiến nhanh hơn trên đường đạo. Để-bà-đạt-đa được Đức Phật gọi là Thiện hữu tri thức bậc nhất của Ngài, cũng chính vì lý do này.

(5) Thiền định (Dhyāna): Trong 49 ngày đêm ngồi dưới cội cây bồ-đề, Đức Phật nhờ thiền định mà dứt sạch mối manh sinh tử, chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Những vị đệ tử của Ngài cũng nhờ thiền định thành A-la-hán, không còn luân hồi trong ba cõi. Bồ-tát thế nguyện vĩnh kiếp ở trong trần lao giáo hóa chúng sanh, cũng phải nhờ thiền định để không bị nhiễm nhơ trần tục. Điều này cho thấy, thiền định là cốt lõi, là sức sống của đạo Phật. Trong mối liên hệ mật thiết của Tam vô lậu học Giới - Định - Tuệ, chính thiền định làm nhân duyên cho Trí huệ vô thượng phát sinh. Tất cả giáo pháp của Phật đều lưu xuất từ Trí huệ này. Thiền định Ba-la-mật là Bồ-tát không chấp vào cảnh giới chúng ngộ. Nhà Thiền có câu “*Gặp Phật giết Phật, gặp ma giết ma*” để nhắc nhở người tu không được chấp trước, trú trước và nhiễm trước vào những cảnh giới sở chứng, vì đó chỉ là do tâm biến hiện. Bồ-tát luôn học và tu theo tinh thần vô sở cầu vô sở đắc, nên không có niệm ưa thích Niết-bàn hay chán ghét địa ngục, nhờ vậy mới hoàn thành hạnh nguyện độ sanh.

(6) Trí huệ (Prajñā): Đạo Phật là đạo giác ngộ, người tu theo đạo Phật phải lấy Trí huệ làm sự nghiệp (duy tuệ thị

ngiệp). Bồ-tát hành đạo độ sanh cần phải có Trí huệ Ba-la-mật, hay còn gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Đó là Trí huệ của một bậc Bồ-tát đã quán triệt chân tướng của vạn pháp. Nhờ Trí huệ cứu cánh cùng tột này, Bồ-tát thiết lập nhiều phương tiện, tùy căn cơ trình độ và sở thích của chúng sanh để giáo hóa độ sanh một cách hiệu quả. Nét đặc thù của Bồ-tát Đại thừa là tinh thần nhập thế, hòa quang đồng trần để cứu độ chúng sanh. Bồ-tát vận dụng Trí huệ Ba-la-mật làm mọi Phật sự, hoàn thành hạnh nguyện tự lợi-lợi tha, cuối cùng viên mãn Phật quả.

Như vậy, Lục độ Ba-la-mật là một trong những pháp căn bản của một vị Bồ-tát đem đạo vào đời để giáo hóa chúng sanh. Trên đường tu Bồ-tát hạnh, hành Bồ-tát đạo, nhờ trì giới, tinh tấn và thiền định, Bồ-tát phát khởi Trí huệ, thấu triệt bình đẳng tánh nơi muôn sự muôn vật, thấy mình và mọi loài chúng sanh không hai không khác. Bằng Trí huệ, Bồ-tát có khả năng xuất chúng về mọi phương diện, đồng thời phát khởi lòng Từ bi, do vậy có thể nhẫn nhục để hành hạnh bố thí, làm lợi ích cho chúng sanh. Khi đã trang bị đủ sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát luôn sẵn sàng dẫn thân vào cuộc đời để phụng sự đạo pháp và dân tộc theo phương châm “*lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm của thiên hạ làm tâm của mình*”. Đó chính là tinh thần “vô ngã vị tha” cao thượng của các thiền sư Việt Nam thời Lý - Trần, các ngài sống và hành động hết mình vì quốc gia xã tắc, vì mọi người chứ chẳng hề nghĩ đến riêng mình.

Nói tóm lại, Bồ-tát đạo là tư tưởng cốt lõi, căn bản nhất của Phật giáo Đại thừa. Nếu trong một đoàn thể, một tổ chức xã hội hay tổ chức tôn giáo, tất cả mọi người đều sống theo tinh thần Bồ-tát đạo, đầy đủ Từ bi và Trí tuệ, phát khởi Tứ vô lượng tâm, luôn phát Tứ hồng thệ nguyện, thực hành Tứ nhiếp pháp cùng Lục ba-la-mật, nhất định đoàn thể, tổ chức xã hội hay tôn giáo ấy sẽ được phát triển vững mạnh, mọi người đều được sống an lành, hạnh phúc yên vui. ■

Chú thích:

1. Narada, Phạm Kim Khánh dịch (1989), *Đức Phật và Phật pháp*, Thành hội Phật giáo TP.HCM ấn hành, tr.590.
2. Paul Williams (2009), *Mahāyāna Buddhism: The Doctrinal Foundations*, Routledge, London, p.224.
3. Edward Conze (2005), *A Short History of Buddhism* (Lược sử Phật giáo: song ngữ Anh - Việt), Nguyễn Minh Tiến (dịch và chú giải), Nxb. Tổng Hợp TP.HCM, tr.111.
4. Xem thêm: Pháp Xứng, Pháp Hộ Hán dịch, Nguyên Hồng Việt dịch (2011), *Luận Đại thừa tập Bồ-tát học*, Nxb. Phương Đông, tr.62-66 và Sāntideva, Thích Trí Siêu dịch (1993), *Bồ-tát hạnh*, Lưu hành nội bộ, tr.34-43.
5. Paul Williams (2009), *Mahāyāna Buddhism: The Doctrinal Foundations*, Routledge, London, p.196.
6. Paul Williams (2009), *Mahāyāna Buddhism: The Doctrinal Foundations*, Routledge, London, p.205.
7. Thích Thanh Từ (1996), *Khóa hư lục giảng giải*, Nxb. Thành Phố Hồ Chí Minh, tr.18.



Vũ điệu ý niệm trong cơn đau bản thể

NHỤY NGUYỄN

L oài thở khoái cà-rốt, nhưng nhiều lúc chúng vẫn ăn nhầm củ cải trắng bởi đeo kính màu. Khoa học cũng đưa ra hiện tượng “mù màu” khi con người nhìn về chân tướng vũ trụ; bắt đầu bằng những báo cáo về cấu tạo mắt của động vật. Mỗi loài, qua sự lỗi lờm tròng mắt sẽ quy định cái nhìn khác nhau; ngay trong cùng loài, mắt nhìn sự vật như một cái kính lỗi, chỉ cần xê dịch tí xíu hiện tượng đã biến đổi. Để thấy, mỗi người đều nhìn sự vật hiện tượng qua con mắt của riêng mình không ai hoàn toàn giống ai. Năm đứa con đều thấy mẹ mình tốt nhất, song sâu xa trong mỗi đứa đều lưu một hình ảnh mẹ khác xa. Công án thiền về Tô Đông Pha: sở dĩ họ Tô nhìn sư Phật Ấn ngồi thiền như một đồng phân, đơn giản vì lúc đó tâm vị này như bản; còn sư Phật Ấn nhìn Tô Đông Pha giống Phật, bởi tâm của sư tịnh sáng [như Phật]. Ở tầng cấp cao hơn, kinh *Lăng Nghiêm* mô tả về loài quỷ chạy bên bờ sông Hằng vẫn kêu gào khát cháy, vì ở cảnh giới của chúng nơi mệnh môn nước ấy lại là sa mạc. Vấn đề đặt ra: Liệu ta đã hiểu về đối tượng mà mình có thói quen phán xét? Câu trả lời là *không*. Vợ chồng sống gần bó từ lúc cưới đến đầu bạc nói hiểu nhau chân tơ kẽ tóc, thực tế họ chỉ hiểu phần tảng băng nổi. Khoa học cho biết não bộ xử lý 400 tỉ bit thông tin trong một giây nhưng chúng ta chỉ nhận biết được 2.000 bit trong số đó. Soi vào Phật pháp, ta chỉ cảm được phần *tướng*, còn *tánh* muốn thấy phải chứng ngộ, ngoài ra không còn cách nào khác.

Tánh là Tâm Phật. Tâm Phật vốn thấu toàn vũ trụ, câu thông với vạn thể. Về mặt tinh thần, chúng ta đang sử dụng *vọng tâm* chứ không phải *chân tâm*. Vọng tâm như sóng trên mặt biển không ngừng dao động, và nghiệp lực là dòng cuồng lưu phía dưới, nó dễ hợp với *duyên* (gió, bão...) tạo nên sóng thần, động đất. Còn thể xác chúng ta trên địa cầu nhỏ đến mức không thể so sánh với một hạt cát trong vũ trụ. Trong vũ trụ, vọng tâm lại biến hiện ra vô lượng vũ trụ khác. Chỉ lúc người tu đại ngộ mới thoát vọng tâm, trở về chân tâm, hiểu sơ đẳng giống như một người đang giữa trận cuồng phong tàn phá kinh hoàng, bỗng trời yên biển lặng. Như trong cơn ác mộng thức giấc, mở mắt còn đắm chìm. Bỗng à lên, thì ra mơ. Sợ quá. Khiếp quá. Đây không phải so sánh, mà thật. Đại ngộ là tỉnh mộng. Chúng sanh đều đang trong một giấc mộng lớn. Hãy kiểm thảo, hiếm ai trong mơ lại biết mình đang mơ. Vậy chúng ta đi đứng nằm ngồi, chúng ta véo mình thấy đau, sao gọi là mơ. Điều này Duy thức Phật giáo giải thích cặn kẽ, hiện thời còn được ngành vật lý lượng tử minh tường. Chẳng hạn bóng đèn nê-ông bật sáng, dưới ánh nhìn khoa học thực nghiệm, ấy là sự tắt và đỏ của liên tục các điện tử nối tiếp. Trong Kinh còn nêu thí dụ, quay tròn ngọn đuốc, ta thấy một vòng lửa, thật ra đó là sự tương tục của vô vàn điểm nối ngọn đuốc với nhau, nhanh quá nên mắt thường không nhận ra. Trong phim nhân vật bước một bước, đó là sự nối ghép của 24 hình/1 giây. Một giây, 24 hình tương tự nối

nhau đã lừa được nhục nhân; hướng hổ trong một giây vọng tâm phát xuất hàng tỉ ý niệm vi tế. Sự tiếp nối đó tạo nên vạn vật chuyển động. Chuyển động sinh năng lượng. Năng lượng sinh vật chất. Vẫn là mộng. Lúc ai nằm mơ, là mộng trong mộng, thậm chí trong mộng của mộng lại có mộng nữa, mộng đến khôn cùng. Địa ngục chính là những cơn ác mộng nối nhau không ngừng; nó là sự phản chiếu của nghiệp lực ta gây trong kiếp trước và kiếp này. Sự công bằng của *con tạo* khiến người đời không thể tin nổi. Tin, chính ở phước duyên sâu dày chủ yếu nhờ đời trước đã gieo nhân Phật pháp, đã tu.

Ta đều đang nhìn thấy một phần nhỏ chân lý tối thượng mà thôi. Trái đất lớn bằng ngôi sao, thì dải Ngân hà có hàng tỉ ngôi sao; con người đã biết được mấy ngôi sao theo kiểu cưỡi ngựa xem hoa (như vừa chân ướt chân ráo đặt lên sao Hỏa); nói gì đến trong vũ trụ có vô lượng tỉ tỉ dải Ngân hà. Ta thiếu cận về toàn thể vũ trụ như thế nào thì thiếu cận với nhân sinh như vậy. Ngay đến thiên tài, họ cũng mới sử dụng những tài năng phàm thường trong kho tàng vi diệu cuộc đời, và cũng thiếu cận về *bốn tâm* mà thôi. Mỗi ta đều có chân tâm hay Phật tâm, cả vũ trụ nằm trong ấy, ta sẽ không hề chạm tới được nếu chẳng nỗ lực tu hành. A-lại-da thức chúng ta tích lũy vô vàn nghiệp lực thiện ác, dẫu qua bao nhiêu kiếp đầu thai đều y nguyên. Một lượng thông tin khổng lồ, lượng nghiệp lực khổng lồ “có hình tướng sẽ đầy cả hư không” nếu gặp duyên sẽ hiện cảnh quá lợi hại. Phật giảng: không ân oán, không đến nợ trả nợ đời trước sẽ không trở thành vợ chồng con cái trong kiếp này. Là sự hút nhau tự nhiên như một dạng sóng cùng tần số. Trả nợ thì con hiếu thuận, đòi nợ thì con bất hiếu; thậm chí còn trường hợp, con ngoan hiền song ốm yếu bệnh tật, cha mẹ bán hết gia sản đến mặt vắn, cũng là một cách đòi nợ! Duy hướng vào Phật pháp mới chuyển được nghiệp bất hiếu [từ kiếp trước] thành có hiếu [trong kiếp này]. Rồi nữa, một ngày bỗng gặp người lạ giúp đỡ mình, ngược lại lần đầu tiên gặp mặt người đã muốn đẩy ta đến đường cùng, đích thị duyên nợ từ tiền kiếp. Ta không nhận ra trước đã gây nhiều gì cho họ; họ cũng không hề biết, song nghiệp lực trong *tàng thức* nó “có mắt”, biết nhận dạng do đó nó thôi thúc họ phải trả thù. Tuy nhiên, sự đòi nợ thường rất ít, gần như qua kiếp này oan gia chỉ đòi phần *lãi* (xóa phần nợ gốc). Đòi lãi, ta [do mờ nhân quả] nên tìm cách trả đũa mạnh bạo hơn, thế là dư báo! Chính ý nghĩ đòi lại “công bằng” là đầu mối của lục đạo, phần nhiều *luân hồi* trong cõi quỷ, cõi vật và địa ngục. Người giàu sang danh vọng, trước hết là nhờ sự quy đổi từ phước trong mạng nhiều đời; không hiểu không tin, ngỡ nhờ tài năng của mình nên mặc sức phình bản ngã tiêu pha hưởng thụ, mặc sức coi khinh những người yếu hèn nghèo đói; không dùng phước ấy làm phước, gặp đại họa, đời sau mang lòng đội sừng... Tiêu tiền hưởng thụ, vốn là tiêu phước. Phước mỏng dần nghiệp báo sẽ hiện, mà tai nạn, bệnh tật luôn là thước đo. Một nhân vật lừng danh, bỗng

gặp nạn, thân liệt trí mờ, bán loạn mộng mị triển miên; giữa lúc ngoài kia sản phẩm dấn máu của họ vẫn ngồn ngộn để ra tiền bạc. Họ chìm vào *cõi cô đơn tận cùng* cho tới lúc hồn đứt khỏi xác đau như “rùa sống lột mai”. Cũng khoan nói chuyện *thức* nhập thai loài gì. Thân mất, thức ấy không chịu quy định bởi vật chất thế gian nữa mà quy định bởi phước đức. Hãy tưởng đến cảnh thân vừa mất, ta thấy ngay xác mình nằm đó dần thối rữa. Ta biết mọi sự diễn ra, thấy họ hàng thân quyến đó, lại bất lực trao đổi bất lực sờ chạm. Ta đói không ăn được đồ cúng kiếng ngon lành bốc khói; ta lạnh được cúng áo ấm đốt lửa vẫn lạnh, ta nóng [hồn] chui vào tủ đông vẫn nóng. Và nếu [linh hồn] vẫn chấp trước về quan tài đất tiền, nắm mồ sang trọng, cái *ngã* sẽ giữ họ ở lại trong cảnh giới *thân trung ấm* chịu đau khổ bội bội lần thăm cảnh cuối đời, không thể siêu thăng lên cõi thanh bình.

Phật vô ngã. Chúng sanh sở ngã. Cái Ngã to đùng và nó không ngừng lớn mạnh theo chút tài sắc bé mọn. Ngã chấp càng lớn vô minh càng dày, càng che khuất phần minh tuệ trong căn mạng. Cống cao ngã mạn nhờ nói lưu loát vài thứ tiếng? Xin phép gạn ra lớp váng mê tín dị đoan để nêu sự thật: một người nông dân lúc *lên đồng*, vong nhập vào liên tuôn ra trôi chảy nhiều thứ tiếng. Lúc hồn kia xuất lập tức họ trở về sự thể ban đầu là người một tiếng nước ngoài cần đòi không biết! Đó dẫu sao vẫn là *tục đế*. Xét về *chân đế*, người chứng quả Thánh đầu tiên đã có thiên nhân thông, nhìn thấu cảnh trời và địa ngục; chứng thêm nhị, tam, tứ quả liền thấu suốt ý nghĩ của bất cứ ai (Tha tâm thông), rồi Thần túc thông, hễ khởi ý niệm muốn tới đâu liền có mặt ở đó. Người Niệm Phật đạt nhất tâm bất loạn có thể “tiền trạm” tới Tây phương Cực Lạc, thế giới của Vô Lượng Thọ, muốn gì liền có nấy, không muốn tự biến mất. Nhưng nhà Phật không khuyên tu để đạt những thứ ấy đi lờ thiên hạ. Những vị chứng càng cao, chúng ta sẽ càng không thể biết! Người được xem và tự cho mình thông minh tinh táo hơn các bậc đại đạo sư, cho mình luôn làm chủ bản thân, thực chất nhảm lẫn. Khiến tự ngã thêm lớn. Một khi ta chưa sai khiến được tập khí phiền não, đơn giản và cụ thể như không làm chủ không hóa giải nổi cơn nóng giận, là đang sống trong sự lôi dẫn của nghiệp lực. Con người sống bằng vọng tâm, gọi đúng danh từ là *con rối của nghiệp lực*.

Chúng ta có mặt trên đời bởi sự hội tụ kết tinh nghiệp từ tiền kiếp. Có những đứa trẻ mở mắt sống chưa bao lâu đã nhận ngay nghiệp dữ quá khứ; lý do khiến người đời thường gọi “trời không có mắt” gây oan giá họa. Thực tế nhân quả tơ hào không sai. Lộ trình từ nhân tới quả biến hóa khôn lường; quả có thể méo mó biến dạng khiến ta không nhận ra; tuy vậy, hiển nhiên nhân xấu đã gieo, không sớm thì muộn quả xấu sẽ ập đến. Thường tội lỗi [nhân đời trước] chưa hiện, ta lớn dần theo cái nhìn và ý nghĩ của gia đình; lớn thêm bị quy định thêm qua tâm thái nhìn nhận của bè bạn, xóm làng; với những

người nổi tiếng họ còn “nổi mạng tư tưởng” với rất nhiều người trên địa cầu. Ý niệm câu thông khắp vũ trụ, còn mạnh hơn bất kỳ loại sóng nào khoa học từng khám phá. Khoa học, với những mệnh đề kiểu như “hiệu ứng cánh bướm” đã trở lên dễ hiểu. Do vậy ý niệm là yếu tố tiên quyết làm nền móng tương lai mỗi sinh mệnh. Lúc *thai nhi* hình thành phải được *thai giáo*. Người mẹ chẳng những nên sống trong một không gian nền nếp khuôn phép không có tạp âm mà ngay đến ý nghĩ của mình cũng luôn thiện lương hòa ái. Ý niệm là mấu chốt gieo nên nghiệp lực mạnh mẽ nhất. Tin nhân quả là điều trọng yếu. Tin nhân quả là bước đầu làm chủ vận mạng. Nhân quả phải là bài học đầu tiên và xuyên suốt đời người. Được giáo dục về nhân quả, đứa trẻ sẽ không nghĩ không nói điều xấu ác, không vu oan giá họa cho ai, không lấy thứ không phải của mình, lớn lên sẽ không sa đà rượu chè hút chích, sẽ không tà niệm với kẻ ngoài vợ mình. Đứa trẻ từ nhỏ được dạy không sát hại động vật kể cả côn trùng muỗi kiến, ngược lại còn yêu thương động vật từ mèo chó trong nhà đến những loài vật hoang trong rừng, làm sao chúng có thể khởi ý niệm hại [giết] người cho được. Nhân quả cũng giống như giới luật. Sống trong nhân quả tức đang sống trong một không gian thanh tịnh. Ta chưa hề thấy cố nội, qua ảnh cũng không, nhưng chắc chắn tin có cố nội. Có cố mới có ông, có ông mới có cha,... Nhân quả đời trước cũng vậy, ta không thấy song phải tin sâu sắc. Phật dạy nhân quả xuyên ba đời. Tin chắc tất cả mọi sự việc không như ý gặp phải tuyệt đối chẳng ngẫu nhiên, mà do nhân từ đời trước, phải tin và quán, và quán như thế mới không khởi tâm oán hận người đã gây hại cho mình, không khởi tâm báo thù trả đũa. Người kia gây hại dù lớn đến đâu sẽ có nhân quả vũ trụ quản lý, sẽ bị báo ứng trùng trị chẳng sớm thì muộn, chớ bao giờ khởi niệm “thay trời hành đạo”, muốn chỉnh sửa, giáo huấn, trừng trị y. Khởi ý niệm này nguy hiểm vô cùng, trước hết là gây tổn phước báu cho mình, nữa là làm cho mạng lưới nhân duyên cộng đồng cũng bị tổn hại và chính ta lúc mạng chung sẽ lọt vào đọa xứ. Chưa hết, khởi loại ý niệm này các oan gia trái chủ vô hình trong nhiều đời sẽ có dịp thuận tiện càng tác ý giúp thêm cho ý niệm xấu của ta mãnh liệt. Mỗi người cơ bản đều có số lượng lớn oan gia trái chủ từ vô lượng kiếp âm thầm theo sát; nhờ phước ta còn dày, họ chưa thể làm gì; không tu, phần đông nghiệp sẽ nhào tới lúc lâm chung. Nhớ hồi học đại học, tôi luôn mua thức ăn của một dì bán thịt heo đã ba chục năm. Bểng đi rất lâu, một ngày hay tin dì bị ung thư, tôi liền tới thăm. Dì nói thường thấy ai cầm dao bấm chặt dưới chân... Thật mừng, những ngày



cuối đời di được đạo hữu gần đó khuyên niệm Phật, lúc tôi đến thăm dì còn bảo đọc chú *Đại Bi* cho dì nghe... Có người khác, cận kề cái chết đã thấy rành rành oan gia nghiệp báo, sợ đến biến dạng mặt mày lật mình xuống giường, mà nào có trốn được. Pháp gọi hiện tượng này là *hoa báo*; *hoa báo* hiệu cho *quả* phía bên kia đời. Lúc sống, ai từng vùng mình khỏi cơn ác mộng (như bị truy đuổi chém giết, bị tra tấn hành hạ...), sẽ cảm được chút ít về địa ngục. Hơn thế, trí não ta chỉ mới tưởng đến cảnh hành lạc, tưởng đến cảnh sẽ phước hại “kẻ thù” như thế nào, vào địa ngục cũng hiện lên như vậy để thọ nhận. Bạn trong đời không đánh đập ai, song đã từng giết một con cá hay bất kỳ loài vật nào như thế nào, lúc mất thân, hồn vào địa ngục sẽ [hiện] chịu lại nỗi đau như thế; chủ tâm giết tổ kiến từng con từng con, vào hỏa đồ nhận lại như vậy. Ở đời cắt xẻ thịt động vật chiền xào ra sao, vào địa ngục ta bị chặt khúc rán lên như vậy. Đây chỉ là điểm xuyên thấu qua cảnh tượng nhân quả điệp trùng Phật thuyết trong kinh *Địa Tạng*. Đau đớn đến trời đất cũng ứa máu! Biết làm sao. Nghiệp ấy tự tạo tự chịu, không ai quy định cả. Đó là quy luật vĩnh hằng trong vũ trụ, người phát hiện ra chính là Phật. Phật nói lên sự thật, ai không tin đành thọ nghiệp dữ. Một sự thật quá thảm, sự thật vượt khỏi lối suy niệm thông thường, nên nó trở thành *hoang đường*. Nhưng cái hoang đường đó vẫn thường ngày nhơn tiền sống động trong nhân sinh thế tục, sống động tuyệt đỉnh trong mắt của bậc chân tu.

Nhân quả hữu hình đã vậy, nhân quả vô hình quả đáng sợ biết bao - đó là *Ý Niệm*. Ý niệm cũng có đồng minh bè phái. Ý niệm xấu khởi ra, lập tức chiêu cảm cùng loại cuộn về như lốc tố, chiêu cảm các ác niệm cùng loại của các ác thần ác quỷ, la-sát. Ngược lại ta khởi tâm lành, nhẫn nhục, tha thứ cho đối phương thì nghiệp chương tiêu nhanh, sức khỏe ngày càng kiên cường trường thọ. Các bậc đại đức hiện thời thì kết hợp với những khám phá của khoa học để hướng người đời cứu thế giới bằng việc giữ ý niệm thiện, thay thế và loại trừ tà niệm. Ai không tin có thể đặt hai bát cơm, hai bát nước, hai loại trái cây hay bất cứ “vật vô tri” nào ở hai căn phòng, một nghĩ xấu về nó, một phát ý nghĩ yêu thương, một thời gian sẽ thấy thứ vô tri đó biến đổi thế nào, tươi ngon hay thối úng. Xin mở ngoặc, chỉ phát ý niệm thiện hay ác là đủ, không cần chửi rủa hay nói lời yêu thương. Những loại “vô tri” trên sẽ [bất sóng] hiểu và biến đổi theo ý niệm của chúng ta. Qua đây cũng cho thấy ý niệm phát từ tâm mới trọng yếu, trí não sẽ nhận tín hiệu sau đó mới sai sử chân tay miệng tạo tác. Ý niệm chính là nhiên liệu tạo

nên bản chất mỗi người. Nếu ý niệm không thể hiện ra chân tay miệng, bề ngoài trong đời sống y không làm hại ai song chớ nhầm tưởng y thiện lương. Trong tâm y mang ý niệm sân hận, luôn muốn người ấy người kia sớm thân bại danh liệt mau già mau chết; và bởi góp vào vũ trụ loại tử trường cực xấu, chẳng những y hại một người mà còn [góp phần] hại đến cả nhân loại. Nên nghĩ tốt về người. Loại ra những điều xấu của người và thay bằng những lời nói, cử chỉ tốt của họ dẫu chỉ là tí ti. Hành giả Tịnh tông, không cứ thiện ác, cứ phát tâm từ ái niệm (tai nghe rõ) “A Di Đà Phật” ắt lợi đôi đường cả Đời lẫn Đạo. Sao niệm Phật tai phải *nghe rõ* từng chữ? Bởi niệm Phật (dẫu là niệm thầm) tai không nghe là miệng niệm chứ không phải tâm niệm, cũng bằng ta đang nhờ người khác niệm hộ; để tâm ta nhảy múa vũ điệu tập khí trần ai. Niệm Phật tai không chịu lắng nghe [câu mình niệm] là tu bề ngoài, chỉ ngửi mùi chứ không thực được ăn món ấy. Niệm Phật như vậy miệng niệm nhưng tâm vẫn nhìn lỗi thế gian, đu theo mà phê bình hể hả. Lục tổ Huệ Năng khuyến “bậc chân tu không nhìn lỗi thế gian”. Người tu nào còn tin Ngài, với lời khai thị này hẳn phải chạm khắc vào máu huyết. Còn nhìn lỗi thế gian, nên hiểu ngay [lúc đó] chưa phải chân tu! Khoa học lượng tử lúc thấu tỏ lý này quả thực thấy... đau đầu; cuối cùng đưa ra hướng giải quyết thật khế hợp với tinh thần kinh điển: *Thay vì chống chiến tranh, hãy ủng hộ hòa bình*.

Tu, trước nhất ở Tâm; là *sự thay thế ý niệm*, khiến mọi vọng niệm thế gian quy về chân niệm. Mức thấp nhất, hể nghĩ ác nghĩ xấu lập tức biết để thay vào những ý nghĩ thiện. Ý nghĩ chuyển, hành vi mới chuyển. Người lo chuyển hành vi lại không chuyển ý niệm là gãi ngứa ngoài giày, đầu đội đất chân đòi đạp trời. Hãy hướng vào nội giới, hướng vào kiểm thảo từng ý niệm tung hoành tạo tác trong tâm. Hãy nhìn lỗi mình sửa lỗi mình, chớ nhìn lỗi người lo sửa lỗi người trong lúc mình [soi gương tạo dáng nhiều] lại nhìn bản tâm quá ít. Hể thấy anh kia rượu chè phê phỡn là chê bai bại hoại, lại không nhìn mình đóng cống tà hạnh (ở đây chỉ nhấn mạnh việc quá mức với vợ, chưa cần mở đến đàn dúi bóng hồng). Thấy bà kia nhiều chuyện lại không thấy mình nịnh nọt bợ đỡ. Thấy kẻ tham ăn lại không thấy mình tham ngủ nghỉ, tham quyền cố vị. Thấy người gặp nạn liền cho chắc hẳn ở cơ quan sống chẳng ra gì, lại không nhìn nhân xấu mình thường gieo và ngay vừa khởi cái ý niệm hả hê đó... Quán sâu sắc chân lý tuyệt đối, rằng ta chỉ hiểu người được một phần tí ti, không thể khởi ý niệm phê bình. Thế gian chẳng thiếu hàng Bồ-tát nghịch hạnh, những vị Phật thị hiện tướng “ác” tùy duyên độ cho những chúng sanh đặc biệt, ta không biết nên cứ mặc nhiên phạm thượng chư Phật và Bồ-tát. Một vị Tổ khuyên xem tất cả chúng sanh đều là Phật, ngoại trừ ta [là phàm phu]. Tâm đạt đến mức này mới mong về nước Phật.

Tâm đạt chuyên nhất tinh ròng niệm câu hồng danh “A-di-đà Phật”, mới mong rời Ta-bà về Cực Lạc. Tâm loạn,

cần dụ tâm niệm theo chuỗi 5 hoặc 10 câu hoặc bao câu tùy, cứ niệm hết một chuỗi liền quay lại từ đầu. Không nên niệm một câu thì đếm một, mà phải dụng tâm nhớ. Niệm một chuỗi 9 câu, thì cứ ước niệm 3 câu, rồi 3 câu, rồi 3 câu nữa - xong một chuỗi. Hể nhận thấy, ồ ta niệm đến câu thứ mấy [trong 9 câu] rồi, đó là vọng đang trôi, phải xóa ngay vòng đó niệm lại từ đầu. Ta lạc vào một nơi có trường lực xấu, có sao khi trong tâm cứ niệm Phật. Ta phải sống trong ngôi nhà trái phong thủy, hay ngôi miếu được cho nhiều ma quỷ chướng khí, có sao, cứ niệm Phật. Sóng phát ra từ câu “A-di-đà Phật” là *siêu siêu*, ta vô nhiễm lại thanh lọc được cả không gian rộng lớn. Tu như vậy có đơn giản? Thực tế hiếm có pháp nào trong tám vạn bốn ngàn pháp môn đơn giản hơn. Kết quả lại quá tối thắng. Trên thế gian nhiều hành giả niệm “A-di-đà Phật” biết trước ngày giờ được về nước Phật trước ba ngày, trước ba tháng, trước nhiều năm. Đúng ngày giờ Phật hẹn (mà đương sự đã thông báo với đại chúng trước đó), hành giả không bệnh tật, tỉnh táo niệm Phật mà đi, *để lại thân tướng sáng rỡ*. Sự này, không lời tôn vinh nào đủ xứng đáng, đành phải dùng cụm từ: “Không thể nghĩ bàn”.

Điều đơn giản nhất cũng là thâm mật. Sao phải niệm Phật? Bởi đó mới chính đang làm chủ nghiệp lực, làm chủ vận mạng. Còn không chúng ta sống bởi sự hội tụ của tất cả ý niệm từ vô vàn người quen; kể cả những người thân nhất - cũng đang làm hại ta! Hiển nhiên. Một đứa con hư, ta liền chì chiết đồ bất hiếu nghịch tử, lúc nào cũng ý nghĩ này, và câu này sẽ phát ngay hể nó bỗng phạm một lỗi khác. Một kẻ phạm tội ăn trộm vào trại giam, được ân xá về quê; anh ta thay đổi hoàn lương, song đến nhà bạn, bạn có để phòng? Có cất ngay ví tiền và những đồ quý trước lúc xuống nhà dưới? Tâm để phòng xuất phát từ ý nghĩ trong tâm đen, rằng hắn, kẻ ăn trộm. Tên ăn trộm, hãy để phòng! Ý niệm này đã xuyên vào bản thể anh ta khơi dậy hạt giống nhòm ngó tài vật của người. Bỏ qua đức tính tốt của người, cứ chăm chăm nhìn lỗi, ý nghĩ xấu này sẽ góp phần bồi đắp lỗi thành bản chất, và dĩ nhiên nó sẽ phụng hại chính mình. Tử trường ý niệm chẳng khác lúc ta hét vào một hang động, rồi nó sẽ dội lại chính ta. Cứ tưởng đến cảnh tay hốt rác vút qua hàng xóm, sẽ biết ngay tay mình dơ trước; hay đó là cảnh ngậm máu phun người theo cách diễn của triết lý dân gian, sẽ hiểu. Tâm chao đảo, nhân loại trên trái đất và vũ trụ hiện từ cõi mê chao đảo.

Bậc chân tu thường ngày vẫn miên mật hạ thủ công phu lấy đó hồi hướng cho những người Đức Phật gọi với tận cùng tình thương yêu là “đáng thương xót”, nhưng dẫu sao vẫn là cứu vãn tình thế, trong lúc gốc bệnh của chúng sanh không ngừng gia tăng thông qua cấp số nhân của ý niệm bất chánh. Đây là nguyên nhân sâu xa khiến ngay đến bậc đại triệt đại ngộ với năng lực vô biên cũng đành “bó tay”, không thể ngày một ngày hai cứu nổi chúng sanh thoát lực đạo. ■

Nổi chìm lặn lộn trong ba cõi

DIỆU NGỘ



Trong mỗi khóa lễ ngày Chủ nhật chúng ta đều đọc bài Văn Sám Hối. Bỗng một hôm bạn sẽ giật mình khi đọc đến câu “Nổi chìm lặn lộn trong ba cõi”. Thì ra chúng ta đã đi lang thang trong ba cõi từ bao nhiêu kiếp với bao vui buồn khổ lụy cho đến hôm nay mà nào có hay có biết. Trong ba cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới chắc gì chúng ta đã có duyên lành được sanh về các cõi trời để hưởng một ít hạnh phúc mặc dù cũng chỉ mong manh vì vẫn còn trong vòng luân hồi sanh tử. Hay là ta đã lang thang trong ba đường dữ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trước khi được làm người trong cõi ta-bà này.

Kinh *Pháp Hoa* có ẩn dụ câu chuyện chàng cùng tử con nhà giàu có đi lạc từ nhỏ nên không biết thân phận của mình cứ mãi lang thang trong đói nghèo, cho đến khi được người cha tìm cách nhắc nhở để trở lại nhận gia tài có sẵn nơi mình. Có lẽ đây là thân phận của mỗi chúng ta, có khả năng vượt ra ngoài cái vòng lặn quẩn tử sinh, sinh tử mà vẫn mãi mê trôi lặn trong lục đạo.

Ngoài thế giới này còn có vô lượng thế giới khác có đủ loại chúng sanh đang sống. Trong không gian vô tận không ngần ngại có biết bao cảnh giới mà Đức Phật Thích-ca với thiên nhãn minh đã thấy được, từ những cảnh trời đầy đủ an vui hạnh phúc đến cảnh địa ngục

quanh năm suốt tháng chỉ toàn chịu cực hình. Biết đâu mình cũng đã từng rơi rớt vào cảnh địa ngục khổ lụy ấy, may đâu gặp được Bồ-tát Địa Tạng. Thấy những kẻ chịu nhục hình Ngài thương quá chừng nên nhắc nhở họ là do đã tạo nhiều ác nghiệp mới nên nông nổi, thôi thì hãy cố gắng sám hối tội lỗi và phát nguyện sanh lên cõi người để có cơ hội tu theo Chánh pháp hòng thoát ra khỏi vòng sanh tử. Có thể là chúng ta đã từng ở trong cảnh giới ngạ quỷ đói khát triền miên, hay làm súc sanh đầu óc u tối, may thay nay lại được thân người. Nghĩ lại mới rùng mình, trong ba cõi sáu đường ta đã từng đi qua từ lúc nào không hay biết và cứ thế mà lặn lộn mãi cho đến hôm nay và mãi về sau nếu ta vẫn cứ chấp nhận thân phận của chàng cùng tử.

Khoa học ngày nay cũng đã chứng minh được bên cạnh quả đất ta đang sống còn có bao nhiêu thế giới trên đó có sự sống. Gần đây, nhà khoa học nổi tiếng người Anh là ông Stephen Hawking tin chắc rằng sự sống trở dậy đồng thời với trái đất, bởi vậy trong vũ trụ bao la, chắc chắn phải có những dạng sống khác đang diễn ra. Giáo sư Stephen Hawking dù bị mắc một căn bệnh teo cơ nan y và phải ngồi xe lăn cũng như sử dụng một thiết bị chuyển ngữ đặc biệt để nói, nhưng ông vẫn là một trong những nhà khoa học nổi tiếng

nhất nước Anh được thế giới ngưỡng mộ như là “Ông Hoàng Vật Lý”. Dự án khổng lồ mà Ông Hoàng Vật Lý vừa khởi động mang tên Breakthrough Initiatives (Sáng Kiến Đột Phá) trị giá tới 100 triệu USD, do tỉ phú gốc Nga Yuri Milner tài trợ. Trong thời gian 10 năm thực hiện dự án này, các nhân viên của tỉ phú Milner sẽ sử dụng các thiết bị hiện đại để dò tìm tín hiệu phát đi từ người ngoài hành tinh thuộc dải Ngân Hà và 100 thiên hà gần đó.

Trong cái thế giới ta-bà nhỏ tí teo ta đang sống, Đức Phật Thích-ca đã chỉ rõ cho chúng ta biết được làm người là khó, nếu không biết tận dụng cơ may làm người rồi sẽ lại rơi vào ba đường dữ và cử thể mà ngoi ngóp như con rùa ở trong lòng biển khơi mong trời lên để gặp được bong cây đang trôi nổi bập bềnh trên sóng nước. Biết được như vậy để làm gì đây? Câu hỏi sẽ được mỗi người tự trả lời và tự tìm đường thoát ra cái vòng loanh quanh lẫn quẩn ấy.

“Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi. Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệt. Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt. Rọi suốt trăm năm một cõi đi về” (Trịnh Công Sơn).

Tội nghiệp cho thân phận làm người quá chừng, nhưng nếu làm người gặp được Phật pháp thì thật là may mắn. Trong quyển sách *Lam Rim Chen Mo* của ngài Tsong-Kha-Pa, một đại sư Tây Tạng sống vào thế kỷ XIV, có dành riêng một chương nói về tám điều may mắn của một người Phật tử và mười cơ hội để vượt ra ngoài vòng sanh tử. Những chúng sanh khác không có được tám điều may mắn như chúng ta:

*Sinh làm người không có chánh kiến,
Sinh vào thời không gặp Phật pháp,
Sinh vào súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục,
Sinh làm người nơi xa xôi biên địa,
Sinh làm người khờ khạo tật nguẩn,
Hay sinh vào cảnh trời sung sướng,
Ấy là sinh vào chỗ kém may mắn,
Vậy nếu được làm người may mắn,
Hãy dũng mãnh chấm dứt tử sinh.*

Đó chính là thông điệp cho hàng Phật tử và đó cũng là những dòng tâm sự của ngài Long Thọ gửi bạn hiền là vua Gautamiputra Satavahana. Không rơi vào tám hoàn cảnh nói trên tức là đã được may mắn lắm rồi. Vì sao? Vì trong dòng tâm thức của ta đã có sẵn hạt giống thoát ly sinh tử. Hạt giống thoát ly sanh tử có đủ năm yếu tố mà các loài chúng sanh khác không có, được ngài Vô Trước nói rõ như sau:

1. Được làm người,
2. Không sanh ở vùng biên địa,
3. Được đầy đủ giác quan,
4. Không tạo ác nghiệp,
5. Biết tin thiện pháp.

Năm yếu tố có được do chính mình gây dựng từ

những kiếp trong quá khứ, một tin mừng cho chúng ta với hy vọng từ những hạt giống lành này ta có đủ điều kiện cho hành trình giải thoát và người Phật tử lại có được duyên lành để những hạt giống ấy sớm nở hoa từ bi và trí tuệ:

*Hạnh phúc thay Đức Phật ra đời,
Hạnh phúc thay diễn nói Chánh pháp,
Hạnh phúc thay Chánh pháp thường còn,
Hạnh phúc thay Tăng-già hòa hợp,
Hạnh phúc thay tứ chúng đồng tu.*

(Kinh Pháp Cú)

Là người Phật tử, gặp được Phật pháp là đã hội tụ được biết bao điều may mắn và có nhiều cơ hội để không còn phải lang thang trong ba cõi.

Khi đặt một cành hoa vào quan tài của người thân, bạn sẽ chạnh lòng cảm nhận một sự chia ly vĩnh viễn. Vào giờ phút cúi chào người thân lần cuối, bạn mới thật sự thấy rõ luật vô thường và tự hỏi có phải rồi đến một ngày mình từ già kiếp người để tiếp tục trôi lăn trong vòng sinh tử hay sao. Nên nông nổi này cũng bởi vì “*Nghiệp thức chiêu hoài không biết dừng*”. Cái nghiệp thức không dừng nghỉ chính là động lực đẩy ta đi mãi trên con đường vô tận. Hãy lắng lòng nghe lời Phật dạy:

*Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!”*

(Kinh Pháp Cú)

Cho nên không lấy làm lạ ngài Tu-bồ-đề mừng đến rơi lệ khi nghe Phật thuyết giảng kinh *Kim Cang*. Hình ảnh thật dễ thương khi ngài quỳ bên Đức Phật mà thốt lên nhiều lần “*Đúng vậy, đúng vậy, thưa Đức Thế Tôn*” để nghe từng giọt cam lồ thấm vào dòng tư tưởng.

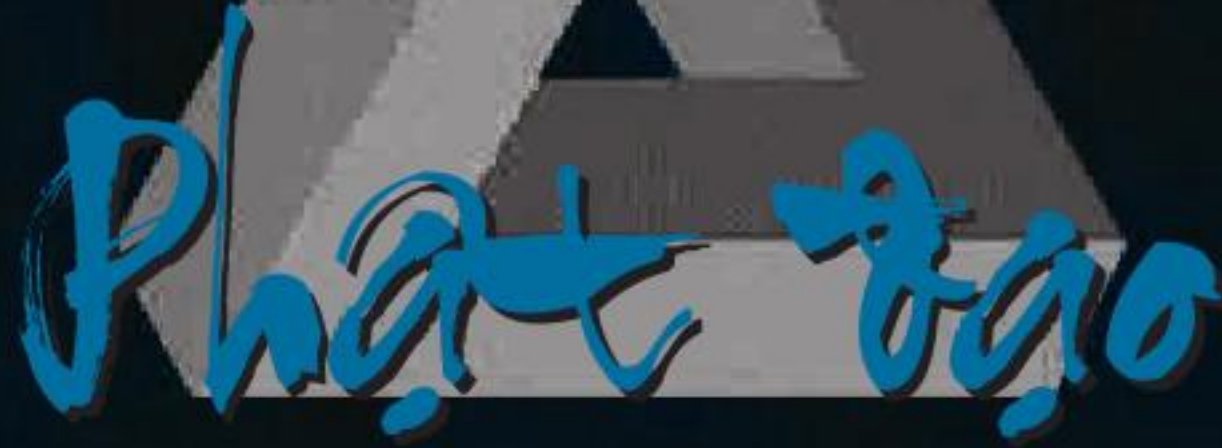
“*Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng ắt chẳng phải Bồ-tát... Bồ-tát chẳng nên chấp nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nên không có chỗ trụ mà sanh tâm thanh tịnh...*” Bên trong không thấy có ta có người có chúng sanh có mạng sống, bên ngoài không chấp sáu trần vì tất cả đều là giả hợp, Đức Phật đã chỉ cho Tu-bồ-đề hai chiêu thức tuyệt vời để dứt dòng sinh tử, như đôi cánh của chim đại bàng bay vút trời xa.

Mãi về sau khi Tổ Huệ Năng nghe Thầy giảng kinh *Kim Cang* cũng đã mừng rỡ liền thốt lên “*Nào ngờ tự tánh vốn thanh tịnh, tự tánh vốn tự đầy đủ...*” Tự tánh vốn thanh tịnh vậy mà ta làm cho nhiễm ô để tiếp tục lăn lộn trong ba cõi, nghĩ thật đáng thương!

*Tam bảo chứng minh con sám hối
Dứt tâm tương tục kể từ đây
Không hề tái phạm dù lỗi nhỏ
Nguyện gìn ba nghiệp như giá băng...*

(Văn Sám Hối) ■

Thấp thoáng lời Kinh



ĐỖ HỒNG NGỌC

Văn-thù hỏi Duy-ma-cật: *Bồ-tát làm cách nào để thông đạt Phật đạo?* (Bồ-tát vân hà thông đạt Phật đạo?).

Duy-ma-cật đáp: *Nếu Bồ-tát làm những việc trái đạo thì sẽ thông đạt Phật đạo* (Nhược Bồ-tát hành ư phi đạo, thị vi thông đạt Phật đạo).

Thiệt là choáng váng! Bồ-tát phải làm những việc “trái đạo” mới thông đạt Phật đạo ư? Mà đúng vậy! “Phật đạo” ở đây không phải là đạo Phật. Phật-đạo là con đường trở thành Phật. Cũng như Bồ-tát đạo là con đường trở thành Bồ-tát. Do vậy, câu hỏi của Văn-thù đặt ra là “muốn thành Phật thì Bồ-tát phải làm những gì?”. Duy-ma-cật trả lời muốn thành Phật thì Bồ-tát phải làm những việc “trái đạo”, không như người ta vẫn nghĩ, dám làm những việc ngược thói đời, những việc không giống ai... thì mới hy vọng thành Phật được! Nếu cứ trốn lên núi cao rừng thẳm, chui vào hang đá, ngồi dưới gốc cây, ôm bình bát đi khất thực... thì còn lâu mới thành Phật!

Đây vẫn là buổi thuyết giảng chủ yếu dành cho các vị “Bồ-tát tại gia tương lai” hôm đó tại thành Tỳ-da-ly, ở nơi thất “trống trơn” của đại gia Duy-ma-cật. Đối tượng đích vẫn là Bảo Tích và năm trăm vị thiếu gia, vương tôn công tử, xuất thân từ các gia đình quyền quý, từng tranh bá đồ vương, có người tay từng trót nhúng chàm, nhúng máu, và các thiếu gia con nhà trưởng giả, không ít người giàu sang bất chánh, mặc dù nay đều đã “phát tâm Bồ-đề” nhưng chưa thể cắt ái từ thân vì còn nặng gánh gia đình, xã hội...

Đức Phật và các Đại Bồ-tát, Đại đệ tử “xuống núi” lần này đến tận Tỳ-da-ly nhằm mở rộng con đường Bồ-tát đạo, đưa đạo vào đời, tạo nên một “cõi Phật thanh tịnh” nơi chốn Ta-bà đầy ô trược mà thành Tỳ-da-ly là một điển hình. Phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng với tham gia cộng đồng, kỹ thuật học thích hợp... đã được triển khai với các Bồ-tát tại chỗ “tùng địa dũng xuất” như Am-ba-pa-li, Duy-ma-cật... Các buổi thuyết giảng bằng phương pháp giáo dục chủ động với cách hỏi-đáp sinh động, sắm vai (role playing) hào hứng đã mang lại

những chuyển biến tích cực không chỉ cho các Bồ-tát tại gia tương lai mà cả các đệ tử lâu nay còn nhiều vướng mắc trong cách nghĩ, cách làm.

Huệ Năng từ phương Nam tới Hoàng Mai, lễ bái Ngũ Tổ, Tổ hỏi:

- *Ngươi là người phương nào? Đến đây muốn cầu chuyện gì?*

Huệ Năng đáp:

- *Đệ tử là người quê mùa ở đất Lân Nam. Từ xa đến bái kiến Đại sư, chỉ cầu làm Phật mà thôi, không cầu chuyện gì khác!*

Tổ dạy:

- *Ngươi là người đất Lân Nam, lại là kẻ quê mùa, sao làm Phật được?*

Huệ Năng thưa:

- *Bạch Hòa thượng, người có Nam Bắc, chứ Phật tánh không có Bắc Nam. Thân quê mùa của con không giống với thân Hòa thượng, nhưng Phật tánh nào có khác gì?*

(Pháp bảo đàn kinh, Trí Hải dịch)

Chỉ muốn làm Phật, không muốn làm gì khác ư? Có tham vọng quá đó không? Không. Phật muốn vậy mà! Phật muốn ai ai cũng thành Phật. Phật chỉ đường dẫn lối. Không giấu giếm điều chi. Sẵn sàng “khai thị” cho tất cả chúng sanh “ngộ nhập” Tri kiến Phật. Nào đây là kho tàng bí mật của Như Lai, nào đây là Như Lai tạng... Phật vẫn nói “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”, bởi chúng sanh đều có Phật tánh như Phật, không sai khác.

Bồ-tát làm cách nào để thành Phật ư? Bồ-tát phải làm những việc trái đạo (phi đạo), nghĩa là những việc trái với thói thường, thấy vậy mà không phải vậy, thì mới... thành Phật được! Dĩ nhiên để có thể làm được những việc “phi đạo” đó, Bồ-tát phải được trang bị tận răng, phải thực hành đầy đủ “giới định huệ” tới nơi tới chốn, phải hành thâm Bát-nhã “chiếu kiến ngũ uẩn giai Không”, thấy biết chân duyên sinh, vô ngã, thực tướng vô tướng... thấy biết chân không mà diệu hữu, đại bi mà không ái kiến! “Ở nơi sinh

tử mà chẳng làm việc ô trược, ở nơi Niết-bàn mà chẳng diệt độ mãi mãi; đi với ma, mà vẫn thị hiện hàng phục chúng ma; hành Vô tướng mà vẫn độ chúng sanh...”

Khi Phật thành đạo dưới cội Bồ-đề, Ngài nghĩ khó truyền đạt cho ai khác con đường giải thoát khó tin, khó hiểu này, vì nó ngược đời quá... May thay sẵn lòng từ bi rộng lớn Phật nhìn thấy trong đầm sen bùn lầy hôi thối kia những cánh sen vẫn nở đẹp tuyệt vời, và những cánh sen còn hé nụ, lấp ló trong bùn đất. Từ đó mà con đường “Chuyển pháp luân” suốt 49 năm không mệt mỏi cùng với lớp đệ tử này, lớp đệ tử khác, mong mang an vui hạnh phúc đến cho “Cõi người ta”.

Ngày nào nửa đêm rời bỏ kinh thành, vợ đẹp con ngoan, ngôi vị thái tử, Cổ-đàm quyết chí ra đi tìm con đường giải thoát:

*Dòng Anoma sóng nhấp nhô bờ lau xanh
Nhìn làn nước biếc Thích-ca ngài lòng vững bền
Thôi con hãy về để ta vui ánh vàng
Ta đã quyết tìm đạo sáng cứu chúng sanh...*
(Hoàng Trọng Cang)

Thiện Tài đồng tử được Bồ tát Văn-thù khai ngộ, lên đường tìm thấy học đạo, bắt đầu học với Tỳ-kheo Đức Vân, Hải Vân, Thiện Trụ để có được những bước đi căn bản của giới, định, huệ, làm hành trang lên đường, dẫn thân vào đời, học cùng các thiện tri thức, từ người buôn bán lẫn lóc giữa chợ đời đến các trưởng giả giàu sang nứt đổ vỡ vách, đến các tiên nhân ngoại đạo, các Ưu-bà-di, kỹ nữ lầu xanh, cả vua chúa, thần linh, trời đất trăng sao, cây cỏ... cuối cùng đến với Phổ Hiền. Tri hành hợp nhất, sau khi trải qua 53 chặng đường gian khó đầy chạm bẩy, ở đâu và lúc nào Thiện Tài cũng tìm thấy bài học đã được truyền trao.

Đỗ tể buông dao thành Phật. Buông dao là quay đầu lại. Là thay đổi nếp nghĩ nếp làm. Kẻ phạm tội vô gián như Đê-bà-đạt-đa, A-xà-thế, rồi cũng được độ, một khi đã sám hối, bởi “quay đầu là bờ”.

Bồ-tát đi trên con đường thành Phật bằng những cách riêng của mình. Với lời nguyện “chúng sanh vô biên thế nguyện độ”... nên nấn ná cõi Ta-bà, thấy sinh tử – niết-bàn không hai, phiền não - bồ-đề không khác. Tìm thấy trâu, cỡi trâu về, thối sáo trên lưng trâu, mất cả người lẫn trâu, vẫn chưa xong, còn vác dép xách cá, thông tay vào chợ.

Duy-ma-cật là một “mô hình” của vị Bồ-tát tại gia đó: *Thị hiện có vợ con, mà tu hạnh thanh tịnh; phục sức đồ quý báu nhưng dùng các tướng tốt là để trang nghiêm thân mình, lấy niềm vui hành thiện làm món ăn ngon, đến nơi cờ bạc để hóa độ người. Vẫn thọ học các đạo khác, mà chẳng bỏ chánh tín. Rành sách vở thế gian, mà thường hâm mộ pháp Phật. Tham gia kinh doanh làm ăn lợi lộc mà chẳng lấy đó làm vui. Dụ vào việc chính trị, mà cứu hộ tất cả chúng sanh. Thậm chí vào chốn lầu xanh, để chỉ rõ chỗ tội lỗi của sắc dục, vào quán rượu để hướng thiện cho những người nghiện ngập...”*

Văn-thù vận hỏi: “*Thế nào là Bồ-tát làm những việc phi đạo?*”

Duy-ma-cật đáp: “*Nếu Bồ-tát làm năm tội... vô gián mà chẳng có buồn giận!*”

Vô gián là tội sa địa ngục vĩnh viễn mà Bồ-tát vẫn dám làm để được vào... địa ngục. Bồ-tát mà không vào thì ai vào cho? Muốn thành tựu chúng sanh, muốn tịnh Phật quốc độ đâu có cách nào hơn... vào địa ngục, vì ở đó chúng sanh đang nheo nhóc, khổ đau nhất! Khi Duy-ma-cật nói ra điều này, hẳn không ít các vị vương tôn công tử có mặt buổi hôm đó đã thờ phào, nhẹ nhõm.

Vào địa ngục mà còn được thì vào các cõi súc sanh, ngạ quỷ, Atula, thiên, nhân, sáu cõi luân hồi rộng mở đâu có khó khăn gì! Thế nhưng,

“... đến súc sinh mà không vô minh; đến ngạ quỷ mà đầy đủ công đức. Lên cõi trời sắc giới, vô sắc giới mà chẳng chút kiêu mạn...”

“... làm như tham dục mà lìa mọi nhiễm trước; làm như sân nhuế mà chẳng chút giận hờn; làm như ngu si mà dùng trí huệ điều phục tâm mình...”

“*Làm như*” thôi. Giả đò, giả bộ... vậy thôi. Bồ-tát luôn ý thức rõ việc mình làm, biết chỉ là “thị hiện” để “thành tựu chúng sanh”, như người mẹ hiền giả vờ nổi giận đánh mắng con là để dạy con nên người, không phải vì ghét bỏ.

“*Làm như* keo lận mà thí xả hết. *Làm như* bất tuân giới cấm mà trụ nơi hạnh thanh tịnh. *Làm như* nóng giận mà từ hòa, nhẫn nhục; *làm như* giải đãi mà thật siêng tu công đức; *làm như* động loạn mà thường trụ nơi niệm và định; *làm như* ngu si mà thông đạt cả trí huệ thế gian và xuất thế gian; *làm như* dua nịnh dối trá mà giỏi về phương tiện...”

“*Làm như* kiêu căng ngạo mạn mà như chiếc cầu chịu cho người người giẫm đạp, *làm như* đầy phiền não mà lòng thường trong sạch...”

“*Làm như* già cả, ốm yếu, bệnh hoạn, tàn tật, cùng khổ, hạ tiện... ăn mặc rách rưới, gầy gò, dơ dáy mà thiệt ra không phải vậy, lúc nào cũng ung dung tự tại, đầy đủ công đức, bố thí, trì giới, vượt thoát mọi sợ hãi, lo âu cái già cái chết cái bệnh cái đau...”

“*Làm như* bộ như ngu đần, dốt nát mà biện tài vô ngại, tùy cơ ứng biến, vào chốn gian tà, hang hùm nọc rắn mà không sợ hãi...”

Duy-ma-cật hỏi lại Văn-thù để làm rõ tại sao Bồ-tát lại phải hành phi đạo mới mong thông đạt Phật đạo.

“*Những gì là hạt giống Như Lai?*” (Hà đẳng vi Như Lai chủng?).

Văn-thù đáp: Có thân này là hạt giống Như Lai.

Thì ra vậy! Thân là hạt giống của Như Lai. Không có sắc thì làm gì có thọ, tưởng, hành, thức? Có thân mới có thọ, có thọ mới có tưởng, có tâm mới có pháp. Thân bất tịnh / thọ thị khổ / tâm vô thường / pháp vô ngã. “Vô thân hữu hà hoạn?”. Lão Tử nói vậy! Nên Bồ-tát phải hành thâm Bát-nhã, chiếu kiến ngũ uẩn giai Không mới xong.



Vô minh với ái là hạt giống Như Lai.

Không có vô minh thì mọi sự đâu có xảy ra! Còn ái dục là gốc của khổ đau. Ái tận thì hết chuyện! Nhưng... còn lâu mới tận! Nghiệp báo oan gia đời này kiếp khác thì có.

Tham, sân, si là hạt giống Như Lai.

Thì ra vậy! Ai bày ra tham sân si? Như Lai chứ ai.

Bốn điên đảo, năm triển cái, sáu nhập, bảy thức xứ, tám tà pháp, chín não xứ, mười bất thiện... đều là hạt giống Như Lai.

Tóm lại, hạt giống của Như Lai toàn thứ... dữ, thứ độc...! Nào điên đảo, nào triển cái, nào tà pháp, nào xứ, bất thiện... và trăm ngàn vô số vô lượng vô biên thứ dữ thứ độc khác đều là "hạt giống" của Như Lai cả!

Như Lai xấu ác vậy sao? Không, Như Lai chẳng xấu ác, chẳng thánh thiện. Như Lai là Như Lai. Tathagata. Vô sở tùng lai diệt vô sở khứ. Chẳng từ đâu đến chẳng đi về đâu. Nhưng... nhờ có Như Lai mà chúng sanh có phiền não, nhờ có phiền não mà có Bồ-đề. Bồ-đề mọc từ phiền não như sen mọc trong bùn.

Văn-thù kết luận: "... sáu mươi hai kiến với tất cả phiền não đều là hạt giống Như Lai".

Hạt "giống" Như Lai như vậy nên nó sẽ "mọc" lên đủ thứ như vậy, buộc Bồ-tát phải thực hành "phi đạo" mới có cách giải quyết. Bồ-tát sẵn sàng "... hiện làm dâm nữ / Dắt dẫn kẻ háo sắc / Trước lấy dục dụ người / Sau khiến vào trí Phật"; rồi giả làm mệnh quan, giả làm phú thương... "Vào kiếp có bệnh dịch / Hiện làm các cây thuốc / Vào kiếp

có đói khát / Hiện làm đồ uống ăn / Trước là cứu đói khát / Sau giảng dạy chính pháp".

Nhưng oan cho Như Lai quá, bởi Như Lai là Như Lai: chẳng ở bên này, chẳng ở bên kia, chẳng ở giữa dòng. Chẳng phải thế này, chẳng phải thế kia. Chẳng trí, chẳng ngu. Chẳng thành thật, chẳng dối trá. Chẳng lại, chẳng đi. Chẳng ra, chẳng vào, chẳng thủ, chẳng xả, không vắn đục, không phiền não, không tác, không khởi, không sanh, không diệt, không sợ, không lo, không mừng, không chán...!

Phật quá biết Như Lai, nhưng vì sao vẫn phải tận lực tìm cách "thành tựu chúng sanh"? Vì: "Chúng sanh trong cõi này càng cường, khó chuyển hóa, nên Phật giảng thuyết bằng ngôn ngữ cứng rắn để điều phục. Phật nói: Đây là địa ngục. Đây là súc sinh... Đây là tà hành của thân; đây là quả báo của tà hành của thân... Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là chánh đạo, đây là tà đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là Niết-bàn...". Bày ra mà nói vậy thôi. Với người trí, Phật im lặng.

Văn-thù kết luận.

"Tất cả phiền não đều là hạt giống Như Lai" (nhất thiết phiền não giai thị Phật chủng). Đúng vậy. Hoa sen phải nảy sinh trong chốn bùn lầy, cây cối chỉ tốt tươi nơi đất có nhiều phân.

- Đại Ca-diếp lên tiếng khen Văn-thù: "Khoái thay những lời ấy! Đúng thật như lẽ mà ông đã nói. Đám trần lao là những hạt giống Như Lai...".

Lúc ấy, trong Pháp hội, có một vị Bồ-tát tên là Phổ Hiền Sắc Thân hỏi Duy-ma-cật rằng: "Cha mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc, bạn bè... của ông là những ai? Tôi trai tớ gái, voi ngựa xe cộ của ông...?".

Hỏi rất hay. Đại gia Duy-ma-cật - cũng như các Bồ-tát tại gia tương lai" kia - đùm để gánh nặng cha mẹ, vợ con, nhà cửa, sản nghiệp... "con là nợ, vợ là oan gia, cửa nhà là nghiệp báo..." làm sao mà tu hành để thành Bồ-tát cho được?

Duy-ma-cật bèn tủm tỉm cười đọc mấy câu kệ:

*Trí Bát Nhã là mẹ
Tùy nghi phương tiện là cha
Pháp hỷ là vợ nhà
Từ bi là con gái
Tâm thiện là con trai
Không tịch là nhà
Trần lao là đệ tử
Đạo phẩm là bạn hiền
Các pháp độ là bạn
Bốn nhiếp là ca nương
Pháp ngôn là vịnh ngâm
Tổng trì là vườn tược
Đại thừa dùng làm xe
Nhất tâm là điều ngự
Bát chánh đạo dạo chơi...*

"Anoma vẫn còn nhớ ghi gương sáng ngài..." ■

Lang thang trong chữ

HỒ ANH THÁI

Một bạn văn gửi truyện ngắn để biên tập. Vừa mới trang đầu đã gặp ngay một đoạn như thế này: "Khuôn mặt ấy, với những đường nét dịu dàng thanh khiết, cái sống mũi tao nhã, đôi môi hiền, đôi mắt hiền, vầng trán tỏa sáng đã in vào tận cùng tâm thức tôi, ngời lên trong những giấc tôi mơ, tựa một vì sao, một vầng trăng, một lấp lánh cầu vồng."

- Anh đang nghĩ gì thế?

Em đã đến bên tôi tự lúc nào, thì thắm ngọt dịu”.

Tôi đã định tĩa bớt những tính từ mỹ miều, bóng bảy, lòe loẹt, sắc sỡ, những động từ ồn ào phô diễn. Nhưng nghĩ lại, cả một đoạn như thế này, chỉ có thể bỏ hẳn đi, cả một truyện ngắn như thế này, không thể còn hào hứng mà đọc.

Đây là một bạn viết trẻ. Còn có những nhà văn viết mãi vẫn như thế này. Điều rơi điều rụng, đắp đầy ngôn từ mỹ phẩm, rất giả, rất sáo rỗng. Đồng nghiệp đọc, cười sau lưng, không ai nói thẳng ra. Thế là suốt một đời cứ theo lối mòn, vẫn như tập làm văn, vẫn là văn học trò.

Nhà biên tập, nếu thấy tác phẩm không hay, nhưng ở mức độ in được, thì vẫn có thể sửa sang rồi cho nó ra với công chúng. Sẽ có kiểu công chúng thích cái mỹ miều lòe loẹt ấy. Nhưng nếu cứ cho ra một tác phẩm mà mình chưa ưng ý, tức là nhà biên tập đã tự triệt tiêu vai trò của biên tập viên trong tác phẩm. Một tác phẩm đúng nghĩa thì ở trong ấy có đủ vai trò của tác giả và nhà biên tập. Cũng có tác phẩm, nhà biên tập không cần sửa sang gì, không sửa sang cũng là một thái độ.

Ta vẫn đang nói chuyện thứ ngôn ngữ màu mè, lâm li, bóng bẩy. Rất nhiều khi nó trá hình trong những cách diễn đạt cầu kỳ một cách kín đáo, trong những so sánh ví von ngổ ngộc được nhiều người nhớ. Những câu đại loại như thế này:

- Em không phải bình minh mà nhuộm
chàng xanh biếc.

- Nàng liếc nhìn nát vụn bài ca.

Người viết ra những câu này hẳn phải tự lấy làm tâm đắc, tự khâm phục. Cái ánh sáng xanh của bình minh mà làm cho anh xanh đỏ chàm ra như thế. Câu thơ nghe thì lãng mạn, câu phân tích nghe đỏ chàm thì lại thành cái hài, xanh đỏ chàm tức là xanh tái, là tái mét, là sớ sệt run rẩy.

Còn chỉ một cái liếc nhìn thôi mà chứa đựng cả một sức mạnh (bây giờ có một dùng từ quyền lực, thay cho từ sức mạnh, cùng là chữ power). Cái năng lượng ấy như một cú chưởng tung ra làm nát bét một ca khúc. Chắc sẽ được khen là táo bạo, mãnh liệt, gọi tắt là bạo liệt. Chắc sẽ được tấm tấ là một sự phá cách, một sự nổi loạn về mặt ngôn ngữ.

Người Âu - Mỹ có một câu tục ngữ: Đấy chỉ là gây sóng gió trong một cốc nước mà thôi. Một cơn sóng thần trong cốc nước. Một cơn bão trong cốc nước.

Như đã nói, rất nhiều khi cơn bão trong cốc nước vẫn được người ta thích. Ai trong chúng ta chẳng ẩn chứa trong lòng một chút lâm li, tùy nơi tùy lúc mà nó trỗi dậy. Khi ốm mệt, cô đơn, khi vỡ mộng thất bại, khi cao tuổi... thì một câu lâm li cải lương hoặc câu nhạc sến bỗng trở nên thấm thía.

Cầu kỳ, bóng bẩy cũng nhiều khi dẫn người viết đến tai họa ngôn ngữ. Một người mới tập tọng, ngấp nghé vào nghề, người ta dùng một từ chính xác: chị mới *tập tễnh* vào nghề. Thế mà vẫn có nhiều người viết: chị mới tập tễnh vào nghề. Chị đang nguyên lành đôi chân, thế mà miêu tả như chị bị què, bị bong gân: tập tễnh.

Có thể liên tưởng hơi xa, nhưng hãy

nhìn thấy chữ tập tễnh này, tôi lại nhớ đến hoàng đế Timur ở vùng Trung Á xưa (1336-1405), một bạo chúa khét tiếng ở Samarkand, còn gọi là Timur lùn, Timur thọt (Timur the lame,

Tamerlane). Chắc chắn ông ấy là người đi tập tễnh. Còn gọi là đi cà nhắc, cà giựt, chân chấm chân phẩy, chân tươi chân héo, tùy theo phương ngữ của từng vùng, tùy theo thời ngữ của từng giai đoạn.

Không hề tập tễnh, nhưng một nghệ sĩ được miêu tả khi mới ngấp nghé bước

vào làng điện ảnh bằng câu: Đó là khi
NQ *nhón gót* bước vào làng điện

ảnh. Hình ảnh ngổ ngạo, người viết muốn làm cho câu văn khác

lạ. Nhưng mà cái làng ấy nó làm
sao khiến chi không đi đứng đàng

hoàng bằng phẳng được mà phải nhón gót. Một câu báo chí, chỉ cần thông tin

thôi, thế mà người viết cũng phải cầu kỳ làm điều. Thúc sự là điều quá. ■



CÁN BỘ VÀ NHÂN DÂN KHU 5 PHƯỜNG BẠCH ĐẰNG QUYẾT TÂM XÂY DỰNG KHU PHỐ VĂN HÓA



Thấy gì trong các khu phố văn hóa

Ảnh minh họa.
Nguồn: www.qtv.vn

LÊ HẢI ĐĂNG

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư được phát động đến nay đã hơn 10 năm. Đã có rất nhiều hội nghị lớn nhỏ, báo cáo tổng kết về cuộc vận động có quy mô trên phạm vi toàn quốc này. Hơn một thập niên đã trôi qua đủ thời gian để chúng ta thử nhìn lại ảnh hưởng của cuộc vận động và hãy xem xét những đổi thay diễn ra bên trong từng đơn vị tổ hợp làm nên đời sống văn hóa là các khu phố văn hóa.

Rõ ràng mục đích của cuộc vận động không nằm trên những chiếc biển mọc tràn lan, một cách "đại trà" khắp mọi miền đất nước, từ đô thị đến nông thôn, từ miền núi đến hải đảo xa xôi, mà hướng tới xây dựng thói quen văn hóa trong đời sống cụ thể của người dân ở từng khu phố. Có những chiếc biển đã phai màu, chữ nghĩa không còn đọc rõ ở nhiều khu dân cư, song đời sống văn hóa mà cuộc vận động nhắm đến vẫn chưa thay đổi như mong muốn.

Việc triển khai hoạt động văn hóa tách rời khỏi bối cảnh xã hội nói chung đã khiến cho mục tiêu của một

quyết sách lớn chưa thể đi sâu vào đời sống. Các khu phố văn hóa dựng lên suốt thập kỷ qua không hề đi vào thực chất; nói cách khác, chúng chỉ có biển hiệu, biểu ngữ, mà không có nội dung tương thích đi kèm. Nhiều biển hiệu đã mờ mịt theo thời gian, nhưng nội dung cần có bên trong vẫn chưa được thiết lập, ngoại trừ "có chuyển biến tích cực" trên báo cáo định kỳ hàng năm. Văn hóa - xã hội vốn là hai mặt của một thực thể. Không có xã hội nào tồn tại thiếu văn hóa, cũng không có sinh hoạt văn hóa nào tách rời khỏi bối cảnh xã hội. Điều này ai cũng hiểu, vấn đề nằm ở cách thức triển khai lại chưa thể hiện được cách hiểu như vậy. Vì thế, vấn đề xã hội nảy sinh đã làm cho văn hóa bị "chết đứng". Cụ thể là, trên hai bình diện thể chế và thiết chế văn hóa bên trong những khu phố văn hóa thì Thiết chế đã không được đầu tư để hiện thực hóa Thể chế. Tình trạng thiếu thốn Thiết chế văn hóa nhằm chuyển hóa nguồn lực từ Thể chế đã khiến cho nội dung hoạt động bên trong các khu phố văn hóa trở nên nghèo nàn, không đủ sức lay động, chuyển biến đời sống văn hóa từng cụm dân cư. Nhiều khu phố văn hóa dựng

biển hoành tráng, còn thiết chế văn hóa không thấy đâu, nghèo đến mức tội nghiệp. Vậy, chúng ta lấy gì cho người dân hưởng thụ văn hóa ở những khu phố mang tên Khu phố văn hóa? Trẻ em đá banh ngoài đường phố, người già đi bộ trên những vỉa hè chật chội, qua đường phải hoảng sợ như tránh bom... Tất cả những vấn nạn trên đều bắt nguồn từ mảnh đất bạc màu vì sự thờ ơ, thiếu đầu tư của cả xã hội. Nhiều khu phố có nhà truyền thống, thư viện chủ yếu nhằm phục vụ nhu cầu họp hành, chứ không thu hút, hấp dẫn được trẻ em, thanh niên tham gia sinh hoạt. Thư viện ở một vài khu phố văn hóa trưng bày những cuốn sách cũ kỹ, xuất bản từ mấy chục năm trước với nội dung đơn điệu, lạc hậu, chẳng ăn nhập gì với bối cảnh xã hội đương đại... Nói chung, những thiết chế này không đủ sức hấp dẫn để người dân mong muốn tham gia, hưởng thụ...

Cách làm văn hóa lâu nay vẫn theo tư duy cũ, kiểu nhà nước làm thay cho người dân, kể cả tổ chức hoạt động văn hóa, mà lẽ ra phải trả về cho đời sống. Nhìn lại suốt chiều dài lịch sử phát triển đất nước, văn hóa dân gian luôn là mảnh đất màu mỡ, ươm trồng những tài năng nghệ thuật cũng như bảo tồn giá trị truyền thống. Sinh hoạt văn nghệ dân gian hết sức phổ biến, phát triển ở cộng đồng làng xã. Bước vào xã hội hiện đại, bên cạnh mảng văn hóa giải trí tập trung vào các tổ chức dân doanh, còn đại bộ phận do nhà nước chi phối. Thói quen ỷ lại vào nhà nước, đồng thời chính quyền cũng có thói quen chỉ đạo triển khai các hoạt động văn hóa, khiến cho đời sống văn hóa dừng lại ở tính chất thời vụ, phong trào, thiên về bệnh thành tích... Vì thế, khi thời vụ qua đi, sức nóng của phong trào nguội dần, cuộc sống nhanh chóng trở về với những gì vốn có, không kém phần bát nháo.

Mặt khác, văn hóa cần xây dựng phải mang những nét đặc thù thể hiện được bản sắc vùng miền, khu vực... đô thị khác với nông thôn, vùng núi khác với hải đảo... Trong khi đó, cuộc vận động lại hướng tới quy mô đại trà, lãng quên sự khác biệt nhằm phổ cập một sắc "đồng phục" trên diện rộng, từ đó sản sinh ra thứ văn hóa "nhân rộng", khiến hiện tượng "sinh sản vô tính" trở thành phổ biến. Cách thức này đi ngược lại mục tiêu phát động phong trào trong bối cảnh toàn cầu hóa phát huy tác dụng và có nguy cơ làm đơn nhất hóa tính đa dạng của đời sống văn hóa.

Nếu tổng hợp nguồn tin từ các báo cáo trong phong trào xây dựng đời sống văn hóa và báo chí, rõ ràng có một khoảng cách rõ rệt giữa mục tiêu đặt ra và thực trạng hiện hữu. Tình trạng sa sút về mặt đạo đức đã phản biện lại cách thức triển khai và hiệu quả của phong trào xây dựng đời sống văn hóa. Cần có sự nhìn nhận khách quan, khoa học, trung thực về hiệu quả thực sự của cuộc vận động này. Đời sống văn hóa thể hiện những bấp bênh, chưa bộc lộ nhân tố chắc chắn, tích cực hiểu là những thói quen văn hóa mang

tính phổ biến, trở thành giá trị sau khi thời gian qua đi. Thế mà nhiều địa bàn, địa phương đã vội vã trưng biển hoành tráng, gây lãng phí không gian công cộng và gây phản cảm cho người quan sát. Chúng ta hãy thử nhân cách hóa khu phố văn hóa như việc nhìn nhận con người xét dưới tư cách đạo đức, rõ ràng, một con người có văn hóa không bao giờ tự nhận hay dán mác văn hóa lên trên trán mình cả. Điều đó dường như đã trở thành hệ chuẩn mực đạo đức theo luân lý truyền thống. Người có văn hóa cũng không vỗ ngực cho ta là người có văn hóa, mà chỉ có kẻ thiếu văn hóa mới tự xưng một cách ngạo nghễ, hợm hĩnh như vậy. Thế thì, những tấm biển mang tên *Khu phố Văn hóa* tốn kém nhiều tiền của có một tác dụng phụ không nhỏ và ảnh hưởng đến hiệu quả của phong trào. Thậm chí, nó nhằm che đậy sự tồn tại của những thứ phản văn hóa bên trong khu phố mang tên văn hóa.

Văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực trong phát triển, nhưng văn hóa phải được xây dựng trên mảnh đất của xã hội, cụ thể là các thiết chế văn hóa. Trong quá trình chỉnh trang, cải tạo đô thị cũ, nhiều khu định



cư mới mọc lên, nhưng vẫn theo xu hướng tận dụng triệt để không gian cư trú nhằm mục đích trục lợi mà quên mất đầu tư lâu dài cho sinh hoạt cộng đồng nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa. Ngoài khu phố, đường sá vẫn ngổn ngang cảnh chen lấn xô đẩy giữa biển người mênh mông. Những khu dân cư lẽ ra phải hình thành cho mình chốn yên bình, những bờ vịnh tránh gió của cuộc sống, song xuất phát từ thiếu thiết chế văn hóa để hiện thực hóa, nên mong ước ấy vẫn còn xa vời.

Điểm lại những khu phố thuộc loại văn hóa ở đô thị có thể thấy ngay sự thay đổi mới chỉ dừng lại ở việc đóng "bao bì" cho từng khu phố, con hẻm, trên tấm biển hay phong trào tự quản và các hoạt động có tính chất định kỳ. Tiêu chí đánh giá, xếp loại còn mang nặng tính chất thư lại và chúng ta có thể kiểm chứng được tình hình văn hóa, xã hội trên các bản tin, truyền thông cả nước của một thực tế văn hóa đã cấy nhăm lên trên mảnh đất bạc màu của xã hội. ■



Neê, va ô t hiea môa

Trong câu chuyện giữa bạn bè thường gặp nhau, một hôm tình cờ chúng tôi đề cập đến chuyện phóng sinh. Một người bạn tôi đã có ý kiến, cho rằng phóng sinh là chuyện nhằm nhí vì mua cá trong chậu, chim trong lồng rồi làm lễ phóng sinh, chẳng có gì là ý nghĩa cả. Cũng vì chuyện đó mà người ta đi bắt cá, bắt chim về để đi bán cho người mua thả chúng ra, thật khôi hài.

Anh bạn tôi là một người học thức, theo Phật giáo, nhưng không phải là một Phật tử thuần thành, nghĩa là không ăn chay niệm Phật, không thường đi chùa và cũng chẳng bao giờ tiếp xúc với tu sĩ nào, tuy vậy, anh vẫn có những hiểu biết về triết lý Phật giáo. Vì thế, tôi không ngạc nhiên với suy nghĩ của anh ấy. Có nhiều người hiểu biết khá nhiều về Phật giáo, nhưng họ chỉ có kiến thức về mặt triết lý mà không bao giờ quan tâm đến những điều đơn giản nhưng lại là cốt lõi của Phật giáo, là những điều có thể đem đến sự an lạc trong đời sống bình thường.

Chính bản thân tôi trước đây cũng không bao giờ chấp nhận chuyện phóng sinh cả. Thấy người ta đi mua

cá, mua chim về làm lễ xong thả cá xuống sông, mở lồng cho chim bay mà thấy khó chịu. Có lần, tình cờ tôi theo một đoàn Phật tử trên một chiếc thuyền ra giữa dòng sông làm lễ phóng sinh. Sau khi các thầy tụng niệm xong, mọi người bắt đầu thả cá. Những con cá bị “quản thúc” trong chậu chật chội một thời gian khá lâu, nay được thả ra có vẻ lơ đãng và phải một lúc sau mới có thể lội được thoải mái. Nghe những người cùng đi nói chuyện, tôi mới biết mỗi lần có lễ phóng sinh, cá vừa được thả xuống nước phía trước mũi thuyền thì đằng sau thuyền đã có những người chèo ghe theo để giăng lưới bắt lại. Ai cũng biết thế, và chẳng làm gì được. Thế là cá lại sẽ được đem bán rồi lại được phóng sinh. Những con chim nằm trong lồng, chưa kể sau một thời gian tù túng, sức đã yếu, đôi khi lại còn bị ăn thức ăn có thuốc không thể nào bay xa được nên chỉ một lúc được “phóng sinh” thì lại được bắt vào lồng để tiếp tục... được “phóng sinh”. Riêng tôi lấy làm ngạc nhiên là tại sao mọi người đều biết thế và vẫn làm chuyện phóng sinh, đồng thời cách kể lại cũng rất bình thường mới là lạ.



HOÀNG TÁ THÍCH

Một hôm tôi nói chuyện đó với một vị hoà thượng. Hoà thượng cười: *"Ai cũng đều nghĩ như anh cả, và chính tôi thường làm lễ cho Phật tử phóng sinh, trước đây cũng đã từng nghĩ như thế. Thực ra đó chỉ là một hình thức, nhưng phải hiểu là khi anh làm chuyện phóng sinh, nghĩa là trong anh đã có một chút khởi tâm làm một điều thiện, thả chim về trời, thả cá về nước, dù công việc đó không đi đến đâu, nhưng ít nhất anh đang có tâm hướng thiện. Cho dù anh không làm chuyện phóng sinh thì cá, chim đều cũng bị bắt để bán cho người khác, cứ nghĩ như thế thì có lẽ dễ chịu hơn".*

Tôi suy nghĩ mãi về lời giải thích của vị hoà thượng kia và tôi thấy dần dần nảy sinh trong lòng một khái niệm về sự hướng thiện, và tôi nghĩ đó chính là một lối đi dẫn con người chưa có chút khái niệm gì về Phật giáo vào cửa Phật bằng những điều "đời thường" nhất, như chuyện phóng sinh vậy. Và riêng tôi, ít ra từ đó tôi cũng tìm thấy được sự thoải mái, có chút ý nghĩa khi tham dự một buổi lễ phóng sinh, không còn thấy vô nghĩa như trước kia.

Bất cứ ai, nếu không phải là Phật tử thấy chuyện

phóng sinh cũng có thể cho là khôi hài và thốt lời nhạo báng, không trách được. Họ chỉ nghe nói và đã không chấp nhận rồi chứ không bao giờ cần nhìn những con chim bị nhốt trong lồng, những con cá lúc nhúc trong thùng nước chật hẹp. Không những thế mà có người còn có thể nghĩ đến chuyện kinh doanh bằng cách mua chim mua cá về bán cho những người làm cái chuyện vô ích đó nữa. Nhưng nếu không phải là những người chủ tâm buôn bán chỉ nghĩ đến lợi nhuận thì khi nhìn đến những con vật đang bị giữ trong chậu, nhốt trong lồng, dù không làm cái chuyện phóng sinh vô ích kia, cũng sẽ có người thấy tội nghiệp cho những con vật đang bị tù hãm kia. Ấy là chút thiện tâm tuy rất mơ hồ, nhưng vốn sẵn có trong mỗi con người.

Không chỉ là chuyện phóng sinh mà ngay cả những chuyện đi chùa, cầu an, cầu siêu, hay những chuyện cúng dường Phật sự, rất nhiều người không phải là Phật tử cũng đều cho là vô bổ, chẳng có ý nghĩa gì. Đưa họ vào con đường thiện môn không phải dễ dàng gì.

Con người nói chung, phần lớn bản chất vốn yếu đuối và thiếu tự tin. Bình thường thì chẳng bao giờ để lộ điểm yếu của mình, nhưng khi gặp một chuyện bất trắc, người ta thường niệm Phật, cầu Chúa hay bất cứ vị Thần linh nào đó như một phản ứng tự nhiên và họ nghĩ là Đức Phật hay Đức Chúa, hay một vị Thần linh nào đó có thể cứu giúp họ qua cơn nguy biến. Cứu được hay không thì chưa biết, nhưng ai cũng sẽ nhận thấy người đó là một người có tôn giáo và dù sao cũng có chút tin tưởng vào một đấng cứu rỗi nào đó. Nếu chẳng tin tưởng vào một đấng cứu rỗi nào cả, thì con người sẽ gây ra tội ác như bản năng của một con thú dữ. Có một chút tôn giáo, nhất là có một chút Phật giáo trong người thì con người đó có thể không phải là kẻ ác. Và nếu đó là một người tin theo Phật, thì thỉnh thoảng họ cũng có thể đến chùa để lễ Phật, cầu xin Đức Phật cho họ này nọ hay ít nhất là cầu xin Đức Phật gia hộ an lành. Sau một thời gian đến chùa, họ cũng sẽ dự những buổi giảng kinh của các vị trụ trì hoàng pháp và dần dần, họ phát giác ra Đức Phật cũng là một con người thường, nhưng đã nhờ tu tập mà thành Phật chứ chẳng có một uy lực hay pháp thuật thần thông gì để giúp đỡ cho họ cả. Hiểu được như thế, họ sẽ có một chút cố gắng để đi vào giáo lý nhà Phật mong hiểu biết nhiều hơn, và ít ra là cuối cùng những người đó tự nhiên đã trở thành Phật tử. Người Phật tử sẽ có tâm hướng thiện và làm nhiều điều tốt hơn là chẳng tin vào bất cứ một vị thần thánh nào hoặc là bám vào một quyền uy thần thánh nào đó, để mong vị thần linh này cứu giúp họ và họ sẽ phải trở thành một tín đồ, chỉ biết tuân theo lệnh của vị thần linh đó một cách mù quáng để được cứu rỗi.

Người ta thường cho rằng có thể đến tám mươi phần trăm dân chúng Việt Nam theo đạo Phật, nhưng thực ra thì không hẳn như thế. Gọi là theo đạo Phật, có nghĩa là đạo ông bà ngày xưa để lại, và vì trước đây, khi đạo Thiên



Chúa chưa vào đến Việt Nam thì chỉ có đạo Phật và gần như người nào cũng thấy mình theo đạo Phật cả. Dần dần vì không đổi đạo, nên con cháu những đời sau vẫn cứ thấy mình là theo đạo Phật, dù chẳng có một khái niệm thiết thực gì về Phật giáo cả. Khác với những quốc gia như Thái Lan, Lào hay Miến Điện mà Phật giáo gần như một quốc giáo, có những luật lệ dành cho những người theo Phật giáo. Việt Nam thì không phải thế; nên cái khó của việc hoằng pháp là làm sao hướng dẫn cho những người không có chút khái niệm gì về Phật giáo thấy được con đường dẫn vào cửa Phật. Quả không phải là dễ dàng gì.

Giáo lý Phật pháp vô biên nhưng phải biết bắt đầu bằng cái gì mới có thể đi sâu vào sự hiểu biết. Hiểu biết nhiều mà không dùng được thì kiến thức đó sẽ trở thành tạp niệm mà thôi. Hiểu biết nhiều quá, nói cho cao xa thì những người mới nhập môn chẳng hiểu được gì và sẽ nản chí.

Tôi vẫn còn nhớ một lần, thấy bốn sư của tôi sắp sửa nói chuyện về *"Mục đích của Phật giáo"* với một số Phật tử đến xin gặp người. Tôi thật không biết Thầy sẽ nói những gì cho những Phật tử mà tôi biết họ chỉ là những Phật tử mới nhập môn chưa hiểu biết nhiều về giáo lý và rất lo ngại cuộc nói chuyện sẽ chẳng giúp ích gì cho những người đó.

Nhưng cuối cùng tôi đã thở phào nhẹ nhõm lúc thấy bắt đầu cuộc nói chuyện: *"Mục đích của con người đi theo vết chân của Đức Thế Tôn để tu tập là để mong tìm được sự an lạc cho thân tâm, nhất là vào cuối cuộc đời. Làm thế nào để được an lạc? Thật đơn giản, ấy là làm điều thiện, tránh điều ác"*.

Và Thầy bắt đầu đi sâu vào ý đó để nói về sự khổ đau và con đường giải thoát của Đức Phật dạy. Đúng là thật đơn giản và dễ hiểu. Con người lúc về già, sắp sửa rời cõi trần ai ai cũng muốn được lòng thanh thản, vui vầy với con cháu. Nếu đã từng làm việc ác đức, hại người khác thế nào cũng phải có chút ân hận, không thể nào an lòng trước khi nhắm mắt. Trái lại những ai trong

cuộc sống đã từng giúp đỡ người khác, làm những chuyện từ thiện, dù không tin sẽ được phước báu, cũng sẽ luôn luôn thoải mái nhẹ nhàng sống đến cuối cuộc đời. Hiểu được như thế, con người sẽ nhận thức được luật nhân quả. Từ Nhân Quả, sẽ hiểu được phần nào chữ Nghiệp và từ đó mới tìm cách để thoát khỏi khổ đau, tu tập để không còn Tham Sân Si là những nguyên nhân đưa con người vào nghiệp chướng.

Hiểu được Tứ diệu đế để đi theo con đường tu tập đã không phải dễ dàng gì. Hiểu được Bát-nhã để thấy mọi thứ trên cõi đời này đều là Không thì lại càng khó khăn hơn. Nhưng nếu làm thế nào để có thể sống tốt với mọi người chung quanh, gần nhất là những người thân của mình, sau đó là giúp đỡ người khác thì đây chính là con đường tu tập để đến được Thân Tâm An Lạc mà Đức Phật dạy cho con người đi theo vết chân Người vậy. Nghe có vẻ quá đơn giản và tầm thường nên người ta không quan tâm cho lắm.

Phóng sinh chỉ là một hình thức thể hiện sự khởi tâm. Không phải ai cũng có đủ phương tiện để làm công tác từ thiện, vì nhiều trở ngại tùy theo hoàn cảnh, nhưng nếu không làm được, mà trong lòng cảm thấy hân hoan khi nhìn người khác làm từ thiện thì đây là cũng là công đức. Làm thế nào để giúp cho người khác có một khái niệm về sự khởi tâm thì đó là công đức vậy. Khi nghe người bạn của tôi tỏ ý nhạo báng về chuyện phóng sinh, tôi đã cố gắng nói chuyện và giải thích với anh ấy những hiểu biết đơn giản nhất của tôi về sự khởi tâm và may mắn là anh đã chịu khó lắng nghe. Tôi không hiểu là cuối cùng có thuyết phục được anh ấy chút nào với những hiểu biết rất cơ bản của tôi về khái niệm khởi tâm không, nhưng không thấy anh phản đối.

Các bậc tu hành có danh tiếng, quy tụ được nhiều đệ tử, không biết các vị đó hoằng pháp như thế nào, nhưng một điều chắc chắn là các vị đó có công đức rất lớn đã dẫn lối cho rất nhiều người bước vào thiện môn để dần dần đạt được sự tu tập. Điều đó không phải dễ dàng gì. ■



Những câu chuyện không đoạn kết

NGUYỄN HỮU THÔNG

Trong ngày, khoảng thời gian tôi thường đối thoại với mình nhiều nhất là vào những buổi sớm, khi mặt trời chưa lên, thông thả đạp xe rời khỏi khu trung tâm, nơi có những cao ốc chen chúc và âm thanh xôn xao quen thuộc trên từng góc phố, đang chuẩn bị cho một ngày mới bắt đầu.

Hướng về phía đông đến với vùng ngoại ô thường không xa lắm, bởi, đây chỉ là một thành phố nhỏ. Ở đó, có những con đường thẳng tắp, hai bên là ruộng đồng, phía chân trời thường ngập tràn những đám mây ngũ sắc, như bức họa của tự nhiên, dệt gấm thêu hoa, và dựng nên vô số hình thù, mặc sức cho con người thả trí tưởng tượng. Vào lúc đó, tôi thường bình yên đón nhận những niềm vui, lẫn nỗi buồn... một cách nhẹ nhàng, không giống với những thời điểm khác, mình thường hay bung xung, bày tỏ sự khen chê một cách thiếu điểm tĩnh.

Cảm giác thanh thoi trong không gian thoáng dang và trong lành, hình như cũng góp phần làm cho con người trở nên bao dung hơn với những nỗi bất bình, mà trong cuộc sống không thể nào tránh khỏi. Cứ mờ mắt là nghe người ta bàn đến sự xuống cấp của đạo đức, sự lệch chuẩn trong việc thừa nhận những giá trị nhân sinh, những nhiễu loạn tràn lan trong xã hội hiện đại... như một con bệnh truyền nhiễm đang lan tỏa ngày một phổ biến, không chừa bất cứ tầng lớp nào, bất cứ nơi đâu trong xã hội hiện đại. Đến nỗi, tôi có cảm giác hình như chúng ta đang chạm tới ngưỡng muộn màng cho mọi sự cứu vãn.

Sự bao dung trong nỗi tự vấn về cái nhỏ nhoi và bất lực của tôi lúc này là thay vì tuyên chiến với cái ác, lại không biết từ đâu, dẫn tôi đến với ý nghĩ: hãy thay vào đó cái tâm trong trẻo, gieo những mầm thiện, những điều tốt đẹp, tử tế, dù nhỏ đến đâu, chúng cũng có tính chen lấn theo cách của mình, để dần cái ác co lại, nhiều



mầm thiện lan tỏa sẽ hạn chế không gian tồn tại cho những điều ác sinh sôi.

Nhưng thật lạ, khi có dịp bày tỏ sẻ chia cảm giác ấy, tôi lại bị chính một vài người bạn, kể cả những vị thân tình, lên án một cách mạnh mẽ với luận điểm *"im lặng trước cái ác là đồng lõa, thậm chí là một cách cổ vũ âm thầm. Chiến đấu với cái ác chính là nhiệm vụ của những người lương thiện"*. Điều ấy tôi không phủ nhận, nhưng, đứng trên quan điểm đó, những người thẳng thắn chống lại cái ác, những điều bất công, phi lý... họ đã tạo nên những hiệu ứng tích cực ngang đâu, để làm đẹp lên xã hội này, hay, trong số đó, cũng có người chỉ để trang điểm cho hình ảnh tượng phư, bắt khuất *"ra đường thấy chuyện bất bình chẳng tha"*, dám nghĩ, dám nói, nhưng ít ai dám làm, và tất nhiên, sẽ được nhiều người ủng hộ vì đã nói thay, khi vì lý do này khác, họ đã không tiện bộc bạch.

Và cũng lạ nhỉ? Tại sao lại gọi những người đang nỗ lực tạo nên những điều tử tế, như một cuộc chiến đấu không cân sức, để giành giật lý lẽ trước cái ác, lại bị lên án là hèn nhát, không dám mặt đối mặt với cái ác, để rồi bị gánh chịu những lời phê phán?

Có lẽ, những lúc đối diện với chính mình trong bao la trời đất của những buổi sáng tinh khôi, tôi đã tự biết mình, nhận ra nguyên nhân, và bình yên đón nhận những ý kiến bất đồng. Tôi không luận ở đây sự đúng hay sai, cũng như không phản đối quan điểm phải chạm mặt với cái ác để tấn công phủ đầu nó, nhưng, tôi thấy hình như lúc này lòng tôi bình yên, từ tốn hơn... và, chạnh nghĩ, điều mình phấn đấu để làm lúc này là một trong những cách phù hợp với bản chất và cá tính của bản thân tôi, đối với những đặc thù của xã hội Việt Nam mà mình đang sống.

Lời bài hát từ thuở nhỏ, khi còn sinh hoạt trong đoàn thể thiếu niên Gia đình Phật tử, nhảy múa trong lòng tôi mỗi sớm, như muốn cuộn theo vòng quay của đôi bánh xe đạp: *"Cây rung cây, hoa đua hoa, khắp nơi bình minh rắc reo hương nồng. Gió đón gió sáng chiếu sáng bình minh sáng ngập hồn ta..."*. Tôi không nghĩ gì khác, ngoài tâm nguyện làm sao để có thể mỗi ngày,

cùng người thân, bằng hữu, làm thêm được những điều tử tế, dù nhỏ nhoi đến đâu, và, mong mỗi trước nhất là có thể lan tỏa điều ấy trong gia đình cũng như những người thân yêu. Và, giá như ai cũng nghĩ như mình, thì không lẽ, cái ác vẫn có dịp hoành hành và đạo đức xã hội vẫn tiếp tục đổ dốc ư?

&

Bi kịch lớn nhất trong tôi là ý nghĩ ấy lắm lúc chỉ tồn tại vào khoảnh khắc tinh khôi của một ngày mới, bắt đầu cùng "ca khúc bình minh" rộn ràng trong sáng, để sau đó, khi trở lại với những sinh hoạt thường lệ trong ngày, tôi lại bị cuốn vào tâm trạng bức dọc, thất vọng, chán chường... khởi đầu từ những thông tin, mà mình dù muốn hay không cũng phải tiếp nhận do nhu cầu của cuộc sống.

Điều băn khoăn nhất, là môi trường tôi đang nương tựa, mà có lẽ, những người khi có tuổi đều muốn hướng đến, đó là những cơ sở tâm linh. Tôi có cảm giác, cơn gió thế tục với những cám dỗ, cũng như nhiều nhiễu nhương và hệ lụy, đang cuốn phăng mọi thứ; lớp phong trần đang làm mờ đi những gương tinh tấn tự thân - sự vắng vặc của ánh trăng đêm rằm trong bầu trời trong trẻo.

Không biết từ đâu, từ cái gì, từ ai, đã làm cho tôi đâm ra bàng khuâng ngay với môi trường, với không ít những con người, mà lẽ ra, mình chỉ biết hướng vọng và riêng dành những ý nghĩ đẹp đẽ, thiêng liêng, khi nghĩ đến.

"Chúa đã bỏ loài người - Phật đã bỏ loài người" hay chính chúng ta đang bỏ "Người". Tôi không biết! và tôi cũng không muốn biết.

Tôi đã chọn cho mình một cách ứng xử có tính thỏa hiệp với những muộn phiền, bằng sự tham gia vào một số công việc, góp chút nhỏ nhoi vào những điều tử tế mà mình thấy có ý nghĩa đối với bản thân và xã hội mình đang sống. Cố gắng bằng con đường "tuyên chiến" với cái ác một cách ôn hòa, êm dịu và nhẹ nhàng, tôi và những người bạn cùng chí hướng, tình

nguyện làm công việc phủ bụi thời gian, tham gia vào hành trình ca ngợi bằng chứng lý, những giá trị đẹp đẽ của tiền nhân, mà nhiều khi vì lý do, nhiều người đã không có dịp tiếp cận.

Một lần, trong khi đang cùng người cộng sự chùi rửa tấm mộc bản kinh Phật ở một ngôi chùa, để có thể chụp hình và tạo được những bản dập hoàn hảo, người đang lấm lem vì bụi, thì có mấy chú tiểu tuổi khoảng từ 7 đến 12, ngồi cạnh quan sát hứng thú.

Chú tiểu thứ nhất vỗ vai nói với chú tiểu nhỏ hơn đứng cạnh mình:

- Lớn lên, mi có thích làm công việc này không?
- Việc gì?
- Nghiên cứu như mấy chú ni nè?
- Mi điên à! Tau thích đi cúng, "ngon lành", sướng hơn... (cho tôi được thay bằng từ đồng nghĩa trong ngoặc kép, nghe nhẹ nhàng hơn).

Cả nhóm nhìn nhau gật đầu cười đồng tình.

Tôi lặng người...

Điều thứ nhất, dù có ăn gan trời tôi cũng không thể đặt điều để nói, hay hư cấu mẩu đối thoại ngắn ngủi ở trên. Địa ngục dù có hay không, tôi cũng không dám thách thức ngang ngược như vậy.

Điều thứ hai, tôi chỉ lặng người đi chứ không hề tức giận hay thất vọng, oán thán, khi nghe mẩu đối thoại ấy.

Sự lặng người lúc này chính là khi nhìn những khuôn mặt trong sáng như thiên thần của các chú tiểu, họ như tờ giấy trắng, và màu gì đã nhuộm lên tờ giấy ấy, đều xuất phát từ sự quan sát, và cảm nhận môi trường xung quanh. Có những hình ảnh lập đi lập lại, thường xuyên đến mức, với đầu óc ngây thơ, họ đã biết phân biệt và nuôi dưỡng nó như một hoài bão để mình phấn đấu vươn tới.

Họ không có tội, họ thành thật và vô tư...

&

Có những buổi sáng trên con đường đi sạch sẽ và thơm mát, tôi thường nghĩ đến hình ảnh của những công nhân quét đường lặng lẽ làm việc, khi mọi người đã quây quần ấm áp bên người thân, vậy mà, cũng chính nơi ấy, một đám tang đi qua, người ta đã thản nhiên tung vãi vô tội vạ nhiều loại giấy giả vàng bạc, dollar, tiền đồng... Cho dù, ai đó có bênh vực và bào chữa dưới góc độ phong tục thế nào đi nữa, thì quả thật, khó lòng chấp nhận khi chứng kiến cảnh này. Câu chuyện về tục đốt và rải vàng mã đã là đề tài của không biết bao nhiêu cuộc hội thảo, những tham luận, bài viết, công bố trên khắp các mặt báo... nhưng vì sao, hủ tục này chẳng những không hạn chế được, mà ngày càng lan tràn hơn?

Việc đối phó với hiện tượng vi phạm hoặc không phù hợp đối với xã hội, chúng ta thường nghĩ đến hai hình thức: chế tài và giáo dục. Trong quá khứ chính quyền

đã thành công trong việc cấm được chuyện đốt pháo, chuyện để đám tang kéo dài ngày... thì tại sao lại không thể áp dụng cương quyết trong việc hạn chế hủ tục này?

Riêng vấn đề giáo dục đối với hiện tượng rải giấy giả vàng bạc, dollar, tiền đồng... trên đường phố, tôi đã có ý nghĩ nông nổi rằng: tiếng nói trọng lượng nhất để có thể làm được công việc hạn chế tục lệ nhiều lời ra tiếng vào, chính là các vị hướng dẫn tinh thần và chủ trì mọi lễ nghi. Chỉ có họ, và chính họ, mới đủ sức thuyết phục với tư cách là người giải thích, dẫn lối, và trực tiếp tham gia vào lễ tục.

Lời nhận định tưởng như hợp lý ấy, tôi đã bị một anh bạn là phóng viên đánh sập ngay, khi dẫn liệu những comment phản ứng không đồng tình với bài viết của một vị trên facebook: Khi thấy cúng lên ngôi và kế tiếp là một mẩu chuyện khác, liên quan đến câu nói bóng gió, không nhằm vào một nhân vật cụ thể nào rằng: "*Không làm, không ưa, thì đừng đập hũ gạo kẻ khác*".

Không lúc nào mà cụm từ "tùy duyên", thỏa hiệp, chiều chuộng, bất chấp chánh tà, lại được sử dụng và ứng dụng nhiều như lúc này. Tôi không nhìn thấy ở đây sự thâm nhập để chuyển hóa những hủ tục, mà là sự hoà tan trong im lặng, đồng tình...

Bản thân tôi như kẻ chơi với trước chiếc phao cứu sinh, đang càng ngày càng xa tầm tay mình, trong cơn thủy ách của sự mê tín.

Thật tình, lòng tôi vẫn luôn luôn nhìn điểm tựa tâm linh thông qua hình ảnh cụ thể của người hướng đạo như một cây đại thụ, đủ vững chắc để thản nhiên tự tại trước mọi cơn lũ; cho dù, đó là những trận cuồng phong đang muốn cuốn mọi vật vào vòng xoáy của thế tục. Tôi muốn được đánh lễ, hành diện và an lòng khi tựa mình vào cây đại thụ ấy. Tôi nguyện cầu được bám víu một cách yên tâm vào điểm tựa chắc chắn này để cứu chính mình trước cơn hoảng loạn...

Giáo sư Clair Brown trong bài viết về: "*Kinh tế học Phật giáo - Cách tiếp cận sáng suốt trong kinh tế chính trị học*" khi bàn đến công trình của E. F. Schumacher: *Small is Beautiful - A Study of Economics as if People Mattered* mà người dịch gọi là *Nhỏ là đẹp - Kinh tế học dân vi quý*, tác giả đã "lập luận cho một hệ thống coi trọng sự phát triển tính cách từng cá nhân và giải phóng con người thay vì ràng buộc vào văn hóa vật chất và những ham muốn ngày càng tăng". Theo quan điểm của Schumacher, mục đích của *Kinh tế học Phật giáo* là "an lạc tối đa với mức tiêu dùng tối thiểu" (bản dịch của Tô Diệu Lan - Tập san *Liễu Quán* tháng 8-2015, tr.109). Thế giới đang hướng đến những giá trị mới trên quan điểm nhìn nhận về sự tiêu dùng và thu nhập trên nền tảng của giáo lý Đức Phật. Vậy ai là kẻ đi đầu cho những mệnh đề tốt đẹp này trở thành hiện thực? Một lần nữa tôi lại nghĩ đến những gốc đại thụ mà tôi đang mong mỏi được bình yên hướng về để sẻ chia và nương tựa. ■



Rùa Hồ Gươm là “bảo vật quốc gia”?

NGUYỄN VĂN TOÀN

Đọc bài viết “Từ cụ Rùa Hồ Gươm đến ý thức yêu nước” của tác giả Vũ Đức Vương (Tuần Việt Nam, báo Vietnamnet, 7/4/2013), người viết có một số điểm không đồng tình. Nhất là khi tác giả cho rằng: “Trong kho tàng quý báu là các huyền thoại Việt, mà tổ tiên ta đã gìn giữ được qua mọi thăng trầm của lịch sử, con Rùa là con vật vừa linh thiêng, vừa nhiều phen đã giúp đỡ người Việt chúng ta...” để làm “giá đỡ” tôn vinh Rùa Hồ Gươm lên làm bảo vật quốc gia.

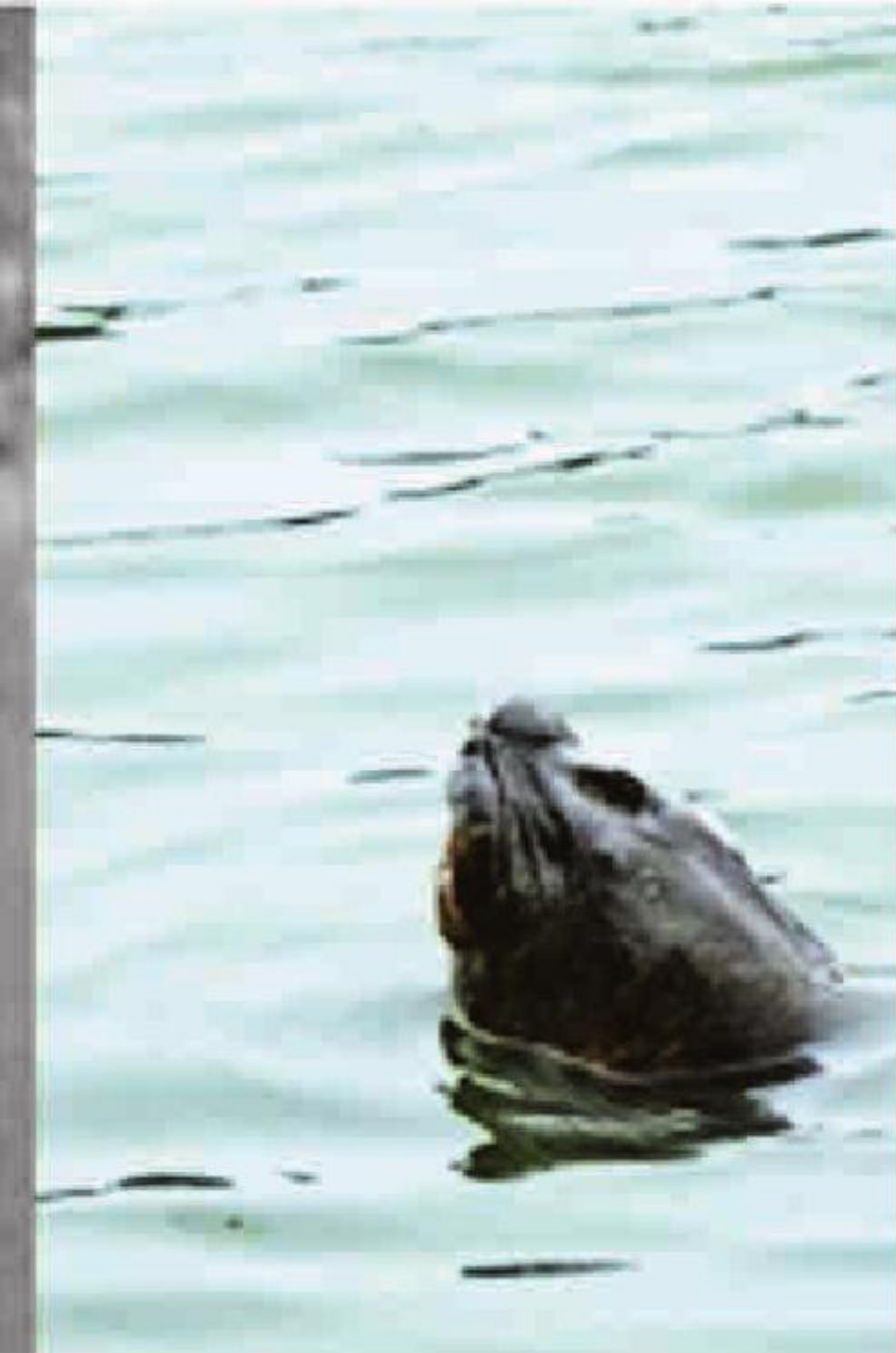
Sự thật về chuyện “cụ” Rùa nhiều phen giúp đỡ người Việt

Đầu tiên, tác giả Vũ Đức Vương viết rằng: “An Dương Vương xây được thành Cổ Loa và bảo vệ được bờ cõi cũng nhờ Rùa thiêng mách kế và cho một móng thần để có thể bắn nhiều mũi tên cùng một lúc”. Nhưng việc Rùa thiêng

giúp An Dương Vương xây thành và chế “nỏ thần” nên được nhìn nhận như thế nào cho hợp lý?

“Sự tích thành Cổ Loa” cho biết thành sập là do linh hồn các nhạc công của vua trước (tức vua Hùng) và “tinh gà trắng” quấy nhiễu. Rõ ràng các sự việc trên là không có thật. Sự thật chỉ có thể là do những nguyên nhân thực tế hơn. Đó là do người dân Văn Lang cũ bất phục tùng lẫn phá hoại trong việc phải phục dịch để xây dựng cung điện cho một bộ tộc khác.

Lịch sử ít nhắc đến sự phản kháng của người Văn Lang đối với nhà Thục. Tuy nhiên, qua nghiên cứu của cá nhân người viết, chính sách cai trị của An Dương Vương khá chuyên chế và nhiều cuộc phản kháng đã diễn ra. Việc thành Cổ Loa “xây rồi lại sập” nhiều lần không phải là do nhà Thục không đủ kỹ thuật. Thực tế là kỹ thuật xây thành của nhà Thục rất điêu luyện và công phu. Kiến trúc kiên cố của Loa Thành sau này với



thành cao, hào sâu, rộng, nhiều ụ, lũy và hàng vạn mũi tên đồng tìm được là những minh chứng điển hình.

Trong *"Sự tích thành Cổ Loa"*, An Dương Vương cho rằng thành Cổ Loa là một tòa thành có thể đứng vững muôn đời, sắt sét không lay chuyển, mưa bão không làm sạt được, và quân giặc cũng không thể phá nổi. Nhưng khi thành sụp thì An Dương Vương đã mấy lần sai nhân dân đắp lại thành đổ chỉ trong vòng một vài ngày. Điều này chứng tỏ An Dương Vương đã tàn bạo như Tần Thủy Hoàng trong việc xây thành và không hề quan tâm gì đến công sức, xương máu của lao dịch vốn là nhân dân Văn Lang xưa. Và dĩ nhiên, sự phu phen, lao dịch nặng nề khiến cho người dân Văn Lang, nhân lực chủ yếu trong xây thành, vốn không quen với công việc này cảm thấy mình đang bị áp bức và cần nổi dậy đấu tranh. Về sự việc này, Sử thần Ngô Sĩ Liên viết rằng: *"An Dương Vương hưng công đắp thành có phần không dè dặt sức dân, cho nên thần thác vào rùa vàng để răn bảo, chẳng phải là vì lời oán trách động dân mà thành ra như thế ư?"*.

Bên cạnh đó, dù Thục Phán là "anh hùng đánh bại quân Tần" thì vẫn không thể xóa tan tâm lý "bài ngoại" của cư dân Văn Lang vốn còn lưu giữ chế độ thị tộc rất sâu sắc. Bởi Thục Phán là thủ lĩnh ngoại tộc bị nhà Tần dồn đuổi mới chạy xuống vùng đất Văn Lang và đã cướp ngôi vua của Hùng Vương thứ mười tám. Những

cuộc chiến đã diễn ra giữa hai bên Hùng – Thục được miêu tả rất nóng bỏng và sinh mạng của người Văn Lang đã bị tàn hại rất nhiều. Làm sao mối hận xâm lược có thể nguôi ngoai trong lòng cư dân Văn Lang?

Đối với cư dân vừa thoát thai khỏi chế độ thị tộc và xuất hiện sự hình thành dân tộc thì yếu tố ngoại lai thường gây ra sự khó chịu. Việc "bài ngoại" và "đào thải" của cư dân Văn Lang cũ dưới thời Thục Phán không phải là ngoại lệ. Thời Hai Bà Trưng, năm 40-43 Tây lịch, Hai Bà vẫn nhắc đến "nghiệp xưa họ Hùng" chứ không phải nghiệp xưa nhà Thục và tên nước cũng là Lĩnh Nam (tên nước cũ thời Lạc Long Quân, vị Hùng Vương thứ hai). Điều đó chứng tỏ dấu ấn Thục Phán là rất ít ỏi trong lòng người Việt.

Chính vì vậy nên mới có chuyện Thục Phán phải dâng đàn với trời đất để cầu thánh thần phù trợ. Việc nhà Thục tung tin rằng có Rùa thiêng đến giúp sức xây thành, cho lấy làm "nỏ thần" chính là một thủ thuật gây "nhiều" tâm lý của lao dịch người Văn Lang trước khi sử dụng bạo lực áp chế họ xây thành và cai trị họ. Chúng ta có từng suy nghĩ là chiếc "nỏ thần" vào thuở ban đầu do tướng Cao Lỗ làm ra chính là thứ vũ khí để áp chế dân chúng trước khi chống Triệu Đà không? Và việc hai cha con chủ quán và đám yêu tinh bị quân của An Dương Vương giết chết trong truyền thuyết có thể là nghĩa quân của người Văn Lang bắt phục tùng vì lao dịch và sự cai trị của nhà Thục.

Chính vì nền tảng quyền lực như vậy nên Thục Phán mới đa nghi với nhân dân nhưng lại hòa hiếu với Triệu Đà để đến nỗi mất nước. Thậm chí đến con gái mình cũng xem là "giặc". Một sự bao biện đến kinh hoàng. Rõ ràng, Mỵ Châu không phải là giặc. Nhưng Rùa thiêng nổi lên từ biển lại bảo là giặc và An Dương Vương tin theo. Điều đó có nghĩa mọi việc đều do An Dương Vương và hậu nhân sau này bày vẽ ra để bao biện cho sự thất bại, nhưng suốt hai ngàn năm chẳng ai chú ý đến chi tiết này. Bởi không có chuyện là thánh thần mà không biết rõ sự tình và không trừng trị An Dương Vương vì những gì nhân vật này đã gây ra. Ngược lại Mỵ Châu vừa mang tiếng là giặc vừa phải chịu cái chết thương tâm. Như thế là sự công bằng chăng? Và liệu chúng ta có tôn vinh "cụ" Rùa thiêng này không khi "cụ" là "thánh thần" mà không biết đúng, sai, phải, trái?

Thứ hai, tác giả Vũ Đức Vương viết tiếp: *"Sang thế kỷ thứ XV, nhà Minh bên Trung Quốc lợi dụng lúc nước ta đang bối rối khi Hồ Quý Ly đoạt ngôi nhà Trần, lại tái chiếm đất Việt, dẫn đến cuộc khởi nghĩa của Lê Lợi và Nguyễn Trãi. Từ đó mới có truyền thuyết Rùa thiêng trở lại giúp dân Việt và ngày nay hòn ngọc của thủ đô Hà Nội được vinh dự mang tên sự tích này"*.

Việc đức Long Quân "trao" kiếm Thuận Thiên cho Lê Lợi và sai thần Kim Quy đòi lại kiếm, như tác giả Vũ Đức Vương đã chỉ ra như trên, cũng có nhiều điều khiến chúng ta băn khoăn suy nghĩ không kém. Vào thời

gian nhà Minh chiếm đóng Đại Việt, Lê Lợi đã dựng cờ khởi nghĩa ở vùng Lam Sơn, Thanh Hóa để chống lại ách đô hộ của nhà Minh. Buổi đầu thế lực còn non yếu nên trước thế mạnh và khả năng tổ chức tốt của quân đội nhà Minh, nghĩa quân của Lê Lợi nhiều lần thất bại. Do vậy, để tập hợp lực lượng và thu phục lòng dân, Lê Lợi buộc phải sử dụng đến sức mạnh thánh thần. Và sự thông minh của Lê Lợi là đã chọn đức Long Quân làm “giá đỡ” cho tinh thần nghĩa quân đang rệu rã.

Cùng với sự “tự trị” của làng xã, sự chiến đấu bền bỉ và sự xuất hiện của các anh hùng cái thế thì dòng máu Lạc Hồng cũng là một yếu tố tạo nên sức mạnh phản kháng như bão táp của dân tộc Việt Nam trước mọi sự xâm lược đến từ bên ngoài.

Đọc truyền thuyết Hồ Gươm ta càng thấy rõ về điều này. Việc thanh kiếm Thuận Thiên không đến thẳng với Lê Lợi mà được chia làm hai phần: một lưỡi kiếm và một chuôi kiếm, rồi việc khi có thanh gươm thần, Lê Lợi đánh thắng liên tiếp quân Minh và việc “hoàn kiếm” cũng chứng tỏ sự tính toán đầy khôn ngoan của Lê Lợi trong việc tung các tin đồn để kích động sự quan tâm của xã hội vào vấn đề chung của đất nước.

Thứ nhất, việc bộ hạ Lê Thận kéo lưới “vô tình” được lưỡi gươm, Lê Lợi chạy giặc “vô tình” được chuôi kiếm đã khiến người dân và nghĩa quân tin chắc chắn rằng quân Lam Sơn đang được thần linh phù trợ. Lịch sử có nhiều ví dụ tương tự để chứng minh. Như cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng ở Trung Quốc thời Đông Hán đã phát triển đến cả trăm vạn binh sĩ khi anh em họ Trương tung tin đồn “Trời xanh đã chết, trời vàng lên thay”. Hay như “bài thơ thần” Nam quốc sơn hà tương truyền của Lý Thường Kiệt đã giúp nhà Lý đánh bại được quân xâm lược nhà Tống trong trận quyết chiến chiến lược.

Thứ hai, từ việc tung tin đồn có Long Quân phù trợ, Lê Lợi và bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn đã cố gắng đánh ăn chắc một số trận. Từ đó tạo ra tâm lý “bách chiến bách thắng” của nghĩa quân Lam Sơn khi sở hữu Thuận Thiên kiếm. Điều này rất có lợi cho việc chiến đấu và quy tụ lực lượng của nghĩa quân. Nói chung, đối với Lê Lợi thì việc sử dụng biểu tượng đức Long Quân để nâng cao vị thế của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn chính là đã áp dụng thủ thuật “binh bất yếm trá”. Nghĩa là dùng mọi thủ đoạn để khôi phục quốc gia dân tộc.

Thứ ba, việc “hoàn kiếm” cũng là một thủ thuật chính trị mẫu mực của Lê Lợi. Là người đứng đầu một quốc gia dân tộc nên Lê Lợi phải tính toán để kết thúc hợp lý truyền thuyết do mình tạo ra. Nghĩa là, việc Long Quân cho thần Kim Quy nổi lên ở hồ Tả Vọng để đòi lại kiếm trước thuyền Rồng của vua thực chất chỉ là sự “hợp lý hóa” truyền thuyết Thuận Thiên kiếm do Lê Lợi tạo ra. Sự có trước có sau, đầu đuôi đều khớp như thế không những không làm lộ “sự thật” về Thuận Thiên kiếm mà còn tăng thêm tính thiêng liêng của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn và uy tín của vương triều họ Lê. Trong buổi

đầu xây dựng chế độ, việc làm đó của Lê Thái Tổ đã tạo ra sự vững tin tuyệt đối của nhân dân vào vương triều. Điều này rất có lợi cho công cuộc ổn định và dựng xây lại đất nước.

Cuối cùng, qua tìm hiểu của người viết, thanh kiếm Thuận Thiên của Lê Lợi và thanh Excalibur của vua Arthur nước Anh có nhiều điểm tương đồng đáng kinh ngạc. Nó cùng tượng trưng cho quyền và tính hợp pháp của nhà vua tương lai, cùng được một sinh vật sống dưới nước trao tặng, cùng quay trở về nơi nó xuất phát sau khi đã giúp người được trao tặng hoàn thành mục đích của mình. Như vậy, không chỉ Lê Lợi mà nhiều vị vua cũng rất “thích” một truyền thuyết có lợi cho mình như thế. Đó chính là mẫu số chung của các nhà lãnh đạo mong muốn có sự chuyên chế và phục tùng để ổn định nhân tâm, dân tình cho một đất nước còn đang có nhiều sự nhiễu nhương, bất ổn.

Và sự thật về vai trò con rùa trong văn hóa Việt

Con rùa trong quan niệm văn hóa của người Việt là con vật tượng trưng cho sự phá hoại, tượng trưng cho bão lụt, ngay biểu tượng con chim hạc dẫm chân lên con rùa mà chúng ta vẫn thấy ở chùa cũng hàm nghĩa đó. “Cũng phải nhìn lại nguồn gốc văn hóa của rùa. Rùa hay con giải và rắn là thủy quái gây lũ lụt”, Giáo sư Trần Lâm Biền đã phát biểu như vậy.

Nhà sử học Dương Trung Quốc cũng nhận định: “*Tôi đồng ý rùa Hồ Gươm mang giá trị đặc biệt về văn hóa, tâm linh, khoa học nhưng nếu đưa nó trở thành bảo vật quốc gia thì chắc là chưa cần thiết. Bởi yếu tố sau: trong luật có ghi phải là hiện vật độc bản hoặc tiêu bản quý hiếm, không có tiêu bản thứ hai nhưng cụ rùa ở đây lại là một thực thể sống. Chúng ta không nên đánh đồng chuyện bảo vệ Rùa Hồ Gươm trước sự xâm hại của những tác động xấu với việc đưa nó lên thành một bảo vật quốc gia. Hai vấn đề này hoàn toàn khác nhau.*”

Bởi thế, nhận định “*nếu chúng ta nhìn đất nước ta dưới một lăng kính khác, nhân bản hơn, tự tin và ái quốc hơn, biết đâu cụ Rùa, dưới một hình thức của thời nay, lại trở về giúp dân tộc Việt sáu thế kỷ sau lần cuối giúp vua Lê Lợi*” như tác giả Vũ Đức Vương đã chỉ ra để tôn vinh “cụ” Rùa Hồ Gươm lên hàng “bảo vật quốc gia” là không đủ “sức nặng” để thuyết phục dư luận.

Và do đó, cũng thật không nên xem cụ Rùa trong Hồ Hoàn Kiếm là một biểu tượng của dân tộc với khả năng giúp chúng ta giành lại phần nào lòng yêu văn Việt, yêu sử Việt, và từ đó yêu đất nước Việt trong bối cảnh nước ta đang xuống dốc về nhiều mặt, từ giáo dục, kinh tế đến văn hóa, du lịch... Bởi nếu chỉ xét về mặt chấn hưng văn hóa thì làm sao có thể lấy một con vật biểu trưng cho sự phá hoại, lũ lụt, phải lên chùa đội bìa để chuộc lấy tội lỗi và về mặt truyền thuyết chỉ là hư cấu để tôn vinh lên tầm quốc bảo? ■

Giá như!

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Năm 2012, năm có nhiều chuyện của những đại gia trên khắp mọi miền đất nước. Đêm đêm lên mạng, đọc thấy đầy rẫy những tin giật gân về việc chi tiêu “xả láng” của những kẻ ngồi trên rừng tiền. Nào là mua chơi cây cảnh ngày xuân 50 tỷ; đám cưới con trai chi 55 tỷ với đoàn xe siêu ô-tô chạy nối đuôi nhau gây huyên náo cả một vùng; cái váy áo dự hội của cô siêu mẫu Việt Nam gần lấp lánh kim cương đá quý 1 tỷ... mà nổi da gà.

Đêm nay cũng thế. Trước mắt tôi là bài viết kèm hình ảnh chiếc siêu xe của một đại gia miền núi hẻo lánh vùng Hương Khê, Hà Tĩnh. Khắp thế giới chỉ sản xuất 33 chiếc với giá mua 1 triệu 700 ngàn đô-la/chiếc mà chủ nhân phải sẵn lòng hàng tháng trời mới công được về để làm rạng danh thương hiệu cá nhân. Thiên hạ cả vùng đổ về ngắm nghía. Kẻ đưa tay sờ làn sơn bóng loáng; kẻ dựa thân chụp ké tấm hình; kẻ xin vào ngồi ở tay lái để được khoảnh khắc làm chủ nhân ông...

Tôi không chạnh lòng túi hổ bản thân dù hàng tháng phải ra sức kêu gào trên bục giảng với đám sinh viên đủ mọi thành phần để được bù đắp mấy triệu còm chi tiêu thiếu trước hụt sau, mà chỉ chạnh lòng thương nhớ A Vô Lank.

Tôi biết em khi về dạy trường X. Vì em là người dân tộc Pa-kô nên ngay phút đầu cái tên em đã gây ấn tượng. Khuôn mặt em xinh xắn như bông hoa rừng. Qua thăm hỏi được biết em về từ một nơi nằm sâu trong xã sát biên giới, tiếp giáp nước bạn Lào. Nhà nghèo, bố chỉ thích em đi lấy chồng để mong nhận lễ vật trâu bò theo lệ cưới xin của vùng ấy. Nhưng mẹ em, do thắm thía cái khổ bản thân mà cố nuôi em ăn học. Chỉ việc chi tiền thuê nhà trọ để được đi học hàng ngày quả là một khó khăn lớn đối với một học trò nghèo vùng cao. Biết thế, tôi luôn động viên: “Gắng lên A Vô Lank nhé! Cố học xong trung cấp rồi về bản làng làm việc chứ đừng còng lưng trên rẫy như cha mẹ mà khổ hoài”.

Em luôn nhoèn nụ cười tươi tắn đáp lại lời tôi. Sức học em cũng chỉ bình thường nhưng luôn cố gắng. Chính cái nét ấy khiến tôi càng thương em. Sau một năm học thì A Vô Lank bắt đầu gặp trở ngại chuyện tiền nong. Do cha em đã tự ý nhận sinh lễ trâu bò cầu hôn từ một người đàn ông trung niên sống nghề rẫy nơi hẻm núi, buộc em trở về.

Tôi gọi riêng em hỏi tỉ mỉ về chuyện hôn nhân. Em vừa kể vừa rơm rớm nước mắt: “Em không hề có tình cảm yêu thương người đang muốn cưới em. Ông ấy nhiều tuổi, không học hành. Nhà ông ấy cũng nghèo như nhà em. Nếu làm vợ, em sẽ phải tiếp tục còng lưng trên rẫy cuốc đất



trồng cây sắn cây khoai và sinh ra những đứa con bụng ỏng vì thiếu ăn mà thôi. Nhưng bố em đã nhận lễ nên quyết buộc em về. Bố không gửi tiền về thì làm sao em học được. Mẹ khóc xin bố nhưng bố đã quyết rồi”.

Tôi xin Ban Giám hiệu hỗ trợ khâu học phí rồi cùng các bạn trong nhóm thực hành tạo mọi điều kiện giúp đỡ để mong em học xong trung cấp. Tôi gợi ý xin việc làm thêm để em kiếm tiền chi phí bản thân.

Tôi muốn đón em về nhà tôi chung sống để giảm chi phí nhà trọ nhưng khổ nỗi nhà tôi chỉ toàn con trai mà lại không có phòng ốc riêng tư. Em là con gái nên bất tiện. Cả lớp cùng nỗ lực giúp em nhưng mọi cố gắng ấy cũng không kéo dài được. Ngày thi học kỳ III, em đã bỏ hẳn không về dự. Tôi hỏi thì được biết em không còn một đồng nào để mua thực phẩm. Tôi điện gọi em về trường gấp, giúp em ít tiền để mong em hoàn tất điểm thi. Em tất tả về. Khi thi xong, em đến cầm tay tôi nói lời cảm ơn rồi giã biệt vì phải bỏ học hẳn bởi nếu em không chịu lấy chồng, gia đình phải trả lễ trâu bò gấp mấy lần khi nhận theo tục của bản làng.

Tôi đã khóc.

Các bạn em cũng khóc thương em.

Có đêm tôi nằm mơ thấy mình đi lên vùng cao ấy, mò lên tận rẫy thăm em. A Vô Lank người gầy nhom, mặt đen thui đen thui vừa gùi con trên lưng vừa mang cái bụng bầu to đùng sắp sinh nở, đang còng lưng cuốc đất, mồ hôi ướt đầm. Hai cô trò ôm nhau khóc... trong giấc mơ.

Giá như tôi có dư chút ít tiền trong túi để hàng tháng giúp em thì cô học trò A Vô Lank đáng thương ấy sẽ không đi theo lối mòn của những người đàn bà thiếu số bất hạnh! ■

Vỡ kịch

LÊ HỨA HUYỀN TRÂN

Ngày tôi lên phố, khác với những hôm trước, ba rít một hơi thuốc dài, tôi hỏi:
- Ba đã hứa bỏ thuốc rồi mà cứ hút tiếp là sao?

Ba khẽ khà:

- Cha ơi! Ba chỉ hút thuốc khi có quá nhiều nỗi lo mà thôi.

Đến đó, tôi thấy mình không nên nói nữa. Trên cái chõng tre ở miền quê nghèo nắng cháy, đương buổi đêm, có hai cái bóng đang ngồi yên lặng. Thứ duy nhất khắc họa trong bức tranh giữa đêm đó là bóng đen của một cây cau bên sân nhà cao chót vót, tường chùng ở một góc nhìn nào đó che lấp cả ánh trăng. Chỉ có tiếng róc rách từ cái lu nước bên nhà nơi má đang lấy nước để nấu vôi bình nước vối và tiếng muỗi vo ve thỉnh thoảng ba lại phe phẩy cái quạt để đuổi. Bóng đêm mang uy lực đến độ chẳng ai buồn cất tiếng khi nó kéo tới. Những ngôi nhà trong xóm chỉ còn những ánh đèn hột vịt, tiếng nói tắt hẳn, có chăng chỉ là tiếng thở khi đã quá mệt mỗi buổi sáng ngày.

Tôi và ba ngồi im lặng cho đến khi ba rít một hơi thuốc dài rồi dụi lửa.

- Con đi rồi ba đừng có ở nhà mà hút thuốc miết. Cái phổi đã không khỏe rồi. Nhỏ với má lo.

Ba lúc lắc đầu. Kỳ này tôi quyết định lên phố lập nghiệp, ba không ưng nhưng cũng không ngăn cản hoài bão của con. Cả gia đình sớm tối bên nhau, việc tôi đi gần đồng nghĩa với sự chia cắt nên ba mới buồn, mới lo, rồi sanh hút thuốc. Sanh trưởng với gốc tre làng, cái lý của người dân quê thường cho phố thị là chốn bộn bề đầy nguy hiểm, cho nên ba vẫn lo cho tôi học hành đầy đủ nhưng cuối cùng khi tôi học đại học thì vẫn chỉ là chốn trường làng. Cứ như cố gắng bảo vệ con trẻ được đến đâu hay đến đó. Nhưng rồi cuối cùng, học xong tôi vẫn quyết đi; vì nhà tôi có biển, mảnh đất quê không đủ nuôi sống cả gia đình. Ba không cản tôi, gương mặt ông hằn lên sự bất lực, chỉ dặn vôi vài điều rồi chui vô mùng vỡ ngủ. Má vật vờ khóc trắng cả đêm...

Vậy mà tôi lên phố dễ cũng đã đến dăm năm, chưa một lần cất bước về quê cũ. Ba má có nhớ, có thương thì tay đùm tay gói lặn lội lên thăm, nhưng cũng chỉ ở năm thuở mười thì rồi lại túc tắc về quê bởi không quen với mùi khói xe, mùi bễ bộn và mùi của những bon chen tính toán. Dăm năm trên phố, nhiều thứ cũng đã trải qua, công việc dần ổn định khiến tôi không muốn dứt bỏ, thời gian nghỉ phép thì ít, mà đường về quê thì dài nên hầu như cứ mỗi lần nhớ quê da diết định về thì tôi lại lấy ra đúng số tiền dự định dùng đi đường bỏ vào ống heo gửi về cho ba má. Chẳng mấy chốc con heo đất cứ đầy dần lên thì tôi lại đem đi gửi, số tiền đầy lên cứ như số lần tôi nhớ quê, nhớ ba má nhưng đành im lặng, tôi như chôn vùi nỗi nhớ thương vào lòng để dành tiền cải thiện cuộc sống gia đình họa chăng sẽ tốt hơn.

Tôi chơi thân với Mỹ, cô bạn cùng chỗ làm. Mỹ lớn hơn tôi một tuổi nhưng chúng tôi xem nhau như những người bạn. Nó và tôi làm ở hai mảng khác nhau trên công ty nhưng trong công việc luôn hỗ trợ nhau, dầu gì thì hai đứa đều là phận gái quê lên tỉnh, ở cùng phòng trọ nên ngày càng thân thiết. Ngày mới vô làm, hai đứa chạt vật dữ lắm, nhà trọ thì xa mà giờ đi làm thì quá sớm, tối lại còn đi làm thêm, sáng có bận ngủ dậy trễ, lên sếp mắng không còn gì. Tôi không khóc mà Mỹ cũng không, vì chúng tôi nuốt nước mắt vào lòng chứ không thích để nó rơi mà mang lại nụ cười trên bờ môi người khác. Cứ chiều chiều, có những bận quên nấu cơm mà thèm ốc thì hai đứa lại đèo nhau trên chiếc xe cộc cạch tìm khắp các quán, phố thì rộng mà quán nhỏ thì lại cứ nằm trong hóc hẻm, cứ như không đủ để bon chen. Đến khi kiếm được, hai đứa cùng ăn rồi húp nước ốc xì xụp, cay nồng ấm nóng, tự nhiên hai đứa òa khóc. Chị chủ cứ nghĩ hai đứa bị ớt làm cay.

- Tao nhớ nhà quá mày ơi. Ngày nhỏ toàn đi bắt ốc như giờ nuôi thằng Típ mà lớn.

- Tao cũng nhớ tới đám lục bình ở nhà, nhớ đám cua, nhớ nồi riêu má tao nấu...

Thế nhưng cuộc sống cũng thật vô thường, nó mang trong mình sức mạnh bẻ cong con người đến sợ.



Ngày chi nhánh tôi và Mỹ làm sáp nhập với chi nhánh cấp trên, công việc của chúng tôi đổi khác. Dù vẫn là công ty cũ nhưng chúng tôi phải chuyển qua chỗ làm mới, với những con người mới và cọ xát được nhiều cách làm việc mới. Lúc đó, cách nhìn cuộc đời của tôi và Mỹ cũng có khá nhiều biến chuyển.

Ở chỗ làm mới, Ngọc gần như là trưởng phòng. Ngang tuổi tôi, cao ráo, không xinh gái lắm nhưng được cái mau miệng, và điều đặc biệt, là tình nhân bí mật của sếp. Dường như năng lực hay ngoại hình gần như hoàn toàn thua kém so với cái chức danh "tình nhân của sếp" trên một người dưới vạ người của Ngọc. Ngay từ lúc mới vô làm tôi và Ngọc đã có sự tranh cãi nảy lửa. Tính tôi thì thẳng, mà tính Ngọc thì thích kể công nên chúng tôi chẳng ưa nhau, và ngay

giây phút đó, tôi đã trở thành người được sếp lưu ý. Nhiều đêm, đi làm về mệt nhoài, Mỹ hay ôm tôi:

- Sao mày cứ gây sự với con Ngọc chi vậy? Nó được sếp cưng lắm đó.

- Cưng thì sao mày? Nó hách dịch, nó làm sai, oang oang toàn được cái miệng, tao chịu không thấu... Mà, còn mày nữa, giờ mày sao vậy? Mày sợ à?

- Tao thấy tệ, vì tao không ngờ giờ xã hội nó thế. Mày thấy cái đám bu quanh con Ngọc không? Trời ạ, ca tụng nó như thần tiên.

Thế mà chỉ dăm bữa sau mọi thứ thay đổi, trong đám người ấy nay có cả Mỹ. Từ lúc nào Mỹ thân với Ngọc hơn, công việc cũng ngày càng thăng tiến hơn; còn tôi, gần như ngày nào cũng gục với đồng hồ sơ chất cao như núi. Đêm về, tôi và Mỹ không còn dành



thời gian cho nhau nữa, chúng tôi im lặng quay mặt vào góc tường. Được ít bữa Mỹ cũng chuyển đi và sau lần đó tôi và nó không còn nói chuyện, để rồi nhiều đêm khi ngồi nhớ về những kỷ niệm đã có, tôi chỉ biết rơi lệ, ký ức trắng hơn cả mảng tường.

Rồi biến tới, lũ về cướp sạch cá của những dòng sông, thậm chí chúng còn ngứa bụng bạc thếch đầy ngoài ruộng. Lúa ẻo lả gục ngã vàng đồng, hạt bị dập nảy mầm tươi tắn. Tiếng ỉ ôi vang một góc trời. Tôi xin ứng trước lương, công ty ai cũng biết tôi đang khó, những người thân cũng gom góp chút ít cho tôi chuẩn bị về quê. Thế mà dùng một cái công ty mất đi một khoản tiền. Với công ty chỉ là nhỏ thôi nhưng với tôi khi ấy nó là cả một mảnh đất sống, số tiền ấy nhỏ đến độ chẳng ai cần quan tâm tìm ra thủ phạm nhưng nó cũng đủ quyết định nhân cách của một con người. Chẳng hiểu vì lẽ gì Ngọc lại để xướng tìm bằng được người lấy cắp, và tự nhiên chỉ qua một ngày như bao ngày bình thường mọi ánh mắt đổ dồn vào tôi. Thậm chí Ngọc còn nói thẳng với tôi:

- Nếu ai đó có khó thì nói, chứ giờ chứng mà sinh ăn cắp thì thực là không tốt.

Tôi bị sự ghê lạnh của cả công ty, tất cả mọi người nhìn tôi bằng ánh mắt khác. Thậm chí giờ ăn trưa, khi tôi đến gần Mỹ để tâm sự, Mỹ cũng nhìn tôi bằng ánh mắt dè chừng và lăm lét, đến độ nó bật ra thành tiếng:

- Mà đừng có lại gần tao lúc này nữa, mất công mấy đứa nghĩ mày chia tiền với tao.

Trưa, tôi ở lại trong công ty một mình mà nước mắt đổ tuôn thành suối. Đi ngang qua máy cái máy tính

có khung *chat*, tôi còn thấy đoạn *chat* của Ngọc và Mỹ: "Chắc là con Huyền nó lấy chứ ai, ai đâu vô, mày ở cùng phòng với nó năm năm không lẽ không hiểu". "Tao cũng nghi là nó, nó đang khó nữa, đường cùng, túng quá làm liều". Thậm chí vì biết tôi ngồi cạnh Ngọc, sợ tôi nhìn thấy hai người *chat*, Mỹ còn dặn: "Mày bật khung *chat* nhỏ nhỏ thôi, chứ mắc công người ngồi bên cạnh thấy". "Tao sợ đếch gì nó". Tôi cảm thấy như đất trời quay cuồng. Mỹ, cô bạn cùng phòng ngày nào giờ nói về tôi như thế. Dù không còn có thể tiếp tục đi cùng nhau trên quãng đường đời cũng không thể bảo vệ tôi lấy một lần ư? Lại còn giờ khi tôi đang khốn cùng quay vào đổ lỗi cho tôi. Dăm năm ấy, có lẽ tôi đã quá tệ? Tôi sống trong ánh mắt kìm kẹp của mọi người và nỗi lo về chốn quê nhà lam lũ. Nhiều lúc tôi muốn bật khóc vì những gì đã diễn ra nhưng rồi cảm lạnh. Cái cảm giác khi tất cả đều quay lưng với tội lỗi mình không có, nó uất ức hơn rất nhiều. Và cái cảm giác bị phản bội nó ngập tràn trong tôi, thỉnh thoảng cứ mỗi sáng tôi lại thấy Mỹ, đứng trong đám đó, khoanh tay, dè bịu và xúc xia tôi, chẳng hiểu sao tôi bất chợt mỉm cười: "Năm năm".

Thế nhưng không ai như những người trong cuộc kể cả Ngọc nghĩ mọi việc lớn tới thế khi sắp tổng cũng bắt đầu truy tìm ai là thủ phạm. Thật bất ngờ khi đó là Mỹ, cả Ngọc cũng choáng về việc đó, Mỹ bị đuổi việc ngay sau đó, nhất là sau khi biết Mỹ và Ngọc còn hòa thêm nhân viên khác đổ lỗi cho tôi. Ngày Mỹ dọn đồ đi, tôi không nói gì cũng không nhìn nó, nó có gửi tin nhắn xin lỗi tôi nhưng tôi xóa ngay sau đó. Tôi không đủ cao thượng như trong câu chuyện kể để nói lời tha thứ, nhưng như lẽ thường tôi chấp nhận cách Mỹ ra đi. Được ít lâu, tôi về nhà thăm quê, bên mâm cơm, tôi thấy mặn chát, kể lại tất cả những gì đã qua, cả Mỹ. Ba im lặng:

- Đó là những gì mi sẽ gặp phải trên đường đời. Ba đã cố bảo bọc mi, ba sợ có ngày mi sẽ tổn thương, nhưng ba vẫn để mi đi, vì ba muốn mi hiểu, trên cuộc đời này có rất nhiều vở kịch mà con người phải xem qua.

Tôi gạt đầu cười tươi:

- Đến giờ phút này con đã mất một người bạn nhưng con có nhiều người bạn khác. Và con không hối hận khi xem được vở kịch đầu tiên của cuộc đời. Vì cái cuối cùng con thấy được đó là một bài học, Phải không ba?

- Con gái ba nay lớn rồi đó.

Sau đợt nghỉ này tôi sẽ lại đi làm, sẽ tiếp tục cuộc sống của mình, và chắc chắn trên cuộc đời này tôi sẽ tiếp tục xem nhiều vở kịch khác. Nhưng không hiểu sao, tôi lại thấy vô cùng hứng thú, bởi sau những tổn thương, chính điều đó giúp tôi lớn lên và nhận ra được nhiều thứ đến với mình hơn. Cuộc sống không phải lúc nào cũng hoàn hảo và ta không thể cứ trốn chui nhủi trong vỏ bọc để bảo vệ mình. Như cách ba đã để tôi đi ngày trước, ra đời để lớn lên. ■

Anh cần một lời khen, bà xã ơi

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Trên đời, ai cũng cần một lời khen để vỗ về lòng mình, dù biết rằng đôi khi đó chỉ là một lời khen “tế nhị”. Thế nhưng từ lúc chúng ta cưới nhau, anh chưa bao giờ nhận được lời khen ở em, mà thay vào đó chỉ là những lời trách móc, chê bai đủ điều. Anh biết bản tính của em chân thật, ngay thẳng, nghĩ sao thì nói vậy, không quanh co, vòng vèo. Nhưng em ơi, có đôi lúc, lời nói thẳng thắn quá sẽ khiến cho người đối diện khó xử, sượng sùng. Nếu như em phê bình anh không được tháo vát, không có khiếu thẩm mỹ, không biết tươm tất ngay trong gia đình mình khi chỉ có anh và em, thì anh chấp nhận. Nhưng cảm giác bị em phê bình “thẳng tay” trước đám đông thì thực sự làm anh choáng váng, ê cả mặt. Thậm chí anh còn lúng túng, đỏ mặt tía tai mà không biết làm gì để chữa ngượng. Có lần, trong tiệc cưới ở nhà người bạn, sau một lúc “buồn dưa lê” với cánh phụ nữ về những chuyện ngoài xã hội, em và bọn họ bắt đầu lôi những ông chồng vào cuộc. Và em đã chê bai anh bằng một lời hùng hồn, trong khi anh đang ngồi cạnh em: *“Chồng tôi thật vụng về, dường như mọi chuyện trong nhà đều một tay tôi đảm hết”*. Gương mặt anh biến sắc, vậy mà em chẳng nói một câu nào “chữa cháy”, ngược lại còn tiếp tục lôi tật xấu của anh ra cho mọi người cũng “thưởng thức”. Một lần khác, trong buổi họp mặt gia đình, em đem anh ra so sánh với những người anh rể, rồi cuối cùng em kết luận: *“Chồng em thua kém các anh quá xa! Anh ấy không có gì nổi trội cả”*.

Những lần đó anh xem như chuyện nhỏ nhặt nên cho qua, chỉ trách khéo em vài câu để gia đình êm ấm. Nhưng lần này anh không thể nào nhịn được khi em lại tiếp tục chê bai anh thậm tệ. Em khen chồng của cô bạn mình quá nhiều và chê trách anh cũng không ít. Em đưa chồng của bạn em lên tít mây xanh và đá đập anh xuống vực thẳm một cách tàn nhẫn. Em dẫn chứng ra những cái dở tệ của anh cho bạn em nghe, rằng anh không biết sửa bàn ghế, nấu cơm thì khê, bóng đèn hư không chỉnh được, cửa sổ bị long ốc cũng không biết lắp vào... Rồi em bắt đầu dạy đời anh phải học theo tính cách của chồng bạn em, phải biết khắc phục nhanh chóng và em còn nói một câu làm anh đau lắm: *“Anh giống như những người chồng vô dụng bám váy phụ nữ vậy!”*. Anh quá bẽ mặt, phải mỉm cười cho qua chuyện và tìm cách thoái lui để bớt ngượng. Hôm đó, sau khi vợ chồng bạn em ra về, anh nhin không được nữa nên đã thẳng thừng



điều chỉnh tính cách em, rằng em không biết tôn trọng chồng, không biết phép tế nhị. Thế nhưng em không nhận lỗi mà còn oang oang với anh, rồi giận lẫy bỏ qua nhà hàng xóm... buồn chuyện tiếp, với đề tài vẫn là anh. Em tiếp tục chê bai anh, nói xấu anh cho người hàng xóm nghe.

Thực sự anh không phải là người nhỏ nhen, ích kỷ, tính toán với vợ mà anh không thể nào chịu được kiểu phát ngôn vô tội vạ của em. Đã là vợ chồng của nhau, nếu anh có làm sai trái chuyện gì thì em nên nói riêng cho anh hiểu để chúng ta cùng khắc phục. Đằng này em lại không tâm sự cùng anh mà lại thích lôi chuyện của anh ra cho cả thiên hạ biết. Mỗi người ai cũng đều có ưu điểm và khuyết điểm khác nhau, được cái này tức sẽ mất cái khác, không ai là toàn diện cả. Anh biết là anh vụng về trong những công việc nhà, nhưng bù lại anh có một công việc tốt ở cơ quan và một vị trí tương đối trong xã hội. Thế những điều đó có đáng xấu hổ gì mà sao em không khen anh một câu, dù chỉ một lần cho anh mát dạ? Anh hứa sẽ cố khắc phục tính vụng về của mình để trở thành ông chồng đảm đang, tháo vát cho vừa lòng em. Nhưng em cũng nên vứt bỏ tính nói xấu chồng, nói thẳng ruột ngựa mà không suy nghĩ trước những hậu quả của nó. Tế nhị cũng là điều hết sức quan trọng trong cuộc sống cộng đồng và đó cũng là nghệ thuật ứng xử nhằm hòa đồng với xã hội, tạo cảm giác thân thiện cho tất cả mọi người chung quanh mình. ■



Tháng Chín về chưa?!

TRƯỜNG KHÁNH

Tháng Chín về chưa tháng Chín ơi?!
 Sao nghe âm vọng ngát hương đời?!
 Sao nghe bi mẫn duyên từ thị,
 Ba động cành dương kết nọ chồi?!

Tháng Chín có về với yêu thương?!
 Có nghe gió chuyển ngọn thanh lương,
 Có thầm nguyện khấn ân tình Mẹ,
 Giọt nước từ bi sái tịnh nguồn.

Tháng Chín mùa thương đã nở chồi,
 Tâm từ bi mẫn ngự trên ngôi,
 Áo trắng Mẹ bay mười phương lộ,
 Gom hết ngàn thương trao cuộc đời.

Tháng Chín về chưa giữa phàm trần?!
 Thức đời với những tiếng chuông ngân,
 Nghe tâm tịnh lắng với thiền nào,
 Nghe nhẹ trần lao - nghiệp với dần.

Nâng cánh tình thương tháng Chín về,
 Dặm dài khai thị mát tình quê,
 Phở môn lòng lộng mang tình Đạo
 Nhuận trái muôn phương pháp diệu kỳ.

Tháng Chín đang về, bi mẫn thơm,
 Quan Âm hoảnh thế nguyện sâu hơn,
 Cứu khổ, tầm thanh, Quán Tự Tại,
 Độ tận sinh linh xóa tui hờn.

Biên gọi

LÝ THỊ MINH CHÂU

Biên thấp thoáng thù
 Hào khí sục sôi
 Cột mốc biên cương đề bia Sát Thát
 Tổ quốc gọi Đoàn ta nhanh bước
 Chiến trường đi đâu sá nguy nan

Chí khí quật cường
 Bình Bắc yên Nam
 Đạp đổ cường quyền bàn chân sắt thép
 Đi cho tới ngày mai tươi đẹp
 Bia chủ quyền sáng rực biển thương yêu

Hoá anh hùng Dã Tượng, Yếu Kiêu
 Hàm Tử còn đây
 Bạch Đằng còn đó
 Gò Đống Đa mồ chôn đô hộ
 Giặc Bắc bạo tàn nham hiểm vô tâm

Cành hoa hồng thấp sáng biển Đông
 Mẹ gửi cho cha vì Hoàng Sa nằm lại
 Những cành hoa ươm từ đồng bãi
 Quê nghèo chắt chiu nhớ thương

Câu nghĩa tình trao miền gió sương
 Sắt son đợi chờ bạc qua mái tóc
 Gạc Ma mãi còn trong lòng dân tộc
 Thương lắm anh ơi vì Tổ quốc quên mình

Bốn nghìn năm chưa yên ổn thanh bình
 Tiếng mẹ khóc vẫn dài theo chiều đất nước
 Bao người con đã hoá thành Tổ quốc
 Máu xương này dân Việt khắc ghi

Tổ quốc cần... nhanh bước ta đi
 Đêm tiền tuyến trắng treo ngọn súng
 Đảo mãi lớn theo lòng trung dũng
 Ánh quân kỳ lấp lánh trong tim.

Mùa lá tìm về cội

SƠN THỊ HOÀNG SA

Mùa thanh minh lại về
Nắng chói chang đồng rộng
Gió biển reo lòng rộng
Con tìm về nẻo xưa...

Nơi tắm tấp hàng dừa
Bên dòng sông quê ngoại
Nơi rộn mùa gặt hái
Lúa chín vàng thơm hương...

Nơi có những con đường
Bóng cây che mát rượi
Lá rụng về gốc cội
Con tìm về yêu thương...

Con sông chảy tự nguồn
Con chim luôn nhớ tổ
Phượng bên đường rực đỏ
Lối về đây cỏ hoa...

Con xin hát bài ca
Mùa thanh minh rạo rức
Nghe lòng mình thổn thức
Con nhớ lắm người xưa
Vun bồi bao năm tháng
Nên hồn quê bây giờ ...

Xin đừng bão giông

TRẦN NGỌC MỸ

Xin trời đừng đổ bão giông
cho cây lúa gãy cánh đồng xác xơ
buồn vương mắt mẹ bơ vơ
vai gầy trĩu xuống lặng chờ bão qua
Phía xa vạt nắng nhạt nhòa
mây ùn ùn đến như là sắp mưa
xin trời rắc hạt lúa thừa
đừng ào ạt bão, gió cứa nhói lòng

Cha vừa vun xới đất trồng
mẹ vừa chăm chút từng bông lúa vàng
cỏ thơm giăng lối dịu dàng
bước chân cha mẹ vững vàng ngày mai

Xin trời giông gió đừng dài
đêm nay chạp khế, sớm mai nắng về
để xanh khắp nẻo đường quê
để bao lo lắng bộn bề loang tan
để cho tiếng trẻ rộn vang
nâng niu cây lúa nhẹ nhàng mẹ vui!

Lặng im

SÔNG HƯƠNG

Đêm lặng im
Thả lo toan vào giấc ngủ
Chập chờn con chữ
Câu thơ buồn nặng nợ áo cơm

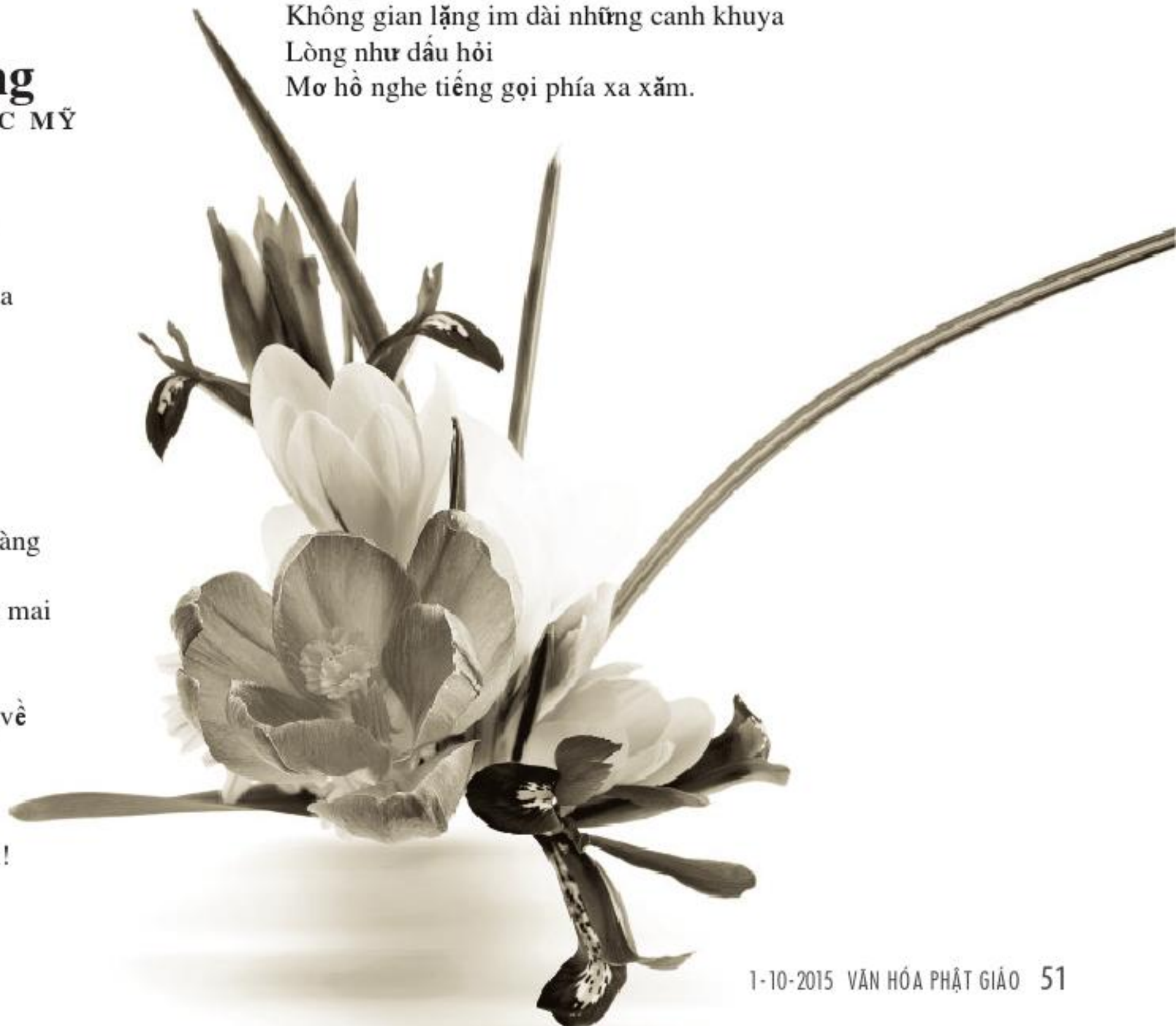
Ngày lặng im
Len giữa dòng đời hối hả
Trở về bản ngã
Chợt thấy mình... con vụn giữa nhân gian

Thu lặng im
Vẫn heo may, vẫn chút nắng vàng
Sao chiếc lá rơi
Cứ oằn mình như nuôi tiếc?

Ta lặng im
Lòng vẫn suy tư điều hơn thiệt
Bóng hồng, sự nghiệp
Mãi một đời... sinh ký tử quy

Em lặng im
Oan khiên qua một thuở xuân thì
Buồn vui hoá đá
Nên hững hờ vô cảm những sẽ chia?

Thời gian lặng im
Không gian lặng im dài những canh khuya
Lòng như dấu hỏi
Mơ hồ nghe tiếng gọi phía xa xăm.



Chuyện trẻ con thôi mà

TRẦN KIÊM HẠ

Trên tấm băng-rôn được treo ngay ngắn trước cổng Tổng Công ty Xây dựng C. có in dòng chữ sắc nét, “Chào mừng giải cầu lông con em trong ngành”. Và đã mấy ngày nay, đằng sau cánh cổng ấy, tiếng còi, tiếng vỗ tay rầm rập vang dội cả một vùng...

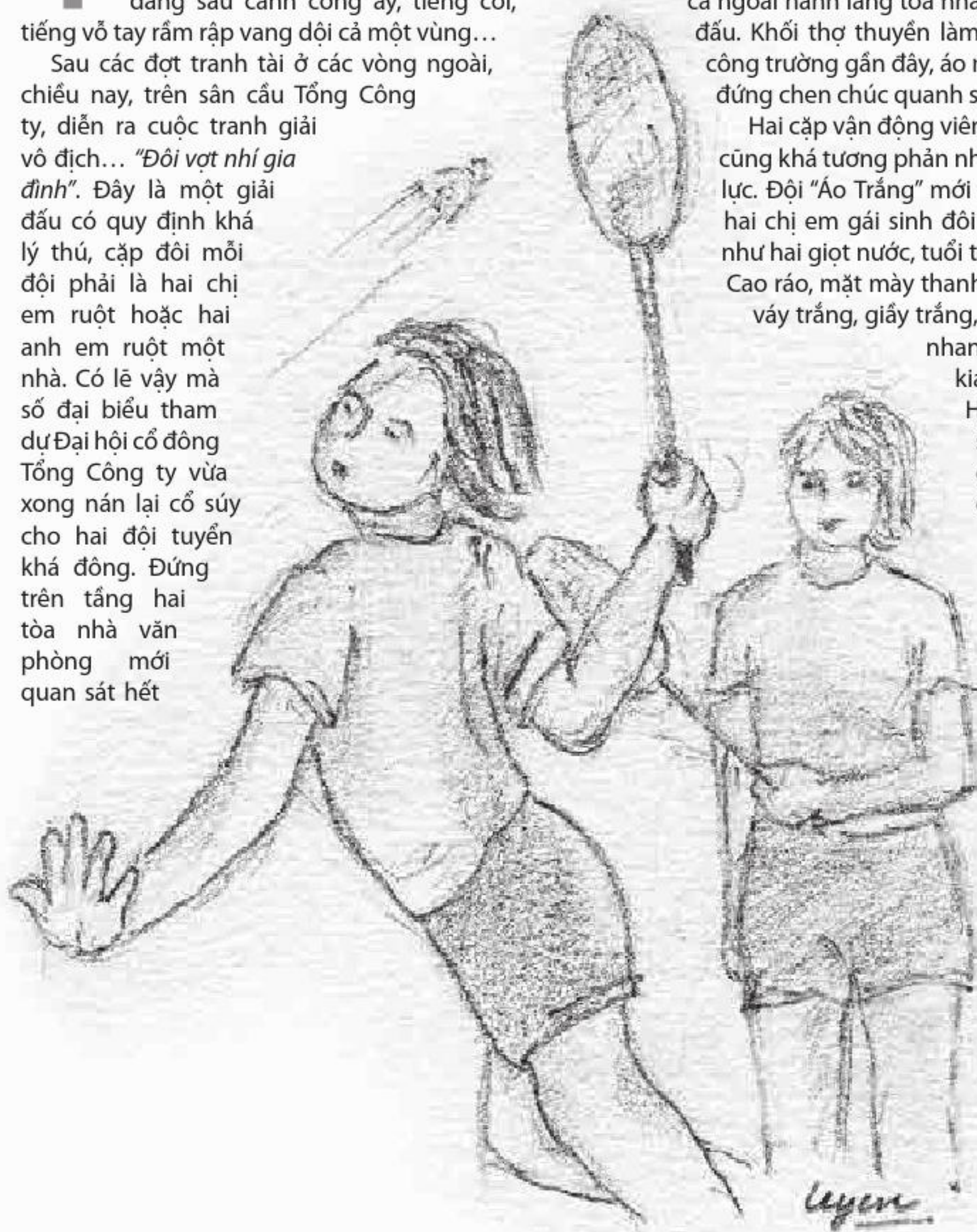
Sau các đợt tranh tài ở các vòng ngoài, chiều nay, trên sân cầu Tổng Công ty, diễn ra cuộc tranh giải vô địch... “Đôi vợt nhí gia đình”. Đây là một giải đấu có quy định khá lý thú, cặp đôi mỗi đội phải là hai chị em ruột hoặc hai anh em ruột một nhà. Có lẽ vậy mà số đại biểu tham dự Đại hội cổ đông Tổng Công ty vừa xong nán lại cổ súy cho hai đội tuyển khá đông. Đứng trên tầng hai tòa nhà văn phòng mới quan sát hết

toàn cảnh trận đấu. Và cũng chẳng khó khăn gì để nhận ra hai nhóm cổ động viên mang hai “màu cờ sắc áo” khác nhau. Khối làm việc trong các phòng ban của Tổng Công ty thì đồng phục văn phòng trang nhã, đứng tràn ra cả ngoài hành lang tòa nhà hai tầng nằm cạnh sân đấu. Khối thợ thuyền làm việc trực tiếp trên các công trường gần đây, áo mũ lấm bụi công trường đứng chen chúc quanh sân đấu.

Hai cặp vận động viên đang tranh tài trên sân cũng khá tương phản nhau về đồng phục và thể lực. Đội “Áo Trắng” mới nhìn đã biết đích thị là hai chị em gái sinh đôi rồi. Chúng giống nhau như hai giọt nước, tuổi tầm mười một, mười hai. Cao ráo, mặt mày thanh tú, trắng trẻo trong bộ váy trắng, giấy trắng, chao lượn trên sân đấu nhanh nhẹn như đôi én. Bên

kia sân là đội “Áo Xanh”. Hai cháu này dù không sinh đôi nhưng cũng giống nhau như khuôn đúc. Cô chị cao hơn cô em nửa cái đầu. Cả hai mảnh khảnh, da ngăm đen trong bộ đồng phục học sinh váy xanh, áo trắng, cũng thoăn thoắt đập, đỡ cầu không thua kém gì đối thủ.

Tỉ số trận đấu của hai đội cứ bám sát nhau liên tục. 9-8, 9 đều, 10-9 rồi... 10 đều làm tiếng vỗ tay của cổ động viên vang lên không ngớt. Quan sát trận đấu, người ta dễ dàng nhận ra đội “Áo Trắng” được đào tạo khá bài bản, biết phân định rõ ràng phần



Hiệp hai, hai cô bé đội "Áo Trắng" bước ra sân với dáng vẻ tự tin hơn, trên hai khuôn mặt thanh tú còn đọng lại niềm vui chiến thắng của hiệp cầu vừa rồi. Nhưng chẳng mấy chốc thì đội hình của hai cô rồi, không đập cầu ra ngoài thì cũng vớt cầu hụt liên tục. Hiệp hai chấm dứt chóng vánh! Tỉ số quá cách biệt 15-05, phần thắng chuyển ngược cho đội "Áo Xanh". Chuyện quá bất ngờ làm cả khán đài A ngỡ ngàng! Vị huấn luyện viên đội "Áo Trắng" tức thì được triệu lên khán đài. Sếp Tổng chất vấn: "Thế là sao hở ông?". Anh này nhăn nhó: "Hai chị em nó có sở trường đánh cầu khác nhau, thể lực dẻo dai, bổ khuyết cho nhau thật hoàn hảo. Con chị đánh cầu dài tốt, cứ cầu cầu ra sau buộc đối thủ phải lùi xa lưới, rồi đột xuất nhường cho con em bỏ cầu sát lưới. Ngược lại, con em lại có sở trường đánh sát lưới. Nhử đối phương tiến lên sát lưới rồi nhường cầu để con chị đập cầu ra đằng sau. Hai cháu nhà ta thiếu kinh nghiệm nên trở tay không kịp!"

Hà biết mình phải làm gì rồi. Tuy nhiên khi trở lại chỗ cũ thì hai đội cầu đã sắp ra sân. Anh nín con bé chị lại ngập ngừng nói nhỏ vào tai nó: *"Con... nghe cha dặn nè... hiệp này con... con... nhường phần thắng cho đội bạn nhé"*. Con bé thẳng thốt: *"Hả... chẳng lẽ cha bán... độ!?!?"*. Hà lạc giọng: *"Ngàn lần là không rồi. Nhưng con phải tuyệt đối nghe cha cái đã, cha sẽ giải thích sau. Nhớ duy trì trận đấu đến phút chót mới thả, chớ để lộ làm các chú công nhân tổn thương đó nghe..."*.

Hai đội ra sân tranh tài hiệp cuối. Không khí căng thẳng từ khán đài đã lan tỏa khắp sân đấu, khiến cổ động viên giờ đây mới nhìn lại hai đội cầu của mình. Hai cô bé đội “Áo Trắng” sống trong một gia đình giàu có ở ngay thành phố này. Các cháu được cha mẹ chăm bẵm, dạy dỗ trên mức chu đáo. Chơi cầu lông là một cách rèn luyện sức khỏe mà ba mẹ gợi ý cho các cháu. Thấy con có năng khiếu họ bèn cho làm cái sân cầu lông ngay trong vườn biệt thự mình rồi thuê thầy về dạy. Các cháu cũng trải qua nhiều trận đấu với các bạn trong câu lạc bộ, nhưng chưa lần nào gặp phải đối thủ khó chơi như lần này...

Hai cô bé đội “Áo Xanh” sống với cha mẹ trên một công trường thủy lợi miền núi. Học một buổi, buổi còn lại chúng lên đồi hái củi hoặc ra suối giặt giũ, gánh nước về nhà lo cơm nước phụ mẹ. Trước ngôi nhà tranh của gia đình chúng có một khoảng đất trống, các chú công nhân đem máy ủi tới san thành sân cầu lông. Từ đó chiều chiều các chú tới tranh tài để giải khát bia bọt. Và chính các chú công nhân đã huấn luyện cho hai con bé đội “Áo Xanh” biết đánh cầu.

Sang hiệp ba, con bé chị bên đội “Áo Xanh” ra sân như người mất hồn, con em cáng đáng không xuể nên bị thua hoài sinh cáu! Giữa lúc nó đang hậm hực thì bên ngoài có một cổ động viên tay cầm chiếc khẩu trang màu trắng huơ huơ trước mặt. Con em nhận ra mẹ. Bất chấp trọng tài có đồng ý hay không, nó cứ chạy ào ra ôm chầm lấy mẹ. Con chị thấy thế cũng làm theo. Con em nũng nịu với mẹ: “Sao mẹ tới muộn vậy?”. Vừa thất lại lộn tóc đuôi gà cho con gái, mẹ nó nói: “Thì mẹ phải làm xong việc đã chứ”. Con em tiếp: “Mẹ nè, sao chị em con làm bàn mà các cô chú trên khán đài không vỗ tay hờ mẹ, mà chỉ có mấy chú công nhân thôi à?” – “Ừ thì người ta cổ động cho đội nào thì vỗ tay cho đội đó chứ sao”. “Không phải, con thấy mấy chú công nhân cũng vỗ tay cho hai bạn bên đó nữa mà”. Mẹ nó ư hử, lảng sang hỏi con chị: “Sao con chơi ỉu xiu vậy Bé Chị? Thi đấu là phải chơi hết mình chứ, có thua cũng sướng”. Con chị phân bua: “Nhưng... tại...”. Mẹ nó cắt lời: “Không nhưng, tại, vì chị cả... nếu không chơi hết mình thì không phải con của mẹ nữa...”. Tiếng còi trọng tài giục giã, hai con bé lật đật ôm vọt chạy ra sân.

Vừa gặp mẹ, hai con bé đội “Áo Xanh” chơi bùng lên như vừa lột xác. Tỉ số dẫn được rút ngắn. Rồi chạm ngưỡng... 14 đều! Theo quy định, hai đội tranh tài nhau ba hiệp, mỗi hiệp 15 điểm, đội nào giành điểm số 15 trước là đội ấy thắng hiệp đó. Đội thắng hai hiệp là đoạt giải. Như thế với tỉ số này thì cơ hội được chia đều cho hai đội. Và bây giờ thì quyền phát cầu thuộc về đội “Áo Trắng”. Có lẽ do quá hồi hộp mà con bé “Áo Trắng” đã phát cầu hơi cao để cho con em bên đối phương chồm người tới đập mạnh quả cầu trở lại sân mình. Cô bé “Áo Trắng” thứ hai quyết tâm choai người tới cứu được cầu! Tuy nhiên lại... ngã cái “oạch”, để trống một khoảng sân. Con chị bên đội “Áo Xanh” không bỏ lỡ cơ hội, nó vọt người lên cao và quất vọt xuống. Nhưng trong cái thời khắc người đang lơ lửng trên cao ấy, thì nó bất gặp ánh mắt van lơn của cha nó đang đứng chéo góc bên kia sân của đối phương, nơi nó định quất quả cầu xuống. Vậy là tay nó lơ nghiêng một tí... “Phập”, quả cầu cắm ngoài lằn ranh sân đối phương chừng một gang tay!

Tiếng vỗ tay trên khán đài A vang lên rầm rập. Giữa giây phút ấy sếp Tổng từ trên khán đài A bệ vệ đi xuống sân bóng. Không biết ông có còn nhớ những lời mình vừa thì thầm với ông Trưởng ban trên khán đài để dàn xếp tỉ số không? Mà giờ đây ông đang thể hiện đúng tâm thái của người đứng đầu một Tổng. Đó là tiến tới xoa đầu hai con bé đội “Áo Xanh” và nói “Các cháu cừ lắm”! Đâu đó trong nhóm người cổ động áo xanh vang lên tiếng chửi đồng: “Trò khi, chỉ là trận cầu trẻ con thôi mà cũng...”. ■



Mùa thu hoa cúc

NGUYỄN THÁNH NGÃ

Một hôm đến chơi nhà bạn văn, dẫn dụ thế nào lại bàn về hoa cúc. Bao chuyện ly kỳ bạn kể, không bằng nhúm ký ức tôi những ngày quê mùa được thấy cúc nở trước sân.

Nhìn cái màu vàng ươm long lanh sương sớm, cha tôi bảo tựa đóá mặt trời. Dầu chưa hình dung hết lời ví von của cha, tôi vẫn nhận thấy màu vàng ấm cúng ấy lan tỏa khắp nơi. Hoa cúc tựa người thân mỗi khi thu về với gió se lạnh, với áo len đủ màu đến lớp. Cô bạn gái yêu hoa cúc lúc nào cũng nâng niu áo vàng, nâng niu câu thơ học trò: “Áo nàng vàng anh về yêu hoa cúc, áo nàng xanh anh mến lá sân trường...” của Nguyễn Sa đẹp đến lạ lùng!

Quả thật, hoa cúc như những đóá mặt trời nho nhỏ. Màu vàng không kiêu sa, không kiêu cách, nhưng mỗi lần nở là rực rỡ vàng khiến lòng người chợt thấy nhớ nhung. Và mùi thơm hoa cúc chỉ thoảng hương giản dị nhưng đậm sâu. Thứ đậm sâu len lỏi vào ký ức bất người ta phải bay bổng, yêu thương êm đềm...

Rồi gió ngọt ngào lay động bên thềm, len vào cửa sổ cô học trò ngày xưa mơ mộng có tên là Hoàng Cúc. Cũng cái tên ấy đi vào cuộc tình Hàn Mặc Tử ở thôn Vĩ Dạ của miền thi ca trắc trở. Tuy nhiên, cô bạn học trò ngày xưa của tôi chỉ là đơn mộc thôi, có chút thi ca chẳng chỉ là những cảm xúc nhỏ nhoi của một thời yêu đương dưới mái trường huyện thị. Ngày nọ, cha yêu hoa cúc. Mẹ đã trồng hoa cúc đầy vườn. Tình yêu này bắt nguồn từ bà nội tôi, sinh trưởng ở một làng quê nghèo, đất cằn sỏi đá. Bà thường gánh hoa mỗi độ

trăng rằm lên chùa cúng Phật, còn lại bán cho khách thập phương lấy chút tiền còm côi đắp đổi qua ngày. Vì vậy mà mỗi lần giỗ bà, không thể thiếu lọ cúc vàng tươi thắm. Tôi ngẫm hồn bà đã nhập vào hoa về quanh nhang khói, cháu con cảm thấy ấm lòng ấm dạ vô cùng. Bây giờ lưu lạc nhiều nơi, cô bạn nhỏ chỉ còn là một chấm mờ trong tôi. Nhưng mỗi lần gió thu nồng nức, nhớ cô bạn ngày xưa tôi thường ngồi bên hoa cúc, đọc câu thơ của Nguyễn Sa như một lời tình cũ đã xa.

Những đêm mưa to gió lớn hoa cúc vật vã bên hè, tôi thường mơ giấc mơ đầy hoa cúc nở, vàng óng cả bầu trời.

Ngày nay các loại cúc ngoại nhập rất nhiều, cúc Tây cúc Nhật rất đẹp và sang. Nhưng tôi vẫn thấy yêu một loại cúc thuần Việt quê mùa, có hồn, có khí phách mọc ở vùng quê âm thầm vất vả. Mỗi lần ngắm hoa cúc, vẫn cái nhìn ngày xưa khiến tôi mãi tự hỏi tại sao lùm hoa cúc giản dị đến vậy, lá răng cưa nhỏ nhoi đáng nồng đến vậy lại có thể bật nở những đóá vàng tinh khôi say đắm lòng người. Tôi cho rằng màu hoa cúc là màu vàng quê hương ngọt ngào, đậm thắm và thanh bình đến kỳ lạ trong mỗi độ thu về the thắt...

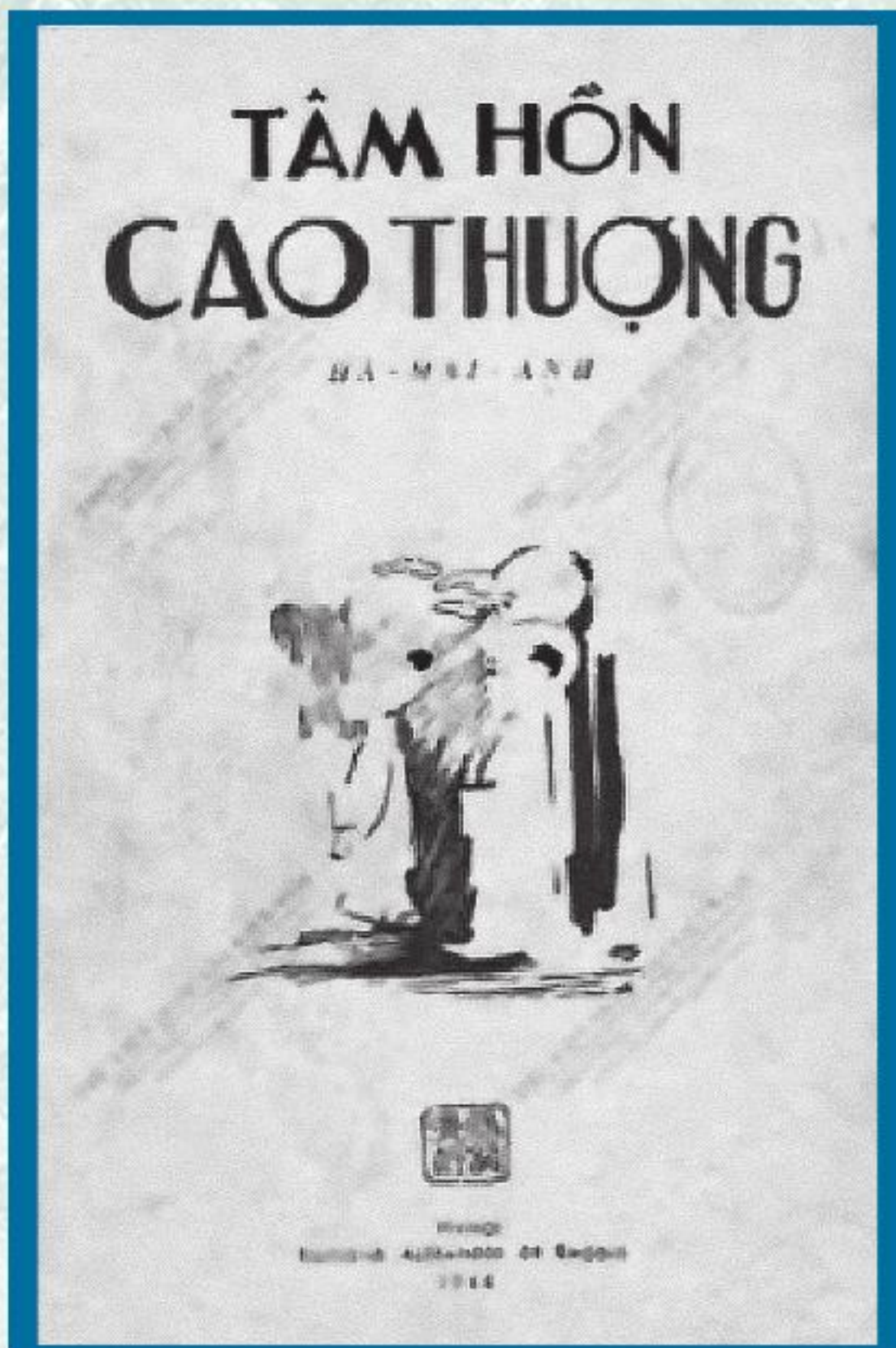
Và bây giờ lần giở trang quá khứ, tôi mới biết hoa cúc được người xưa xếp vào hàng tứ quân tử “tùng, cúc, trúc, mai”. Hóa ra hoa cúc thanh cao đến vậy mà tôi nào hay. Trần Nhân Tông, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến đều chọn hoa cúc làm bạn. Và hoa cúc trong thơ các cụ đã trở thành bất tử với thời gian. Còn tôi chỉ yêu hoa cúc với một lý do thật giản dị, bởi cái màu vàng ấm cúng ấy lan tỏa khắp ký ức tôi làm thành nỗi nhớ rừng rưng... ■

Nhòuhoà sa ò h c uố

Bài & ảnh: NHƯ ĐẠI

Đối với những người ở độ tuổi “cổ lai hy”, những cuốn sách như *Quốc văn giáo khoa thư*, *Tâm hồn cao thượng*, *Thơ ngụ ngôn La Fontaine* một thời là những cuốn sách “gối đầu giường” và là những người bạn thân đã gắn bó suốt thời niên thiếu của họ.

Quốc văn giáo khoa thư là bộ sách giáo khoa gồm ba tập: *Quốc văn giáo khoa thư* lớp Sơ đẳng; *Quốc văn giáo khoa thư* lớp Dự bị và *Luân lý giáo khoa thư* lớp Đồng ấu, vì thế nó gắn gũi với nhiều thế hệ học trò khắp mọi miền đất nước vào khoảng hơn nửa thế kỷ trước, bởi nó đã dạy cho học trò các nghĩa vụ đối với bản thân, gia đình, học đường, gia tộc, quê hương làng xóm..., đồng thời cũng truyền đạt nhiều kiến thức cơ bản về khoa học và xã hội.



Thuở đó, ai cũng thuộc lòng các câu văn thật giản dị, gần gũi như “*Xuân đi học coi người hớn hở, gặp cậu Thu đi ở giữa đường...*”. Ai cũng nhớ mãi hình ảnh cậu bé “ngất ngây” trên mình trâu “*Ai bảo chăn trâu là khổ? Không, chăn trâu sướng lắm chứ... Trong khoảng trời xanh lá biếc, tôi với con trâu thành thơ vui thú, tưởng không còn gì sung sướng bằng...*”; hay những câu thơ đơn giản dễ nhớ như khuyên người chớ nên tham lam:

*“Người đời ngay thật là khôn
Gian tham ghen lận sao còn được hay?”.*

Lại có những câu khuyên học trò chăm học rất ấn tượng:

*“Ngọc kia chẳng dũa chẳng mài
Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi...”.*

Hay:

*“Khuyên con khuya sớm chuyên cần
Học hành cố chí lập thân kịp người...”.*

Quốc văn giáo khoa thư cũng truyền đạt cho học trò thời đó biết được những mẫu chuyện về danh nhân đất nước; truyện các anh hùng dân tộc như vua Lê Thánh Tôn; vị vua anh minh trong một thời kỳ vẻ vang của lịch sử nước nhà; truyện “*Gươm thần của vua Lê Lợi*” kể về những chiến công của Lê Lợi trong cuộc trường kỳ kháng chiến chống ngoại xâm...

Cũng nhờ *Quốc văn giáo khoa thư* mà học trò biết được các mẫu chuyện bên Trung Quốc như thầy Tử Lộ đội gạo nuôi song thân; ông Lý Tích nấu cháo cho chị mà bị cháy râu; ông Lưu Khoan tha thứ cho nữ tỳ làm đổ cháo lên áo ông. Trong sách có cả chuyện bên Tây như ông Carnot trở lại trường xưa thăm thầy cũ; những gương hiếu học như chàng Thừa Cung chần lộn qua trường học; ông Châu Trí ở tại chùa Long Tuyền đốt lá đa làm đèn... Tất cả những nhân vật quen thuộc của một thời “*giáo khoa thư*” đều là những gương tốt, đôn hậu, thật thà, thương yêu, nhân ái với một ý tưởng luôn nghĩ đến người khác.

Bên cạnh đó còn nhiều bài văn hay như miêu tả hình ảnh gần gũi của ngôi chùa làng: “*Ngày rằm, mồng một, cứ đến tối, tôi thường theo bà tôi lên chùa lễ Phật. Sư cụ tụng kinh gõ mõ ngồi ở trên; bà tôi và các già ở dưới, vừa lễ vừa na-mô Phật*”.

Bài dạy học trò yêu quý lao động nhẹ nhàng mà gần gũi: “*Người làm ruộng có trồng trọt cây cấy thì ta mới*

có cái ăn; thợ nề, thợ mộc có làm nhà thì ta mới có nhà để ở...”.

Một cuốn sách khác tuy là xuất phát từ phương Tây nhưng đã gây ấn tượng mạnh trong tâm hồn của những cô cậu học trò thời bấy giờ; đó là cuốn *Tâm hồn cao thượng* do Hà Mai Anh (1905-1975) dịch từ cuốn *Grand Coeur* của Edmond De Amicis (1846-1908).

Những câu văn thật nhẹ nhàng như *“Hôm nay là ngày khai trường. Mấy tháng hè trôi qua như một giấc mộng. Sáng nay mẹ tôi đưa tôi vào trường Ba Lê Tư để ghi tên lên lớp ba...”* trong bài thứ nhất viết về tháng Mười của *Tâm hồn cao thượng*. Mặc dù những cái tên phiên âm rất trúc trắc, xa lạ, nhưng dường như ai cũng thuộc lòng những cái tên An Di, Phan Tín, Hạ Long... tất cả được coi như những đứa bạn cùng lớp với mình. Cũng như hình ảnh của thầy Bích Niên với mái tóc bạc, hay cô Đan Cát Tiên hiền lành trở nên rất quen thuộc...

Cuốn sách có mười chương, mỗi chương là một tháng học trong niên khóa, mỗi tháng có sáu câu chuyện thể kỷ sự của một cậu bé 11 tuổi tên An Di và một câu chuyện kể trong tháng. Những câu chuyện của An Di trong *Tâm hồn cao thượng* chỉ là những câu chuyện rất “đời thường” xảy ra trong lớp học, ở một thành phố nhỏ tên Turin ở phía Bắc nước Ý. *Tâm hồn cao thượng* là những chuyện về lòng thương yêu của cha mẹ, sự tận tụy của thầy cô giáo, lòng nhân ái của con người, làm cho người đọc dễ xúc động.

Trong sách có câu chuyện kể về những trẻ em mù; một em bé đã thốt lên câu nói rất cảm động: *“Lạy trời cho tôi được mở mắt một phút thôi, để tôi nhận lại mặt mẹ tôi mà tôi đã quên mất rồi!”*.

Cuốn *Tâm hồn cao thượng* cho ta biết hạnh phúc là gì, nói về những điều ai cũng có mà không hay biết. Đó là những câu chuyện kể rất bình thường, dịu dàng của một người thầy nói với học trò; một người mẹ nói với con, không chỉ làm rung



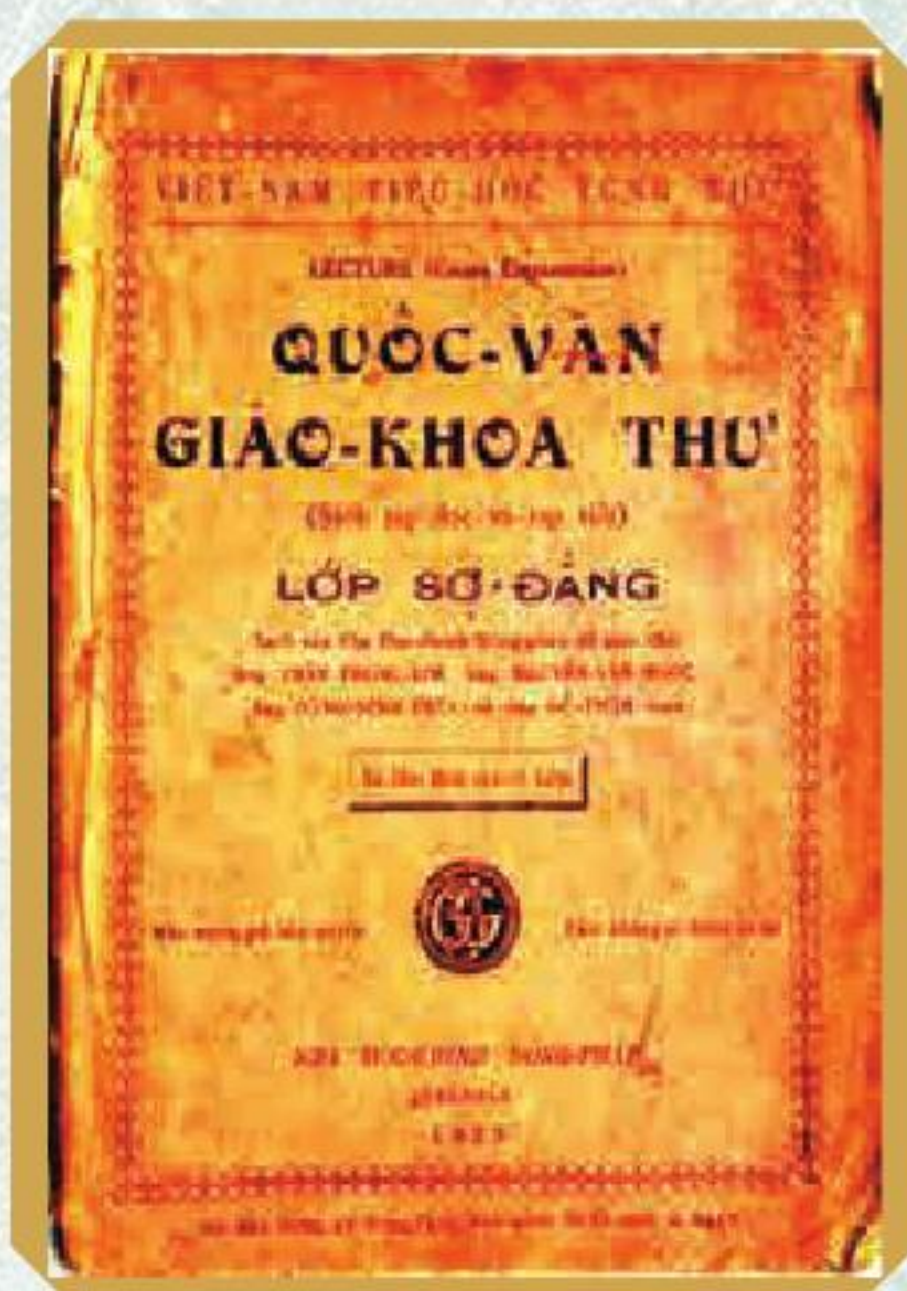
động những tâm hồn ấu thơ, mà ngay cả đối với những người lớn; những câu chuyện bình thường mà chan chứa những điều nhân nghĩa. Dù cuốn sách lấy bối cảnh của một thành phố tận nước Ý xa xôi, nhất là vào một thời điểm mà thế giới chưa “rộng mở” như ngày nay, nhưng người đọc vẫn cảm thấy gần gũi với những câu chuyện “rất người”. Như tựa đề *Tâm hồn cao thượng*; cuốn sách làm cho tâm hồn người đọc hướng thượng hơn, hiền hơn, biết thương yêu nhau hơn.

Một cuốn sách khác là cuốn thơ ngụ ngôn *Les Fables de La Fontaine* do Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) dịch từ tiếng Pháp với phần minh họa của họa sĩ Mạnh Quỳnh (1917-1991). Chắc hẳn nếu không có học

giả Nguyễn Văn Vĩnh, thơ ngụ ngôn của thi hào La Fontaine (1621-1695) không thể phổ biến đến đại đa số người Việt trong những thập niên 40-50 của thế kỷ trước. Ngày nay những lời dịch của ông từ thơ La Fontaine đã thành những thành ngữ rất quen thuộc như *“Lý kẻ mạnh bao giờ cũng đúng”*; *“Con nhái muốn to bằng con bò”*; *“Con cáo với chùm nho”*, *“Hội đồng chuột”*, *“Bán da gấu”*, *“Gà đẻ trứng vàng”*, *“Chuyện cô Bê Rết”*... Thơ ngụ ngôn của La Fontaine đã đưa ông lên vị trí của những nhà thơ cổ điển của thế giới. Có những ví

von, những câu nói của miệng chúng ta dùng thường ngày, nhưng ít ai nghĩ nó xuất phát từ những câu chữ có ý răn đời của nhà thơ cổ điển người Pháp.

Đó là những cuốn sách đã đi vào tâm tưởng của nhiều thế hệ học trò của nửa đầu thế kỷ trước. Cho dù hôm nay da đã mỗi, tóc đã bạc, nhưng ngồi giở lại từng trang sách hẳn ai cũng như thấy lại được những ngày xưa niên thiếu của mình... Và mặc dù ngày nay, nó được in lại trên những trang giấy mới, bìa mới, thơm mùi mực mới, nhưng đây vẫn là những cuốn sách quen thuộc biết bao trong cái “thư viện tâm hồn” của những người đang vượt qua cái ngưỡng “xưa nay hiếm”... ■





Hỏi Tôi thấy ở nhiều chùa có ghi bốn chữ Thường Lạc Ngã Tịnh. Xin được giải thích ý nghĩa.

Lê Vĩnh Khương, đường Nguyễn Trung Trực,
Quận Bình Thạnh, TP. HCM

Đáp Thông thường thì người ta hiểu Thường là thường hằng, không thay đổi; Lạc là vui, hạnh phúc; Ngã là tôi, ta, là bản chất bất biến của mọi sự vật; Tịnh là an tịnh, thanh khiết. Nhưng bốn từ trên mang ý nghĩa sâu xa hơn, khó nghĩ bàn hơn nhiều.

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh có xuất xứ từ kinh *Đại Bát Niết-bàn* (bản Bắc). Dựa theo nội dung của phẩm Quang minh biến chiếu, phẩm Như Lai tánh, phẩm Pháp thường trụ và một số ý trong các phẩm khác của kinh *Đại Bát Niết-bàn*, các bộ luận (ví dụ *Phật tính luận*...) giảng rằng bốn từ ấy là Bốn đức của Niết-bàn, cũng là Bốn đức của Pháp thân Như Lai. Bốn đức của Niết-bàn là bất biến (Thường), an vui (Lạc), tự tại (Ngã), không ô nhiễm phiền não (Tịnh). Bốn đức của Pháp thân Như Lai là Pháp thân thường trụ (Thường); lìa khổ, an vui, vắng lặng (Lạc); tự tại, vô ngại, xa lìa chấp ngã và chấp vô ngã (Ngã); thanh tịnh, vô nhiễm (Tịnh).

Lối giải thích trên có thể gây sai lầm trong cách hiểu vốn theo nhị nguyên của các thường nhân. Vì vốn được giảng con người, thế giới, chúng sanh là vô thường, là khổ, là vô ngã, là bất tịnh (thân và tâm) nên nghĩ rằng ngược lại với tính chất trên là Phật, là giải thoát, Niết-bàn. Thật ra, hiểu Niết-bàn gồm các đặc tính ngược lại với các đặc tính của thế gian là không đúng, là rơi vào nhị nguyên tính có và không, phải và không phải... Một khi đã được giải thoát tối hậu, tức không mang nhị nguyên tính, thì không còn có-không, phải-trái, ngã-vô ngã, thường-vô thường, khổ-lạc, tịnh-bất tịnh;... không còn sự đối nghịch.

Để tránh lối hiểu nhị nguyên sai lầm kia, trong kinh *Đại Bát Niết-bàn*, Đức Phật đã cố gắng bằng ngôn ngữ và tư duy đời thường để dẫn dắt chúng ta hướng đến ý nghĩa chân thật của Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Đức Phật dạy: “Cần biết Thường, Lạc, Ngã, Tịnh để rời điên đảo”, và “Nếu không Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì sẽ không có gì cho chúng sanh y cứ để tu”. Ngài còn khẳng định giải thoát chính là Niết-bàn, giải thoát chính là Như Lai. Phẩm Quang minh biến chiếu nêu ra khoảng 80 lần ý nghĩa của giải thoát và cũng chừng ấy lần khẳng định giải thoát tức là Như Lai hoặc chơn giải thoát tức là Như Lai. Xin nêu một số từ Đức Phật nói về giải thoát, tức Như Lai, tức ý nghĩa của

Thường, Lạc, Ngã, Tịnh: Giải thoát, tức Như Lai, thì thường hằng, không cấu nhơ, không phiền não, an tịnh, an ổn, không ưu sầu, không lo lắng, không bụi nhơ, vô động, vô hữu, hư tịch, không đo lường được, rộng lớn, tối thượng, vô trú, vô biên, bất biến, thậm thâm, bình đẳng, im lặng, mỹ diệu, dứt tham ái...

Những từ vừa nêu cũng chỉ mang nghĩa tương đối. Vô ngã mà không hiểu được (ví dụ hiểu nhầm là không có gì, hư vô, trống rỗng) thì Ngã cũng không thể nào hiểu được (ví dụ hiểu nhầm rằng có cái tôi trường tồn). Đức Phật dạy trong phẩm Như Lai tánh: “Tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Chơn tánh của vô ngã còn không thể biết thì sao có thể biết chơn tánh của ngã?”. Và Thường, Lạc và Tịnh cũng cần được hiểu như thế. Đức Phật giảng thêm: “Vô sanh nên gọi là Thường,... Vì ở khắp nơi nên gọi Thường” (phẩm Pháp thường trụ). “Niết-bàn thì không khổ không vui nên gọi là Lạc”, “Tịch tịnh, biết tất cả, thân không hư hoại nên gọi là Đại lạc, Đại Niết-bàn” (phẩm Quang minh biến chiếu). Thân Như Lai vô biên,... tự tại,... chứng các pháp nên gọi là Đại ngã”, “Dứt mọi bất tịnh,... nghiệp thanh tịnh, thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh nên gọi là Tịnh” (phẩm Quang minh biến chiếu). Sau cùng, Ngài dạy: “Thật ra Niết-bàn chẳng phải có. Như Lai thuận theo thế tục nên nói Niết-bàn là có” (phẩm Quang minh biến chiếu).

Kinh điển văn khẳng định Niết-bàn, Pháp thân Phật thì không thể nghĩ bàn. Thường, Lạc, Ngã, Tịnh cũng không thể nghĩ bàn, nhưng được dạy như một hướng để tu và dù có giảng bao nhiêu bằng ngôn ngữ, tư duy đời thường cũng chỉ là tương đối, là “ngón tay chỉ mặt trăng”. Cần nhận định rằng Đức Phật cũng đã từng dạy Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã là bản chất của thế gian, của cõi sinh tử. Nhưng ở Giải thoát, Niết-bàn, Phật thì không phải như thế, tức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Nhưng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ở đây không đối nghịch, cũng không đồng nhất với Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã trong cõi sinh tử. Vấn đề vẫn là thực sự tu, thực sự hành, hàm dưỡng lâu ngày để được giải thoát tối hậu, không còn sinh tử, tức chấm dứt khổ, tức Phật, Niết-bàn chân thật...

Bàng Ân



Đều khắc gỗ: **THIÊN PHÚ THẢO**

45/2N, Nhà Vương, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

09.37 13 13 13 - 01 666 999 666 - 01 222 999 666

WWW: thienphuthao.com - dienkhacgo.vn - Email: dkthienphuthao@gmail.com



Ăn thực dưỡng thế nào cho đúng cách?

Ý NHI



Cuộc sống công nghiệp nơi thành thị ồn ào, bận rộn với nhiều áp lực làm chúng ta không còn hoặc có ít thì giờ để tâm tới việc ăn uống sao cho có sức khỏe thực sự. Tuy nhiên, những năm gần đây, càng ngày càng có nhiều người quan tâm và thực hành ăn uống theo phương pháp thực dưỡng (PPTD) – Một phương pháp ăn uống thuận theo trật tự của thiên nhiên, lấy hạt ngũ cốc còn nguyên cám (hạt cốc lứt) làm thức ăn chính và rau đậu, hoa quả làm thức ăn phụ với một số gia vị căn bản là tương đậu, muối biển và rong biển... Thực tế cho thấy thực hành ăn uống theo PPTD đã đem lại những kết quả đáng ngạc nhiên và khoa học cũng đã chứng minh là PPTD thực sự có giá trị trong việc giữ gìn sức khỏe và đẩy lùi bệnh tật.

Dẫu biết thực dưỡng là phương pháp đem lại nhiều lợi ích nhưng khi ăn uống theo phương pháp này chúng ta phải từ bỏ lối sống cầu thả bữa bãi trước đây với những thức ăn nhanh khoái khẩu và đã quen dùng trong nhiều năm qua. Điều này thật không dễ chịu, đặc biệt là đối với các bạn thanh niên hàng ngày phải đối diện với công việc, cuộc sống đòi hỏi phải giao tế thù tiếp. Những bậc trung và cao niên khi chuyển qua ăn uống theo PPTD sẽ dễ thích ứng hơn các bạn trẻ, có lẽ một phần do hầu hết thức ăn của PPTD được chế biến và nấu nướng theo truyền thống trong gia đình mà họ đã quen dùng từ thời thơ ấu. Dù sao vì lợi ích sức khỏe dài lâu, vì một đời sống chất lượng, vô bệnh, dù già trẻ nam hay nữ các bạn nên quay lại với lối sống truyền thống và ăn uống tự nhiên.

Phải bắt đầu như thế nào?

Trước hết cần bỏ hẳn thực phẩm tinh chế, xử lý hóa học, gạo xay xát trắng, đường trắng tinh luyện, nước ngọt có gas, cà phê pha tạp, trà nhuộm màu, bánh kẹo ngọt... Giảm bớt thịt thú, thịt đỏ và thức ăn có nguồn gốc động vật. Nếu cơ thể còn đòi hỏi chúng ta cũng có thể dùng ít tôm cá và thịt trắng...

Và sau đây là một số hướng dẫn căn bản để mỗi người chúng ta có thể tùy nghi áp dụng trong cuộc sống hằng ngày và nhờ thế có thể sống khỏe, sống vui...

1. Hạt cốc là thức ăn chính của chúng ta

Hạt cốc gồm: Gạo tẻ, gạo nếp, lúa mì, lúa mạch, kê, bắp, yến mạch, kiều mạch... tất cả phải là hạt còn nguyên vỏ cám. Hạt cốc có thể chế biến thành cơm, xúp, cháo, thành bún, mì, nui, bánh đa, bánh mì, bột và còn nhiều hình thức khác để bữa ăn thêm phong phú đa dạng.

2. Thức ăn phụ là rau củ, đậu hạt, hoa quả và rong biển

Rau xanh nên được dùng thường xuyên và đầy đủ trong mỗi bữa ăn. Đậu hạt là nguồn cung cấp protein dồi dào. Các loại đậu nên dùng là đậu đỏ, đậu đen, đậu xanh, đậu nành, đậu hà lan, đậu gà, đậu lăng... Các loại hạt có dầu như hạt lanh, hạt mè, đậu phộng, hạt điều, hạt bí, hướng dương, hạt macadamia, hồ đào, hạnh nhân và nhiều loại hạt đa dạng cũng là nguồn cung cấp các chất chống oxy hóa và nhiều dưỡng chất thiết yếu cho cơ thể. Rong biển cũng là món quà

mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Rong biển có chứa nhiều i-ốt và nhiều chất dinh dưỡng quý giá.

Các loại hạt cốc, rau củ, đậu hạt, hoa quả đều nên được trồng tự nhiên tại địa phương, không sử dụng phân và thuốc trừ sâu hóa học.

3. Gia vị chính trong nhà bếp thực dưỡng

Gồm muối biển, tương đậu nành, dấm gạo và dầu thực vật nguyên chất như dầu mè, dầu phộng, dầu bắp, dầu hướng dương...

4. Ăn chậm rãi và nhai kỹ - dành đủ thời gian cho bữa ăn

"Hãy nhai thức uống và uống thức ăn" (Ghandi).

Ăn chú trọng nhất là nhai kỹ để tiêu hóa một phần lớn thức ăn ngay từ miệng nhờ enzym tiết ra từ nước bọt. Không những vậy nước bọt còn là một loại "thuốc bổ" bồi dưỡng cho cơ thể. Một miếng ăn nên nhai ít nhất từ 50 đến 100 lần.

Một khi đã ngồi vào bàn ăn, bạn không nên làm gì khác nữa. Hãy tập trung vào bữa ăn và cũng không nghĩ đến bất cứ điều gì khác. Khi bạn ăn uống tập trung như vậy, chúng ta sẽ hấp thụ hết nguồn dinh dưỡng của bữa ăn.

Như khi đọc một quyển sách hay xem một bộ phim, bạn tập trung như thế nào để hiểu hết ý nghĩa thì cũng vậy, tập trung trong khi ăn, chúng ta sẽ ăn một cách đầy đủ và trọn vẹn. Mỗi bữa ăn nên được dành đủ thời gian và kéo dài ít nhất là 20 phút.

5. Ăn ít thôi và đừng bao giờ ăn quá no

Đó là bí quyết để có một vóc dáng đẹp và gương mặt trẻ trung. Hãy rời bàn ăn và đứng lên khi bụng còn lưng lửng. Bạn không cần tính toán là mình phải ăn bao nhiêu cho đủ calorie. Thức ăn thực dưỡng được nấu nướng cẩn thận và thưởng thức một cách vui thú sẽ duy trì được trọng lượng vừa phải của cơ thể.

6. Ăn uống điều độ, uống nước đầy đủ

Nên ăn hai hoặc ba bữa mỗi ngày và đúng giờ giấc. Hãy uống khi khát và tùy theo nhu cầu của cơ thể.

7. Vui sống theo tự nhiên

Luật thiên nhiên đổi thay, sinh hoạt ăn uống và nấu nướng nên thuận theo thời gian trôi chảy. Cơ thể và tế bào trong người đổi thay theo mùa, nhu cầu dinh dưỡng vì vậy cũng nên đổi theo. Chúng ta hãy lắng nghe sự biến đổi của cơ thể mà linh động thay đổi lối sống và ăn uống sao cho phù hợp.

Bí quyết ăn uống để sống khỏe và sống vui của PPTD là quân bình và điều độ. Các bạn có thể ăn chay mà vẫn có thể hấp thụ đầy đủ sinh tố, chất khoáng, chất đạm, chất béo, chất bột cần thiết cho sinh lực, sức lớn và sự đổi mới của tế bào.

Cuối cùng "Ăn thông minh, sống vui khỏe", phần thưởng lớn nhất cho chúng ta là sau khi ăn uống theo PPTD một thời gian ngắn chúng ta sẽ cảm thấy thích thú khi cơ thể tốt hơn lên về mọi mặt, trông bạn sẽ trẻ trung hơn nhiều, vóc dáng thanh mảnh hơn, làn da tươi sáng hơn, tinh thần minh mẫn, suy nghĩ nhạy bén, tính tình hiền lành, cơ thể nhanh chóng tái hòa nhập với thiên nhiên chỉ nhờ ăn thực phẩm có chọn lọc và được nấu nướng đúng cách.

Cửa hàng Thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên



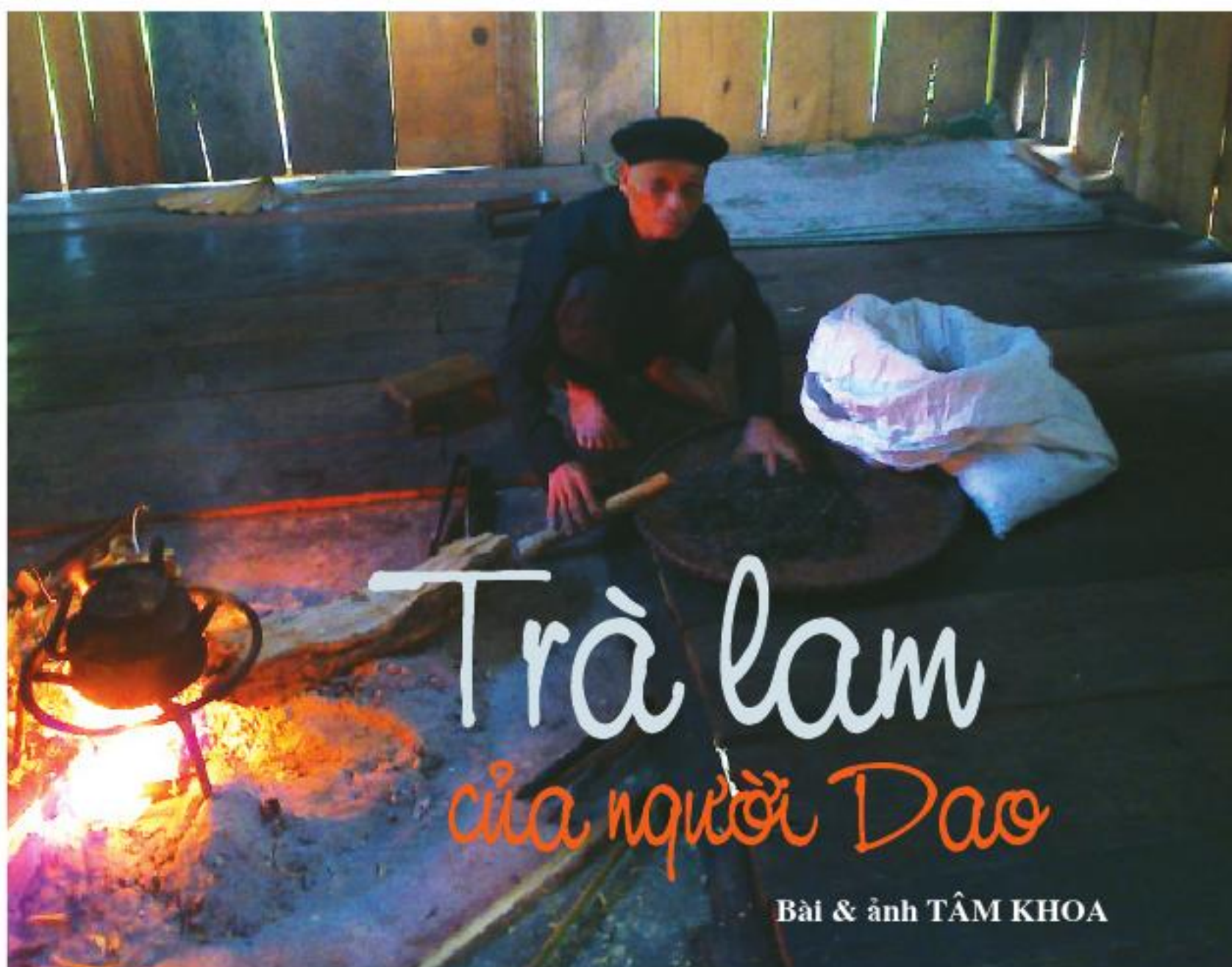
THỰC PHẨM DƯỠNG SINH
CHÂN NGUYÊN

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951

Facebook: chan nguyen

Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn



Trà lam của người Dao

Bài & ảnh TÂM KHOA

Khám phá ẩm thực của vùng Đông và Tây bắc của đồng bào Thái, Dao, Tày, Nùng... đây màu sắc và hương vị đặc trưng. Cơm lam của dân tộc Tày vùng Bắc Mê có mùi thơm phức quện cùng lá chuối và ống trúc nướng. Rêu đá là món ăn quý nhiều kiểu chế biến như rán, nấu canh nhưng ngon hơn cả là rêu trộn các loại gia vị thảo mộc đem nướng. Xôi tím, món ăn được nấu từ những hạt nếp nướng kết hợp với loài cây khẩu cấm cho màu hồng thắm chuyển tím rất bắt mắt mà còn có tác dụng chữa các bệnh đường ruột. Khi về Lai Châu thì phải ghé qua bản người Thái ở đây để thưởng thức món măng trộn hoa ban, nó hòa quện tất cả hương vị: đắng, chua, cay, ngọt, mặn bùi mà hiếm món nào có được.

Cơm lam chắc bạn đã từng một lần thưởng thức, còn trà lam bạn đã dùng chưa? Tôi có dịp tới Cao Bồ, Hà Giang được gặp ông Bàn Văn Ông nay đã trên 70 tuổi, nguyên là chủ tịch xã Cao Bồ, người dân tộc Dao, cho thưởng

thức chén trà lam tuyệt diệu này. Lấy trà từ ống lam, những miếng trà được tách ra như những đồng tiền xu có dinh lớp áo trắng của ống trúc được cho vào chiếc bình sứ đã dùng có đến cả chục năm bám đầy cao trà nhưng vẫn sạch và còn nguyên vẹn. Đun ấm nước từ nguồn mạch ngầm trên núi dẫn về nhà. Pha trà ngay bên bếp lửa đặt giữa nhà. Chén trà rót ra nhuộm màu vàng sậm của thời gian mà sáng trong, hương thơm của trà quện với hương của tươi nguyên của ống lam tạo nên hương ngọt mát thanh khiết rất sáng khoái và còn thấy được mùi khói lam chiều trong chén trà. Vị thuần của giống trà *shan tuyết* lá to lâu niên mà ngọt, để lại dư vị còn kéo dài.

Cảm nhận được khói bốc lên từ từ trên miệng chén trà đưa theo hương tươi nguyên, bạn sẽ không thể nào quên tinh khí của đất và trời hội tụ trong chén trà và tình người nơi đây dù chỉ dùng trà lần đầu. Nó đã làm say đắm người yêu trà và du khách khi tới đây.

Cách làm trà lam của người Dao đã tồn tại rất nhiều đời, nó giản dị mà tinh tế. Cây chè cổ thụ đã có từ nhiều đời ở đây, mọc thành rừng ngay xung quanh nhà. Mỗi năm 3 vụ xuân, hạ, thu là mùa thu hoạch, người dân đi hái chè và chế biến thành nhiều loại như trà xanh, trà vàng, trà đen...

Trà lam được làm từ trà vàng, lá chè tươi được hái về qua quá trình làm héo (xào) sau để quạt (phơi) cho nguội sẽ tiến hành công đoạn vò cho lá chè xoắn lại và ủ chè vài tiếng trước khi phơi (sấy) khô cho ra thành phẩm là trà vàng. Từ chè vàng lại qua quá trình chế biến mới để tạo ra trà lam. Họ đi tìm những ống lam bánh tẻ mang về cắt thành từng khúc đều nhau sau đó nướng sơ trên bếp lửa đặt giữa nhà rồi từ từ cho trà vào nén lại. Tiếp tục đưa lên bếp nướng tiếp, sau nhiều lần trà đã được nén thật chặt gần đầy ống thì dừng lại. Nướng thêm một lần nữa sau cắt lên trên gác bếp để dùng dần.

Hiện nay trà lam của đồng bào người Dao tại Cao Bồ đã về xuôi. Khi chọn trà lam cần chú ý lựa những ống trà lam được bảo quản tốt, không bị ẩm, mốc. Để pha chén trà lam ngon, đúng điệu cần chú ý nhiệt độ nước sôi khoảng 90° C là thích hợp nhất để pha trà lam. Dùng nước tinh khiết đun sôi đợi vài ba phút nước sẽ đạt 90° C. Để có độ đậm hay nhạt của chén trà, bạn có thể ngâm trà lâu hay mau tùy thích. Nhưng mỗi lần rót trà ra phải rót hết nước trong ấm trà. Trà ưa sạch sẽ, phải chuẩn bị bộ đồ pha trà đầy đủ và sạch, tráng ấm và chén bằng nước sôi 100° C trước khi pha. Dùng ấm tử sa pha trà sẽ ngon hơn so với ấm sứ.

Trà lam tạo cảm giác hưng phấn, tác dụng thanh nhiệt giải khát. Trà lam rất tốt cho tiêu hóa và giúp giảm cân, dùng đều trà lam trong 10 – 15 ngày bạn thấy rõ tác dụng giảm cân. Hàm lượng cafein trong trà lam thấp hơn trà xanh nên không gây mất ngủ.



Song Hỷ Trà
HỘI TỰ DANH TRÀ THẾ GIỚI

0947 798 186
Song Hỷ trà
6A/Lê Quý Đôn, P.6, Q.3, TP.HCM









TRÀ CẢNH HẠC

TRÀ GOOLONG 68

TRÀ HỒNG HẠC

TRÀ GOOLONG ĐANG ĐÙNG

TRÀ GOOLONG 79

TRÀ LÃO ĐẠI

TRÀ HỒNG LÃO

TRÀ LAM

Cảnh giác

các nguy cơ
“báo trước”

nhồi máu



Tắc mạch máu



Vỡ mạch máu

■ Đột quỵ - Tai biến mạch máu não (TBMMN) không từ một ai

Một số bệnh nhân và người nhà hiện còn có những kiến thức chưa đúng về đột quỵ - TBMMN. Từ đó, dẫn đến việc thiếu kiến thức về phòng bệnh và tâm lý chủ quan trước các dấu hiệu cảnh báo bệnh, nhất là là những người có tiền sử bệnh tim mạch như: bệnh van tim, rung nhĩ loạn nhịp, bệnh cơ tim thể giãn, suy tim, tăng huyết áp hay các bệnh đái tháo đường, béo phì, rối loạn mỡ máu...

Thực chất, đột quỵ não – TBMMN là hai tên gọi của cùng một bệnh lý mạch máu não phổ biến nhất hiện nay được đặc trưng bởi hiện tượng máu lên não bị gián đoạn đột ngột với hai dạng chính là **nhồi máu não** (tắc mạch) và **chảy máu não** (vỡ mạch). Đột quỵ não – TBMMN thường xảy ra đột ngột hoặc tiến triển theo từng nấc tăng dần, có thể khiến cho một người bình thường trong thời gian ngắn đối mặt với di chứng nặng nề, thậm chí tử vong. Nguyên nhân do não đặc biệt nhạy cảm với tình trạng thiếu oxy và dưỡng chất. Khi bị đột quỵ, vùng não thiếu máu sẽ ngưng hoạt động rồi “chết” trong vòng vài giây đến vài phút. Vì vậy, việc **kịp thời phát hiện, cấp cứu và điều trị đúng phương pháp khi bị đột quỵ là rất quan trọng**.

Hiện nay, theo thống kê của Việt Nam, có xấp xỉ 50% số bệnh nhân bị đột quỵ từ

vong, những người may mắn sống sót, có đến 90% để lại di chứng tàn tật tùy theo mức độ tổn thương của não. Các khảo sát cho thấy 1/3 số người bị đột quỵ sau đó bị liệt nửa người, 1/5 số bệnh nhân gặp vấn đề về nói và viết, suy giảm trí nhớ... Nguy hiểm hơn, họ còn phải đối mặt với nguy cơ đột quỵ tái phát với tỷ lệ thương vong và các di chứng, chi phí y tế cao gấp nhiều lần so với lần đầu tiên.

■ Nhận biết sớm nguy cơ đột quỵ

Người cao tuổi, người có tiền sử tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu, xơ vữa động mạch, đái tháo đường, các bệnh về tim mạch... có nguy cơ bị đột quỵ “gỗ cửa”. Những năm gần đây, đột quỵ não được ghi nhận có xu hướng trẻ hóa, nhiều bệnh viện cũng như các cơ sở điều trị thậm chí còn tiếp nhận những trường hợp còn rất trẻ. Tình trạng này được đánh giá là do chịu tác động lớn từ tiêu cực của cuộc sống hiện đại như lạm dụng rượu bia, thuốc lá, thường xuyên mất ngủ, căng thẳng, stress trong công việc và hoạt động sống hàng ngày...

Mới đây, trong một nghiên cứu trên tạp chí y khoa *The Lancet* (Anh) cho thấy, áp lực công việc nhiều, làm việc trên 55 giờ mỗi tuần tăng 1/3 nguy cơ đột quỵ não. Làm việc nhiều giờ thường dẫn đến căng thẳng kết hợp với các hành vi không lành mạnh như lạm dụng đồ ăn nhanh, chất kích thích và đặc biệt là

không tập thể dục... làm sản sinh các gốc tự do nội sinh và ngoại sinh.

Gốc tự do gây hại hầu khắp các cơ quan trong cơ thể nhưng mạnh nhất là tại não. Các gốc tự do tấn công làm tổn thương nội mạc mạch máu khiến thành mạch không còn trơn nhẵn, tạo điều kiện thuận lợi xuất hiện các mảng xơ vữa và cục huyết khối. Từ đó, gây ra tắc mạch, thiếu máu não cục bộ thoáng qua. Thời gian bị tắc kéo dài sẽ khiến tế bào thần kinh tại các vùng não không được cung cấp oxy và dưỡng chất suy yếu dần và hoại tử, dẫn đến cơn đột quỵ não.

■ Chủ động ngăn chặn nguy cơ gây bệnh

Đột quỵ – TBMMN là hậu quả dễ gặp khi không phát hiện và kiểm soát tốt các yếu tố nguy cơ có trước đó. Do đó, để “hóa giải” bệnh, mỗi người cần dự phòng tích cực, ngăn chặn từ sớm bằng cách:

- **Theo dõi, kiểm soát các nguy cơ:** Kiểm tra sức khỏe định kỳ để kịp thời phát hiện nguy cơ đột quỵ như bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, bệnh lý tim mạch, thừa cân, béo phì... và điều chỉnh cũng như điều trị theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên khoa.

- **Thay đổi lối sống:** Xây dựng chế độ ăn uống lành mạnh (ăn nhiều trái cây, rau xanh, cá, thực phẩm ít béo, tránh những thức ăn quá ngọt, béo, thịt chế biến sẵn, món ăn quá mặn...); vận động thường xuyên (đi bộ, chạy bộ, đạp xe, bơi...) theo khả năng của từng người; tránh mất ngủ, căng thẳng, stress; không lạm dụng rượu bia, không hút thuốc lá.

- **Chăm sóc não, bảo vệ tế bào thần kinh và mạch máu:** Đây được xem là phương pháp bền vững kiểm soát gốc tự do, góp phần dự phòng nguy cơ đột quỵ não.

Gần đây các nhà khoa học Mỹ đã tìm ra hoạt chất sinh học thiên nhiên có trọng lượng phân tử nhỏ, dễ dàng vượt qua hàng rào máu não là Anthocyanin và Pterostilbene có trong Blueberry (xuất xứ Bắc Mỹ) có tác dụng trung hòa các gốc tự do gây hại trong mạch máu, góp phần giảm và hạn chế sự hình thành mảng xơ vữa, huyết khối hiệu quả. Nhờ đó khơi thông dòng máu lên não, cải thiện tình trạng thiếu máu não, giúp dự phòng đột quỵ.

Đồng thời, với những bệnh nhân sau đột quỵ, tinh chất thiên nhiên từ Blueberry sẽ giúp hạn chế sự hình thành mảng xơ vữa mới ở những mạch máu khác, hỗ trợ khôi phục trí nhớ, hạn chế tái phát sau đột quỵ.

Chuyên gia NGUYỄN VĂN THÔNG

(Nguồn: Báo Công An số 2903)

KHÂM TÍN

Nước Uống ALOEPAS

Uống Ngon Ngon Nhai Giòn Giòn

○ Công ty TNHH TMDV KHÂM TÍN vừa đưa ra thị trường sản phẩm nước uống **Nha đam - Chanh dây** mang thương hiệu **ALOEPAS** được người tiêu dùng đánh giá rất cao. Ngoài việc kết hợp độc đáo của hai loại thảo dược thiên nhiên mang nhiều dưỡng chất có lợi cho sức khỏe này, nước uống **ALOEPAS** còn mang đến cho người tiêu dùng một trải nghiệm hương vị mới vô cùng hấp dẫn.

○ Với phương châm sản xuất ra những sản phẩm **Đẹp Vì Cuộc Sống, Khỏe Vì Gia Đình**, giải thưởng **Cúp Vàng Chất Lượng Việt Nam** **Phù Hợp Tiêu Chuẩn** chính là ghi nhận xứng đáng dành cho những đóng góp của công ty.

Sản phẩm của : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KHÂM TÍN**
 Số 254/11 Cđ. Bđ. Phường, Cđ. Giảng, Q.1, TP. HỒ CHÍ MINH
 Số Nhà máy : **CH. NHADAM VINH - CÔNG TY TNHH TMDV KHÂM TÍN**
 Số 2 Lô A - Cũ Xã Phú Lâm D, P. 10, Q. 6, TP. HCM, VIỆT NAM
 Website : www.khamtin.vn Email : khamtin1668@gmail.com

ĐẸP VÌ CUỘC SỐNG - KHỎE VÌ GIA ĐÌNH

pháp uyển

PHARMAGARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
 08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ

CHUYÊN SẢN XUẤT NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
 Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
 Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
 Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
 Website: www.quangnghecandle.com



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
 3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



Sắp phát hành

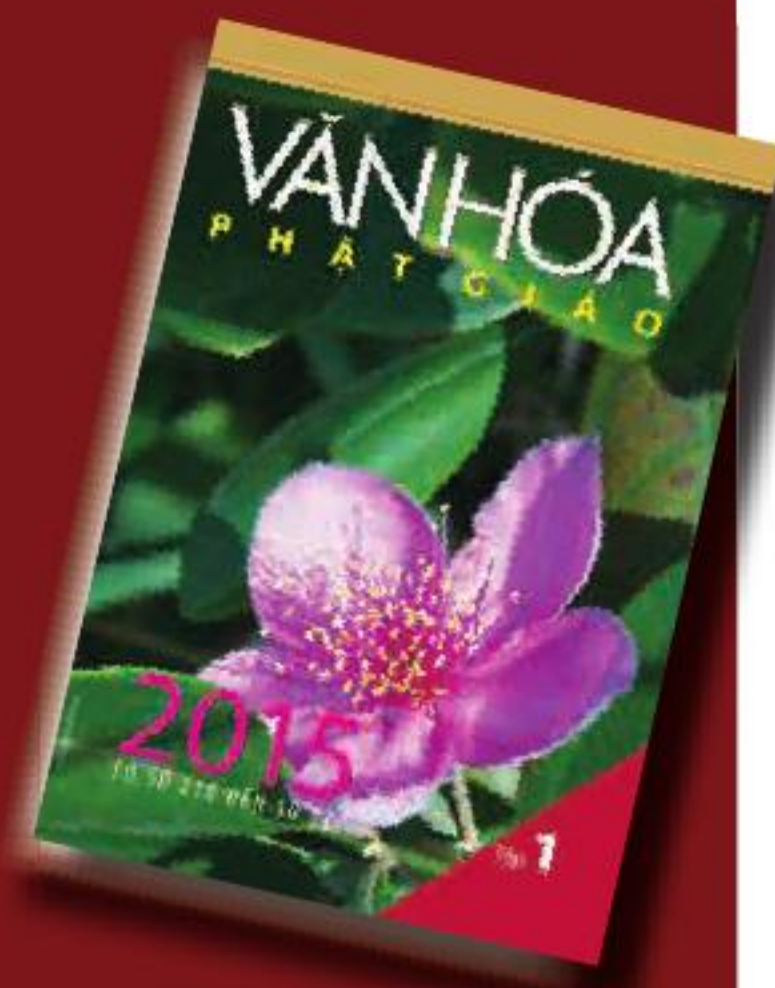
VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2015**,
 từ số 216 đến số 227
 giá: **210.000đ/cuốn**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại
 toàn tập (tập 1 + tập 2)

2007 (tập 2): 160.000VNĐ	2011 (2 tập): 420.000VNĐ
2008 (2 tập): 340.000VNĐ	2012 (2 tập): 420.000VNĐ
2009 (2 tập): 360.000VNĐ	2013 (2 tập): 420.000VNĐ
2010 (2 tập): 380.000VNĐ	2014 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ: Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM





CÔNG TY CỔ PHẦN SINH HÓA QUỐC TẾ

NHÀ CUNG CẤP SƠN GỖ GỐC NƯỚC HÀNG ĐẦU

THE LEADING WATER-BASED WOOD PAINT SUPPLIER



Tel: 0917 337 500
www.biochem.vn

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh, sách văn hóa phẩm Phật giáo
- Pháp phục Tăng, Ni, áo tràng Phật tử, nón tỷ lệ...
- Chuông mõ Huế các size.
- Tranh, tượng Phật, hàng mỹ nghệ, lưu niệm...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

Đ/C: Cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.HCM
ĐT: 0902 40 47 48 - 0972 898818 - Email: hoinguyen.kt@gmail.com



- Ngô Phương Đức: STK: 76935619
Ngân hàng ACB - CN Bình Thạnh
- Nguyễn Thị Hối: STK: 1920206053273
Ngân hàng Agribank - CN Bến Thành



Restaurant

Chay
Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh hèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vụn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



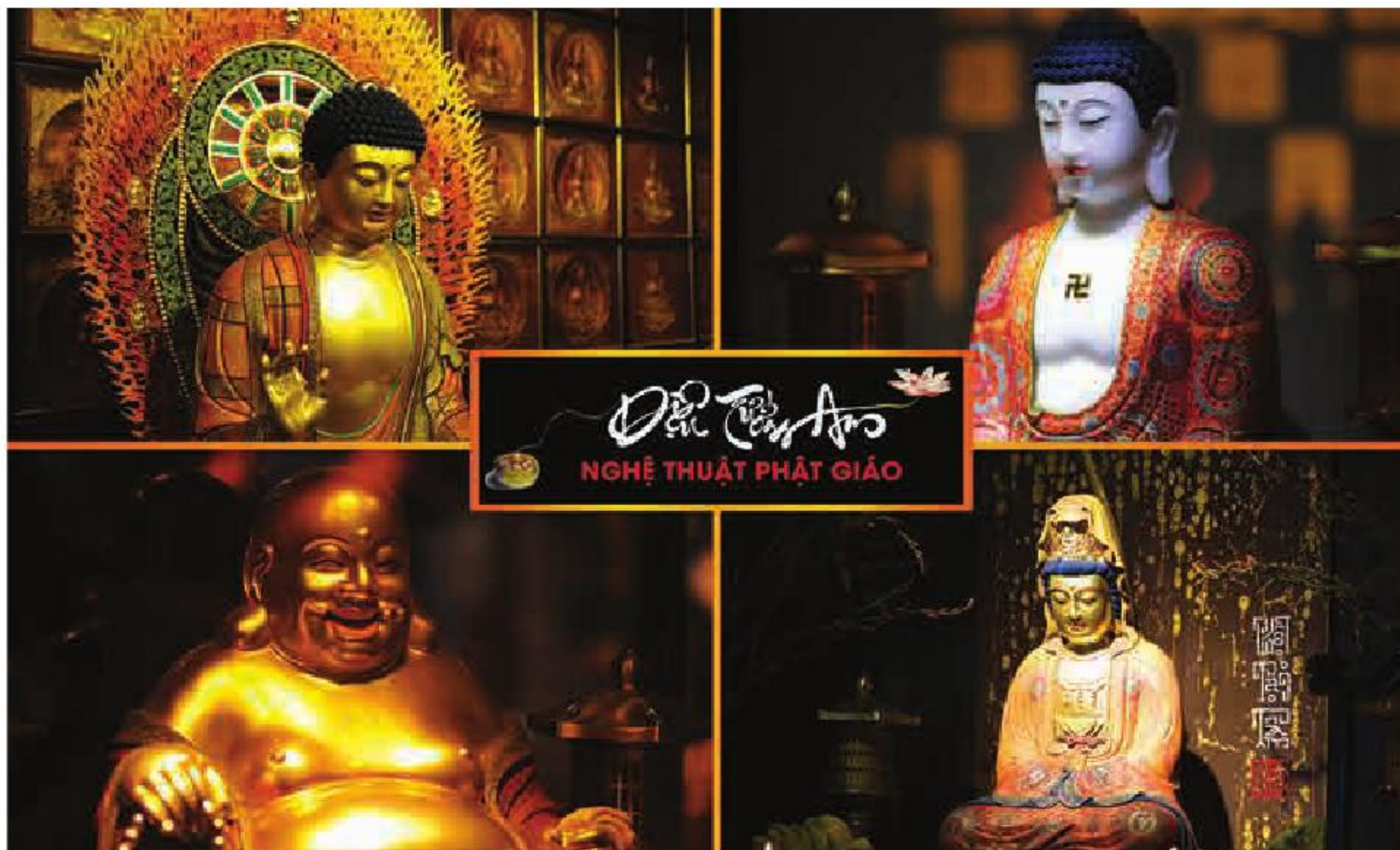
○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời

VĂN HÓA
P HẬT GIÁO

- Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...
- Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**
- ĐT: **0913 810 082**
- Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**



Diệu Tường An
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

ĐIỀU TƯỚNG AM NAM KỲ
382B NAM KỲ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: (08) 38 484 558 - HOTLINE: 0906 955 663

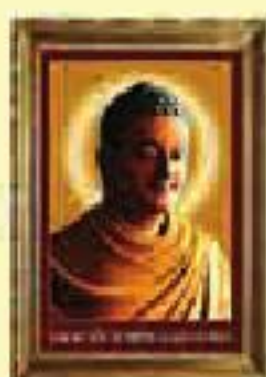
ĐIỀU TƯỚNG AM 3/2
212 BA THƯƠNG HẢI, P. 12, Q. 10
ĐT: (08) 38 684 913 - HOTLINE: 0902 848 363

ĐIỀU TƯỚNG LUY LY QUANG (NGỌC LUY LY)
382G NAM KỲ KHƠI NGHĨA, P. 8, Q. 3
ĐT: 0938 959 503

www.dieutuongam.com

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
ĐT: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ymail.com

THÔNG BÁO

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử, doanh nhân và độc giả trong và ngoài nước tham gia đọc, viết, cổ động phát hành báo, đăng quảng cáo và viết PR giới thiệu hoạt động từ thiện, quảng bá các sản phẩm và hoạt động của doanh nghiệp, công ty, nhà hàng chay, quán chay, cửa hàng... trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Tạp chí được phát hành vào ngày 1 và 15 hàng tháng trên toàn quốc và nước ngoài.

1- Giá báo phát hành:

- Trọn năm 2015: **604.000đ** (đã CK 5%)
- 6 tháng đầu năm: **316.000đ**
- 6 tháng cuối năm: **316.000đ**

2- Giá đăng quảng cáo và viết PR:

- Trang bìa 4: 10.000.000đ
- Trang bìa 3: 8.000.000đ
- 1/2 bìa 3: 5.000.000đ
- Trang ruột 4 màu: 5.000.000đ
- 1/4 trang ruột 4 màu: 1.250.000đ
- 1/8 trang ruột 4 màu: 500.000đ

Đăng quảng cáo dài hạn sẽ có giá ưu đãi và nếu được yêu cầu, chúng tôi sẽ giúp việc thiết kế mẫu quảng cáo.

Thời gian giao nhận file quảng cáo: ngày 8 và 23 trong tháng.

Vui lòng liên hệ:

- **Đăng quảng cáo**
Đạo hữu Pháp Tuệ
ĐT: 0913 810 082
- **Liên hệ đăng ký mua báo**
Ban phát hành
ĐT: (84-8) 38484335

Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

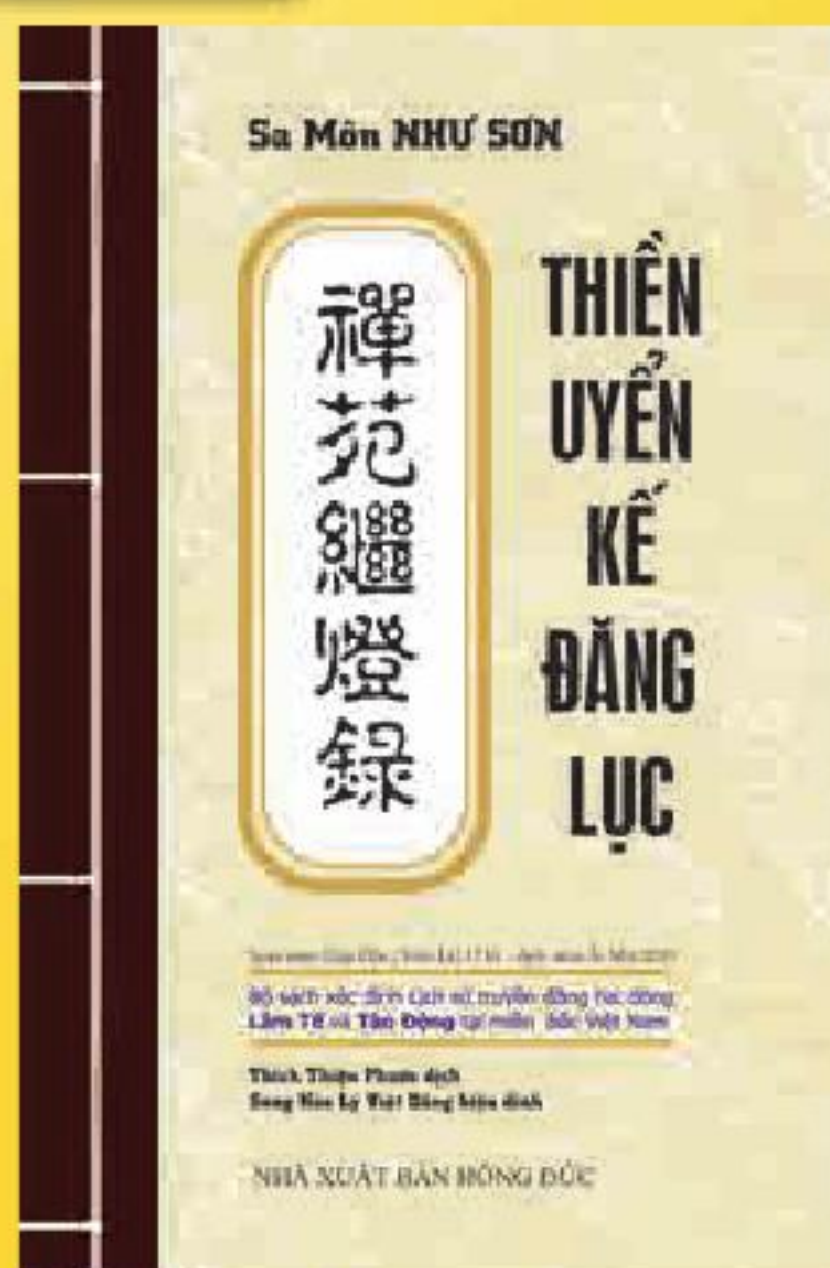
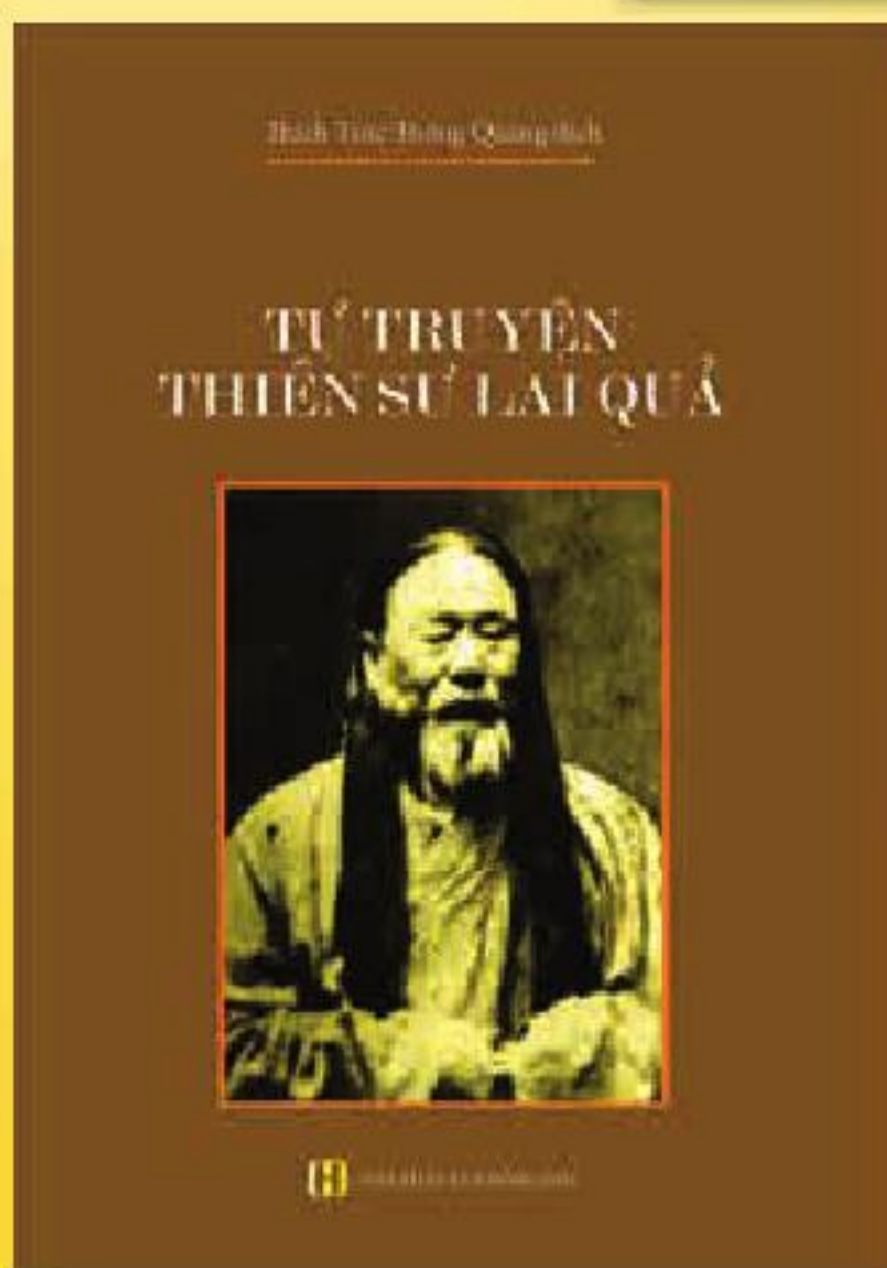
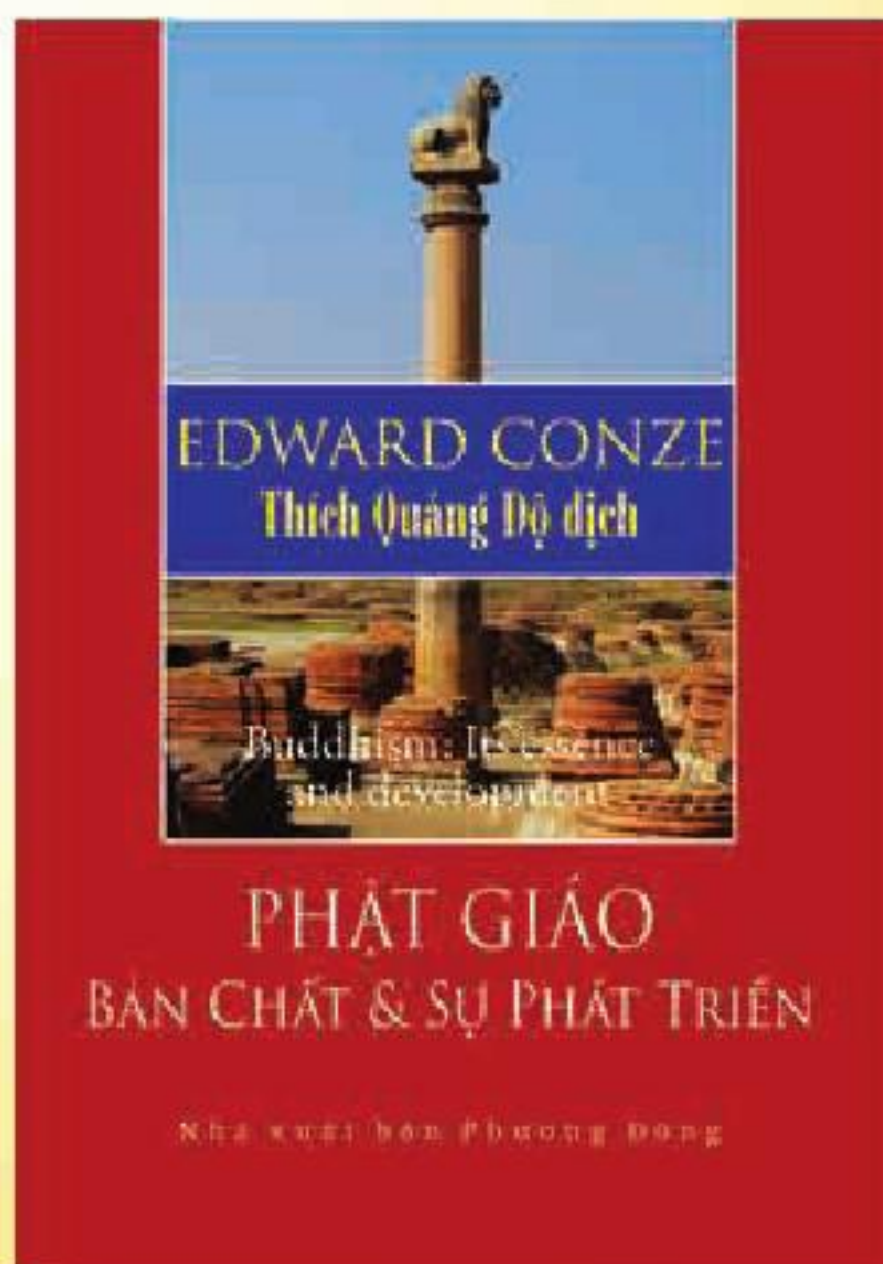
PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028



CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DĐ: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pàli và Sanskrit.

T o a
t a o
t o o n g
P h a t
l a o
m o a
p h a p
m o a
t u



Bộ tượng Tây phương Tam Thánh, cao 290cm, chất liệu Fiber, vẽ bằng màu Acrylic France.



C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM
0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)

Email: mythuatzen@gmail.com - Website: www.zenart.com.vn

Facebook: mythuat.zen@facebook.com